



TẤT CẢ ĐỀU LÀ LỄ ĐƯƠNG NHIÊN

Lời giải đáp cho con người

LỜI NGŨ

Mỗi người đều trải qua một đời, đủ thịnh suy thành bại, đủ buồn vui được mất, nhưng học hỏi được gì ở cuộc đời lại là chuyện khác. Người ta có thể học hỏi được nhiều từ những việc nhỏ nhoi, bình thường; cũng như có người đã vô tâm trong những cơ hội lớn. (Viên Chiếu).

HẠNH HUỆ

Soạn dịch (từ cuốn TINH VÂN BÁCH NGŨ)

Lời giải đáp cho con người

Tất Cả Đều Là Lẽ Đương Nhiên

(Trích TINH VÂN BÁCH NGŨ)

HẠNH HUỆ soạn dịch

Lời ngỏ

Mỗi người đều trải qua một đời, đủ thịnh suy thành bại, đủ buồn vui được mất, nhưng học hỏi được gì ở cuộc đời lại là chuyện khác.

Người ta có thể học hỏi được nhiều từ những việc nhỏ nhoi, bình thường; cũng như có người đã vô tâm trong những cơ hội lớn.

Những bài dịch này, có thể đóng góp cho người đọc thấy một lối nhìn để chúng ta nhận được rằng, làm đẹp cuộc đời là điều không phải xa xôi mà mỗi người chúng ta đều có khả năng thực hiện.

Viên Chiếu
Trọng thu – Tân Tị
(2001)

Trọng Yếu Của Nhân Học

“Nhân”, phải trải qua sự từng trải việc người mới có thể trưởng thành.

“Nhân”, phải nghĩ đến sự tồn tại của người khác mới có thể rộng mở.

“Vô duyên đại từ – đồng thể đại bi”, ắt là cảnh giới tối cao giữa “người” và “người”.

Tháng 11 năm 1994, tại đạo trường Phật Quang Sơn Đài Bắc cử hành hội nghị học thuật của hai bờ eo biển, tôi đáp lời mời cùng các nhà học giả tọa đàm. Trong bàn có một vị giáo sư nói, trước mắt, Trung Quốc Đại Lục có một nhóm học giả chuyên môn nghiên cứu “Nhân học”. Ông ta là một người trong đó. Thì ra, Người – mới là học vấn tối trọng yếu của thế gian. Tôi bảo với

các nhân sĩ, nếu chỉ nghiên cứu “người” trên bề mặt thì chưa đủ, cần phải nên nghiên cứu “tâm”, bởi vì người là *sắc* và *tâm* hòa hợp mà thành, ắt đem vật chất và tinh thần điều hòa, mới có thể triệt để đem “người” làm tốt, trọng yếu của nhân học, mới thật chẳng hư rỗng.

Nhớ lúc còn bé, bà ngoại đưa tôi đi học tại trường tư thục. Ngày đầu tiên thầy giáo chỉ dạy tôi một chữ “người” (人: *Nhân*). Sau này đem “người” làm tốt trở thành mục tiêu của đời tôi. *Do đó*, trước hết tôi theo sự hiếu thuận với bậc trưởng thượng mà làm, vì muốn giúp người mẹ cô quả khổ cực, tôi đem số tiền dành dụm hằng ngày, tiền mừng tuổi năm mới đưa mẹ mua điếm tâm về nhà, để cho tiếng cười thích thú của bọn con cái làm nhạt nhòa sự thâm não trong lòng mẹ.

Tuổi quá sáu mươi, tôi và người mẹ đã xa cách bốn mươi năm gặp gỡ nhau, tôi liền nghĩ cách rước mẹ về nuôi dưỡng hiếu kính, thân hôn định tĩnh, và bắt chước tinh thần của Lão Lai Tử mặc áo hoa làm vui cho mẹ, nương vui dưới gối. Thậm chí tôi yêu nhà và quạ đậu trên nhà, hết sức vì cậu, anh chị em giải quyết vấn đề khiến cả nhà vui vẻ an lạc, làm mẹ được an tâm.

Năm mười hai tuổi, tôi xuất gia. Sư phụ là Thượng nhân Chí Khai đưa tôi đến Phật Học Viện để học. Tôi tiến một bước học đến tâm là nguồn vạn pháp. Học làm “người” trước phải điều tâm, trong tâm có “người”, vì “người” mà để tâm đến, là điều kiện tiên quyết làm “người”. Vì để Sư phụ hoan hỷ, khỏi lo, tôi tinh tấn phấn phát, cố sức vươn lên. Vì muốn cho sư huynh đảm nhiệm trụ trì tại chùa chuyên tâm quản lý việc chùa, tôi thường xuống núi chạy hơn trăm dặm đường dài lo kinh sám Phật sự, qua lại giữa thôn làng mà thổ phi thường ẩn hiện, và cũng tự nguyện tôi ba mươi Tết gõ cửa từng nhà để quyên góp lương thực.

Lúc nội chiến bùng nổ, tôi cùng bạn đồng học một mặt hoảng pháp, một mặt lánh nạn. Sự thiếu thốn vật dụng khiến tôi nghĩ đến nhu yếu của người khác, do đó khi tiết đông lạnh giá tôi đem chiếc áo bông duy nhất tặng bạn đồng song là Hoàn Độ, lại đem chiếc áo tràng khó được cho người bạn tốt Chữ Vân. Tôi cảm nhận sâu xa giữa “người” và “người”, nếu có thể tương thân tương ái, vũ trụ rộng mở biết bao!

Đến Đài Loan, tin đồ ngày càng tăng, và lo nhu yếu cho người khác, có thể nói là tôi ngày ngày vì người cực khổ, ngày ngày vì người bận rộn. Bằng hữu Nhất Thông điện thoại sẽ đến thăm, tôi tựa cửa ngóng trông, quét giường để đợi. Tin đồ có Phật sự tổng táng, tôi vội vàng đi xe siêu tốc để kịp thời dự lễ, niêm hương, thuyết pháp. Hứa làm lễ hỷ sự kết hôn, dù ở mãi tận cuối làng xa xôi heo lánh, trời mưa tầm tã, tôi cũng len lỏi trên đường nhỏ quanh co giữa sấm chớp vang rền, kiếm cách đến nơi để chúc phúc chứng minh, thậm chí sau này còn quan tâm đến vấn đề họ sanh con nuôi cái. Như nhà cư sĩ Thái Cổ Nghi ba đời đều là tôi đặt tên cho, năm người con của Quách Bồn Vân, ba cậu bé của Lý Nhất Bình, tôi thay họ nuôi nấng nhiều năm. Về sau, dứt khoát mở rộng, đổi thành Dục Ấu Viện, chuyên thu nhận nuôi dưỡng luôn một loạt. Trong đám đông nhân quần, vì người khác bôn ba cực nhọc, tôi chẳng chút nào cho rằng khổ, nhân vì tôi từ thân “người” học tập được đức tính tốt đẹp khiêm hòa nhẫn nhục, từ bi bao dung.

Một đệ tử trẻ tuổi từng nói với tôi:

- Người ta đến lúc già thường giống như trái banh chuyền, con cái đẩy qua đẩy lại, chẳng chịu chiều cô, nhưng Sư phụ lại giống quả bóng chày, con cái trong thiên hạ đều hoan hỷ qua lại ôm chầm Thầy.



Tôi nghĩ đây nhân vì tôi rất chú trọng sự tôn trọng hài hòa giữa con người với nhau. Bình thường chúng ta đều biết lúc trời lạnh cần chuẩn bị dù đi mưa, lúc xuân hạ cần tích cốc phòng đông. “Người” cũng không thể chỉ thấy lợi gần ngắn ngủi mà phải ở hằng ngày bồi dưỡng duyên lành, vì vị lai vĩnh hằng mà lưu tâm.

Tôi suốt đời giữ nguyên tắc xử thế đãi “người”: “Anh lớn tôi nhỏ, anh tốt tôi xấu, anh có tôi không, anh vui tôi khổ”, có bị thua thiệt thế nào đi nữa cũng không dễ dàng phá hoại “tình người”. Kết quả tôi làm người khác hoan hỷ, người khác cũng đang rộng hai tay, biểu thị hoan nghinh tôi.

Có lúc, tin đồ cho rằng tôi biết xem phong thủy địa lý, đến hỏi tôi miếng đất này tốt hay xấu. Tôi hoàn toàn đề xướng “nơi nơi đều là đất tốt”, nhân đây đều nói “Tốt”, chúc phúc họ được cát tường như ý, đợi họ được bình an thuận lợi, mới đem cục đá trong tâm buông xuống. Có tin đồ hỏi tôi ngày này tốt hay xấu. Tôi luôn chủ trương “ngày ngày đều là ngày tốt, do đó đều nói “tốt”, chúc phúc họ tháng tốt ngày lành, chỉ vẫn đợi đến khi họ cảm tình hòa mục, tự mình cũng mới an tâm. “Người” là điều trọng yếu. Tánh của “người”, tại có sở đắc. Tuy nói đưa ra chút quan tâm, nhưng có thể bảo trì tình nghĩa nặng sâu, tự biết như thế là thu hoạch nhiều tốt đẹp.

Đối với hơn ngàn đệ tử xuất gia, từ trên thực chất cho đến sự khai phát về tinh thần, từ sự kiến thiết cứng cõi đến nghị định chế độ, từ giáo dục sinh hoạt đến khai thác tư tưởng, từ khai đạo cá biệt đến phổ tham đại chúng..., tôi đều đem hết khả năng, đấng miệng mềm lòng... Nhưng mưa thì nhuần khắp mặt đất mà cây thì có lớn nhỏ khác nhau, trình độ thấm nhuần bất đồng. pháp thì đồng dạng, một vị bình đẳng, nhân nơi trí hay ngu của “người” có phân biệt hơn kém, sự tiếp thọ nhiều ít cũng có sai biệt. Giống như có một ít đệ tử không hề muốn tôi quan hoài, một lòng chỉ nghĩ việc phụng hiến thường trụ, phục vụ nhân quần, bọn họ tạm dùng thời giờ, sẽ thành long tượng trong cửa Phật, lương đồng trong giáo giới. Nhưng có một ít đệ tử đã không muốn người khác quan tâm, mà tự mình chẳng giúp đỡ “người khác” chút nào, chỉ nghĩ cho mình, bình tĩnh an nhàn qua một đời. Có một số đệ tử chỉ hy vọng “người khác” đối xử tốt với mình, chính mình lại không chịu đáp trả. Lại có số chỉ biết che giấu “người khác”, dù đối với họ tốt, họ cũng chẳng biết đủ, vừa lòng. Bọn họ cứ việc lo tài năng cho ưu việt, nhưng do cá tánh sai sử, không cách gì làm cho nhân hòa, nghĩ đến tiền đồ của họ cũng chịu nhiều hạn chế.

Hơn mười năm trước, vì mở mang chùa Tây Lai làm cơ sở hoàng pháp tại Âu Mỹ, một nhóm đồ chúng trẻ tuổi mạnh mẽ, có đủ tiềm lực lục tục đến Mỹ quốc làm công tác khai sơn, đầu dè có một ít đệ tử lại nói sau lưng:

-Su phụ đem đồ đệ ưa thích nhất đưa đi Mỹ.

Về sau chùa Tây Lai khánh thành, thường trụ lại phái một nhóm đệ tử lão thành cẩn thận, tu dưỡng thâm hậu đến trước đề độ chúng, chẳng dè mấy người này lại nói:

-Hiện tại Su phụ đem đệ tử không ưa nhất phái đi Mỹ.

Vừa nghe như thế, thật chẳng biết làm sao. Lòng bàn tay hay lưng bàn tay cũng đều là thịt, rốt cuộc ai là người tôi thích nhất? Ai là người tôi ghét nhất? Theo thời gian đưa đẩy, đến nay, tiếng bất bình đã mất tăm mất tích. Té ra thích hay không thích đều là vấn đề “người” mà thôi. Tâm có cao thấp, “người” bèn có tầng lớp bất đồng. Chỉ cần việc làm công chính, công bình, qua

một thời gian, tự nhiên khiến người nể phục, hà tất suy bì cái thấy ngăn ngui một thời của người sao?

Nhớ mấy năm trước, vào một sáng quang đấng, tôi đưa mẹ đi tản bộ. Lúc đến dốc phía dưới bên trái chùa Tây Lai, tôi rút chìa khóa mở cửa sắt, giải thích cho mẹ:

-Cái cửa hông này là đường ngắn thông tới chùa Tây Lai.

Mẹ tôi nói:

-Cửa chính? Cửa hông? “Người bậc thượng” thì rước cửa trên, “Người bậc trung” thì “người” đái “người”, “Người bậc hạ” thì cầu chằng thành. Đâu có con đường ngắn nào?

Đích xác, đầy đủ từ bi trí tuệ, chịu chủ động phục vụ cho “người”, tự nhiên được mọi người công kênh làm “người ở trên người”. Tâm ôm phân biệt, chỉ tính lợi trước mắt, đã không từ bi lại không trí tuệ, đương nhiên chỉ quanh quẩn làm “người ở dưới người”.

Lại có một lần, tôi tuyên giảng kinh Kim Cang, lúc xuống tòa, tôi hỏi mẹ hay hay không? Mẹ tôi đáp: “ââÔng nói không *ngã tướng*, tôi có thể lý giải được, nhưng làm người nêu như không *nhân tướng*, tôi không rõ lắm. Trong tâm một con người mà không có *người khác*, thì làm sao an thân lập mạng trên xã hội?”

Mẹ tôi không biết chữ mà nói ra lời khiếp người, khiến đệ tử của tôi đều thán phục quá chừng. Tôi nghĩ đây là vì bà bình thường thích gỡ rối, dẹp khó cho bà con lối xóm, do đó, có thể thông đạt nhân tình thế cố như thế! Mà tôi từ bé ở chỗ thấy nghe lựa chọn, cũng tập lo lắng cho người là việc thường. Thẳng đến ngày nay, vì để giữ thanh tịnh cho người, đêm khuya, tiết mục truyền hình đáng xem lại tôi cũng không xem. Vì muốn tin đồ không thất vọng, tôi nhất định giữ đúng lời hứa, dù bệnh đau nặng nề, cũng chưa hề hủy bỏ ước hẹn. Lúc bình thường, tôi ra vào đóng cửa, mở cửa nhất định nhẹ tay nhẹ chân, không cho ra tiếng, để khỏi kinh động người khác. Lúc dùng nước, tôi chẳng dám mở mạnh cho nước chảy ào ào, sợ ồn náo người khác. Nói chuyện cốt người nghe vui vẻ; làm việc cốt cho người ta biết rồi đồng ý.

Vì muốn người già có chỗ dưỡng, bé thơ có chỗ yên, tôi xếp đặt sự nghiệp từ thiện, dưỡng lão, dục ấu... Vì muốn trợ giúp người Trung Hoa ở hải ngoại được an trú mỗi miền, tôi thành lập Trung Hoa Học Hiệu, Tùng Hạc Học Uyển. Để có phương tiện cho tín đồ thế giới thăm viếng, tôi giao phó mỗi phân viện tặng gia thêm xe đón, xe đưa phục vụ. Thậm chí để nâng cao tầng lớp tín đồ, ở mỗi nơi trên toàn cầu, tôi đều thành lập Phật Quang Hội, để mọi người có thêm nhiều cơ hội học tập. Phật dạy: “Tất cả đều vì chúng sanh, do đó, chúng ta chẳng phải là vì “người”, lại có Phật sự nào để làm ư?”

Năm 1992, tôi đến chủ trì Đại hội do Đan Phật Phật Quang Hiệp Hội thành lập. Tiên sinh Tạ Điền Phong nhậm chức Hội trưởng lúc từ giã ra về nói:

-Quá khứ tôi là một Công trình sư mỗi ngày làm bạn với cốt sắt, bùn nước, cơ khí, mô-tơ. Chẳng những sinh hoạt khô khan vô vị, mà ngày qua ngày lại vì “công việc” mà bận rộn, trên tư tưởng cũng không được thông cảm, khiến tôi thường cảm thấy cô đơn trống vắng. Từ khi tổ chức

Dan Phật Phật Quang Hiệp Hội rồi, tôi ngày ngày vì “người” mà bận rộn. Tuy trong quá trình có hỷ, nộ, ai, lạc, có thuận nghịch, chê khen, nhưng trong sinh hoạt có thanh âm, có tiếng vang, trên sự tu hành có phấn tỉnh, có tiến bộ, khiến tôi biến đổi có từ bi, có trí tuệ, làm việc càng an ổn mạnh mẽ, thành thực thêm. Hiện tại tôi cảm thấy đời người sung mãn vô hạn.

Một lời nói này, có thể nói hết cái “Trọng yếu của nhân học”.

Hơn hai mươi năm trước, lúc tôi đảm nhận chức Viện trưởng Phật Quang Sơn Phật Giáo Học Viện, mắt thấy thiếu số học sinh vừa mới đến, nhất thời tục tình chưa hết, muốn xuống núi xem đoàn trượt băng Bạch Tuyết, lại ngại nội quy của viện không cho phép, trong tâm thấp tha thấp thỏm. Tôi vì muốn thành toàn cho họ, bèn lấy cớ của mình, phái họ đến chợ mua văn phòng phẩm, thả họ nửa ngày rảnh rỗi. Học sinh này đi rồi, sau bèn có thể an trụ trên học nghiệp, tinh tấn phấn chí, không còn nghĩ đến việc xuống núi nữa.

Những chú bé của Sa- Di Học Viện tuổi nhỏ thích chơi, lão sư kiểm soát thường thường y theo phương pháp của tông lâm ở Đại Lục, phạt họ quỳ hương lạy Phật, tôi vội vàng ngăn lại, bảo lão sư phạt Sa-di quỳ rồi phải ngủ, chẳng cho họ theo chúng tham gia khóa tụng sớm chiều. Biện pháp này được thực thi nửa năm, bọn Sa-di quỳ rồi thấy bạn đồng học khác có thể lên điện theo khóa tụng, còn mình lại không thể tham gia, rõ ra đi ngủ là một loại xử phạt, lễ Phật là một việc vinh quang, dần dần sanh tâm hổ thẹn, mỗi người đều tự động tự phát biến đổi, nhận chân việc siêng năng, tấn tới. Về sau, các lão sư đều bội phục phương pháp giáo dục của tôi, kỳ thực tôi chẳng có học qua trường sư phạm nào, cũng chẳng hề tu học qua về giáo dục, chỉ là biết được một điểm *nhân tính* mà thôi.

Tôi biết được chẳng kể là dạy người hay xử người, đều phải trước hết duy trì sự tôn nghiêm của đối phương, chớ nói “người biết tánh mới ở chung”, “người” sống trong sự tôn trọng. Đối với người tham dục sâu, chúng ta để họ nhiều vật chất một chút. Đối với người lòng giận dữ nặng, chúng ta cần cho họ lời khen tặng nhiều một chút. Đối với người ngu si, chúng ta cần tha thứ về sự chẳng rành sự lý của họ. Đối với người kiêu mạn, chúng ta cần khiêm hư thêm để tiếp đãi. Đối với người nhiều nghi ngờ, chúng ta cần giảng rõ ràng, nói minh bạch, để họ tăng gia tín tâm.

Trong nhóm đệ tử của tôi, không những bao quát đủ mọi nghề sĩ, nông, công, thương, mà còn trùm hết các nhân chủng đen, trắng, vàng, nâu đủ màu. Một hôm nọ, có một số đệ tử da đen đến Congo nói với tôi:

- Chúng con rất lo lắng vì tâm người da đen so ra không nhu nhuyễn, không dễ dàng tiếp thọ Phật pháp, chúng con phải làm sao để cải biến tâm này?

Tôi đáp họ:

- Cải biến màu da thì khó, cải biến nội tâm thì dễ hơn, hơn nữa cải biến nhan sắc cũng chẳng tất yếu, chỉ cần đổi tâm là tốt rồi. Kỳ thật, chẳng những người da đen cần đổi tâm, mà ai ai cũng đều phải cần đổi tâm. Tâm của người da đen thực sự rất hiền lương, có lúc người da trắng, người da vàng cũng không bằng. Hy vọng các con hôm nay xuất gia, cần phát nguyện hoằng dương lòng từ bi trong Phật pháp, giải quyết vấn đề bất bình đẳng ở Phi Châu, đem nhân dân từ trong khổ nạn bởi chiến tranh giải thoát ra, qua sinh hoạt hạnh phúc hòa bình của Phật pháp.

Bọn họ nghe rồi, vui mừng chấp tay. Như nay ở Nam Phi lại có nhiều vị da đen do *nhân tính Phật pháp* của các pháp sư Huệ Lễ, Huệ Cơ chiêu cảm mà phát tâm xuất gia, tôi tin rằng ánh sáng trong *nhân tính* một mặt nhất định có thể chiếu phá đám mây mù đen tối.

Mạnh Tử nói: “Nhân chi sơ tính bản thiện”. Phật giáo thì cho rằng: “Người người đều có Phật tánh, chỉ do vọng tưởng chấp trước, do đó luân hồi lưu chuyển trong năm đường”. Lại nói: “Một tâm chia hai môn, tâm chân như môn và tâm sanh diệt môn”. Nếu như chúng ta để tâm tĩnh lặng lại, phản quán tự chiếu trở về nguồn cội, sẽ phát hiện: Sự thiện ác của “người” là từ trong bản tánh phát sanh. Mừng giận của “người” là từ tâm phân biệt mà đến. Buồn vui của “người” là từ trong cảm quan tiếp nhận. Chân giả của “người” là từ trong cảnh giới mà dẫn phát.

Mười năm trước, một vị trẻ tuổi vừa tốt nghiệp Đại học đến núi học Phật. Lúc đó khí thế của Đại Chuyên Thanh Niên Học Phật lại không thịnh lắm. Do đó, mọi người đối với anh ta hết sức trọng vọng, nhưng vì anh ta chủ quan quá mạnh, duyên với người ngày càng nhạt nhẽo. Có một hôm, anh ta tìm tôi, đầy miệng toàn là: “Tôi nhận là... Tôi biết được... Ý của tôi là... Cách nhìn của tôi cho rằng...” Tôi bảo anh ta:

- Thế giới không phải có một mình anh, chỉ có buông hết thành kiến, dẹp bỏ ngã chấp, nghĩ đến người khác, mới có thể có toàn bộ thế giới.

Nghĩ lại mình lúc còn trẻ, cũng từng cao ngạo tự phụ, nhưng theo tuổi tác tăng trưởng, biết “ngoài người có người”, “ngoài trời có trời”. Triết Tây nói: “Vũ trụ chỉ cao năm thước, thân con người sáu thước, phải cúi đầu mới có thể sinh tồn”. Do đó, từ từ học được khiêm hạ, nhường nhịn, đồng thể cộng sanh, không lúc nào không nghĩ cha mẹ của ta là người, anh em của ta là người, thầy của ta là người, bạn bè ta là người, cùng ta qua lại đều là người. Nghĩ đến lại có nhiều người cần ta, ta cũng cần nhiều người. Tôi thâm thâm cảm được: “Người”, ắt phải trải qua sự từng trải “nhân sự” mới có thể trưởng thành. “Người”, ắt phải nghĩ đến sự tồn tại của “người khác” mới có thể rộng mở. “Vô duyên đại từ, đồng thể đại bi”, đây là cảnh giới tối cao giữa người và người.

Phật Quang Sơn từ lúc khai sơn đến nay, mọi việc lớn nhỏ đều phải mở hội quyết nghị. Đệ tử thường nói:

- Sư phụ, Thầy đến quyết định nhé! Thầy nói làm gì, chúng con sẽ làm thế.

Tôi lại kiên trì mở hội để bàn luận, nhân vì Phật Quang Sơn là của chung mọi người. Ba mươi năm nay, Phật Quang Sơn ở trong ổn định mạnh mẽ trưởng thành, “nhân hòa” là nhân tố trọng yếu nhất.

Tiên sinh Trần Trúc là bậc nhân sĩ có công năng đặc dị nổi tiếng ở Đại Lục, một hôm nói chuyện với tôi về vấn đề “con người”, ông nói: Người sách hoạch bộ phim Hà Thương, lúc mới đầu vì việc mở đầu phim mà nhức đầu nhức óc, có một hôm vô tình xem thấy bản đồ treo trên tường, chỗ hai sông Trường Giang và Hoàng Hà chia nhánh, giống hệt chữ 人 (*người*), khiến ông ta “phước đến tâm linh”, lấy đây làm đầu phim, nhiều người xem xong rất khen ngợi sự thiết kế trí tuệ của ông ta. Tục ngữ nói: “Đất có nước mới có người ở”. Trường Giang và Hoàng Hà đã gây dựng “nhân văn” của Trung Hoa thật vĩ đại. Kỳ thực, không những người trong nước như thế, nhiều năm nay, tôi đi thăm các nơi trên thế giới, phát giác ra hễ quốc gia nào giảng giải nghiên

cứu “nhân ngã tôn trọng” nhất định gặp được đường kang trang hạnh phúc, ngược lại thì họa loạn không dứt.

Người Trung Quốc khổ nạn liên miên, nhưng chữ Trung Quốc lại phong phú triết lý, ví dụ như 一 (người), 也 (ấy) hợp thành 他 (người khác) nghĩa là người khác cũng là “người”. 一 (người) và 尔 (anh) là 你 (bạn), ý nói bạn cũng là người. 一 (người) và 二 (hai) là 仁 (nhân từ) ý nói nghĩ nhớ đến hai người đây và kia, mới là biểu hiện nhân từ. 人 (người) và 一 (một) là 大 (to lớn) ý là thêm một người nữa mới có thể cộng sự với người, đoàn kết hợp tác, mới có thể thành tựu sự nghiệp vĩ đại. 人 (người) và 二 (hai) là 天 (trời), ý nói thêm hai người, có thể đủ hòa bình đối xử với nhau, mới là thiên hạ làm việc công chạy theo đường chân lý. Ngoài ra như 一 (người) với 言 (lời nói) thành 信 (tin cậy), 一 (người) với 立 (đứng) thành 位 (ngôi vị), 一 (người) với 建 (kiến lập) thành 健 (mạnh), 一 (người) với 桀 (tài giỏi) thành 傑 (hơn người), phạm những chữ này đều nói với chúng ta: Một cá nhân nghĩ muốn đặt chân trên xã hội ắt phải tự mình kiện toàn, giữ vững cương vị, chuyên cần làm hết trách vụ của mình, tạo phước cho nhân quần.

Có người nói: “Người, rốt cuộc vì ai cay đắng, vì ai bận rộn?” Tôi nói: “Người, là vì người cay đắng, vì người bận rộn”. Nhân vì “người” vì “người”, người người là một thể, vì người khác đáp trả, kỳ thực thu hoạch lớn nhất lại là chính mình. Cũng có người nói: “Làm người khó, người khó làm, khó làm người”. Tôi cho rằng: “Làm người khó, người khó làm”, đều là do chính mình không biết “làm người” mà nhân chính là “khó làm người”. Do đó chúng ta cần phải học tập “làm người”.

Lúc còn nhỏ, biết được có người tốt, người xấu, người trí, người ngu... Xuất gia học Phật rồi, trong tâm chỉ có “người cần giúp đỡ”. Tuổi trẻ biết được người có người nghèo, người giàu, vĩ nhân, phạm nhân..., hôm nay qua mấy mươi năm, trong tâm chỉ có “người cần báo đáp”. Cổ đức nói: “Sau bảy mươi tuổi, chỗ muốn trong tâm không vượt quy củ”. Tôi lại biết được: Tuổi đến bảy mươi vẫn cảm thấy chẳng đủ, tôi vẫn tiếp tục không ngừng học tập làm sao để “làm người”.

Đại sư Thái Hư nói: “Người thành tức Phật thành, đó gọi là Chân hiện thực”. Kinh Phật thì nói: “Chư Phật mười phương đều chứng ngộ, Phật quả tại trong nhân đạo”.

Tất cả đạo lý trên thế gian đều lấy “nhân học” làm gốc, “người” làm không tốt, cái gì cũng đều chẳng thông.

Cảnh giới tối cao của học tập làm người là thành Phật. Một chữ Phật 佛 (đức Phật), là 一 (người) và 弗 (phủi) nghĩa là “người” trước tiên phải quét sạch chấp trước riêng tư, “đẹp” vô minh phiền não mình có, trừ bỏ vật không nên có của người, đó là Phật vậy.

Quản Lý Học Tối Cao

Bí quyết của quản lý – Ở chỗ nên đem trái tim của chính mình quản lý trước đã. Điều rất trọng yếu là để trong tâm của mình có sự tồn tại của kẻ khác, có lợi ích của đại chúng, có một trái tim từ bi nhu hòa.

Diệu Mục sau khi tốt nghiệp Phật Học Viện ra, bị thường trụ phái tới chùa Tây Lai ở Lạc-sam-cơ (Mỹ) làm tri khách. Một hôm, tôi khoản đãi khách ở Tây Lai Tự, có một chút ý kiến đối với quá trình..., tôi hỏi cô:

- Cô được giáo dục ở đâu?

Cô nói:

- Trước khi con học ở Tùng Lâm Học Viện Phật Quang Sơn, con học ngành Quản lý ở Hương Cảng.

Tôi nghe xong, bảo cô ta:

- Quản lý học mà con đã học ở quá khứ đều là học để quản việc, quản người. Điều đó không đủ, nay con cuối cùng nên cần học tập đem mình ra quản lý, mới là *quản lý học tối cao*.

Hôm nay chính là lúc mà môn Quản lý học phổ cập khắp nơi, luận về chủng loại thật không kể xiết. Có Xí nghiệp quản lý, Nhân tánh quản lý, Dân chủ quản lý, Phân tầng quản lý cho đến Quản lý tiệm ăn, Quản lý bệnh viện, Quản lý hành chánh, Quản lý thương khổ... Nhưng đối với việc quản lý chính mình thế nào, quản lý nội tâm ra sao, thì rất ít khóa trình thiết lập như thế!

Năm 1996, tôi lập ra Học Viện Quản Lý Nam Hoa, cùng các Đại học ở Đài Loan cùng lúc tham gia chiêu sinh liên hợp. Sau khi nghiên cứu, tôi thâm thâm cảm nhận Phật giáo kỳ thực là một môn Quản lý học rộng lớn tinh thâm.

Như một cuốn kinh A-Di-Đà, chính là “Quản lý học” của Phật A-di-đà, ở trong thế giới Tây phương Cực lạc của Ngài, không những hưởng hoàn cảnh tự nhiên ưu mỹ, đèn đài lầu các tráng lệ, vui chơi nhàn nhã thanh tịnh, sinh hoạt quần sanh dung hòa, mà chẳng có bị chính trị bức hại, chẳng có sự quấy nhiễu của người ác, không có cảnh kinh tế khốn cùng, không có sự chiếm hữu nam nữ, không có sự cố giao thông, không có ô nhiễm sinh thái, không có chuyện cơm áo phiền người, không có già bệnh làm chướng ngại, không có giới hạn chủng tộc, không có đối địch oan gia. Phật A-di-đà đem cư dân của thế giới Cực lạc quản lý thành “Chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ”. Có thể nói Phật A-di-đà là một chuyên gia Quản lý tối cao, vì Ngài có thể cung cấp an toàn cho người, an tâm cho người và an thích cho người.

Một cuốn Phổ Môn Phẩm là Quản lý học rất hay của Bồ-tát Quán Thế Âm. Bồ-tát Quán Thế Âm vì muốn đem chúng sanh trong thế giới của Ngài quản lý cho tốt, do đó trước hết cứu khổ cứu nạn, để chúng sanh được không lo không sợ. Ví dụ như anh có cái ham muốn, Ngài bố thí hỷ xả giúp đỡ anh. Anh có sân giận, Ngài đem từ bi đến giáo hóa anh. Anh ngu si, Ngài dùng trí tuệ đến

dẫn dắt anh. Anh nghi ngờ tật đố, Ngài ban lòng tin đến nhiếp thọ anh. Người cầu sanh con trai, Ngài giúp cho sanh con trai phước đức trí tuệ. Người cầu sanh con gái, Ngài có thể giúp được con gái đoan chánh đẹp đẽ. Nếu như anh là quân nhân, Ngài nói về pháp quân nhân cho anh. Nếu anh là nhân sĩ công thương, Ngài giảng quản lý công thương với anh. Ngay dù anh là đồng nam hay đồng nữ, Ngài cũng biết đem giáo dục đồng nam đồng nữ bổ thí cho anh... Vì Bồ-tát Quán Thế Âm khéo tùy loài ứng hóa, xem căn cơ mà thuyết pháp, do đó Ngài đi thẳng vào trong tâm từng người, mà người tin Ngài cũng đem chỗ đẹp nhất trong gia đình mình đề dâng lên Ngài, với lòng vui vẻ chân thành kính phục mà tiếp nhận tín ngưỡng và lãnh đạo của Ngài.

Do đây mà xét, chúng ta có thể biết được, các loại Quản lý học của Phật A-di-đà và Bồ-tát Quán Thế Âm, đúng là hợp với Quản lý chính mình, Quản lý tự tánh, Quản lý tự giác, Quản lý tự tri.

Do Phật A-di-đà và Bồ-tát Quán Thế Âm cấp cho chúng ta cách thức quản lý cho nên Phật giáo được phát triển cách quản lý của các loại tông phái, cách quản lý của tông lâm tự viện, cách quản lý của giới luật Tăng đoàn, cách quản lý của Tổ sư đại đức... có thể nói là nội dung rất nhiều, thật là tốt đẹp, thậm chí việc “quản lý chính mình”... Vì thế, Phật giáo đối với xã hội ngày nay đều có công hiến rất lớn.

Ba mươi năm trước, lúc tôi thăm viếng Nhật Bản thấy đoàn thể xí nghiệp công thương của Nhật Bản, từng đội từng đội, từng đoàn từng đoàn, đều đến các Đại Tự viện tập họp thụ huấn, nghe gọi là “huấn luyện trước khi nhận chức”, là vì công ty hàng hiệu muốn giáo dục công nhân có tư tưởng và tập quán sinh hoạt tốt đẹp. Do đó trước khi chính thức công tác, y đưa đến tự viện để tiếp nhận huấn luyện “Quản lý của Phật giáo”. Đương thời trong tự viện của Nhật Bản, Pháp sư xuất gia phụ trách hành chánh đều dùng phương thức “Quản lý làm người”, “Quản lý công tác” dốc túi truyền trao. Lúc ấy tôi nhận ra phương diện quản lý tại xã hội, Phật giáo nên đưa ra một ít công hiến.

Trên thế gian, quản lý vật phẩm tương đối dễ dàng, vì vật phẩm chẳng biết nêu ý kiến, cũng không biết chống đối kháng cự anh. Anh xếp đặt thế nào, nó phát huy công dụng thế ấy. Nói đến quản lý sự tình, sự tình lại cũng quản lý được rất tốt, vì sự tình có nguyên tắc nhất định. Nếu như có thể đem sự nặng nhẹ, hoãn gấp của sự tình nắm bắt thỏa đáng, sự tốt xấu, được mất của sự tình cân nhắc rõ ràng thì quản lý cũng chẳng khó.

Quản lý khó nhất là người, vì tính người là cái riêng tư. Người có rất nhiều phiền não, rất nhiều ý kiến, điều trọng yếu nhất là đối diện với tư tưởng bất đồng, thói quen bất đồng, cách nhìn bất đồng, học lực bất đồng, tư cách bất đồng, nơi chốn bất đồng, tuổi tác bất đồng... Làm sao ở trong sai biệt nhiều như thế mà thống nhiếp họ lại được, trên sự thực rất khó khăn.

Người, rất khó quản lý; kỳ thật, cái khó quản lý hơn chính là cặp mắt của chính mình. Anh muốn quản lý nó không phải lễ thì chớ nhìn, có lúc nó vẫn chẳng nghe lời. Hai lỗ tai, anh muốn quản lý nó phi lễ thì chớ nghe, nó vẫn ưa nghe trộm điều riêng tư của người khác. Một cái miệng, anh muốn quản lý nó không được nói bậy, nó khăng khăng *họa từng khẩu xuất*, gây bao phiền phức. Một cái tay, anh muốn quản lý nó, chẳng phải vật của mình thì không được lấy, nhưng người ham thích một ít tiện nghi đều chẳng kể đến hậu quả... Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân đều chẳng thể nghe theo mệnh lệnh của chính mình, lại làm sao quản lý người khác, quản lý sự tình nào khác ư?

Kỳ thực, quản lý mắt, tai, mũi, lưỡi, thân là cái có hình có tướng, tính ra lại quản lý tốt, nếu như quản lý nội tâm của chính mình, đây là khó lại càng khó hơn. Trong tâm có vô minh riêng của mình, phiền não tà kiến, như kiêu mạn, tật đố, phần hận, chấp trước... như sóng mồi đánh vỗ không dừng. Nếu như chính mình thiếu sót đại nguyện, đại lực, đại trí, đại bi thì làm sao có thể quản lý được nội tâm của chính mình?

Phiền não chiếm ngự trong tâm tuy khó quản lý, ngay một niệm tình chấp trong tâm cũng chẳng dễ quản lý, có người bỏ thân để thành tựu nhân, liều chết để thủ nghĩa. Có thể nói là đem tâm ý tình chấp của chính mình phát huy đến cực điểm. Có người yêu nước yêu dân, yêu nhà, yêu người, dù cho thế nào cũng chấp chặt chẳng bỏ, cũng lại có thể được xã hội tiếp nhận. Nhưng, lại có một số người, tâm họ giống như khi cứng đầu, ngựa trở chứng xâm phạm lúa mạ của người. Rốt cuộc, chính mình bị hại rất sâu.

Một cá nhân định đem chính mình quản lý cho tốt, thì phải quản lý sự tình hiện tại thật nhiều. Ví dụ như tư tưởng của mình muốn quản lý tốt, tâm niệm của mình muốn quản lý tốt, oai nghi của mình muốn quản lý tốt, lời nói của mình muốn quản lý tốt; bất cứ chỗ nào quản lý chẳng tốt, đều đem đến cho chúng ta ít nhiều tai ương, vô nghĩa.

Bình thường có người khen ngợi tôi, bảo tôi đồ chúng môn hạ đông, tự viện nhiều chẳng biết làm sao quản lý? Kỳ thực tôi biết chính mình chẳng có phép tắc “quản lý”ù gì. Giống như tôi quản lý tự viện, cửa nẻo chẳng đóng, như Đại Hùng Bảo Điện, Đại Bi Điện, Hội Nghị Thất, Khách Đường, Giáo Thất... đều mở toang cả ngày để đại chúng tùy lúc đều có thể đến chiêm ngưỡng, sử dụng. Tôi quản lý vật chất, chẳng thích xây nhà kho, tôi biết vật phẩm là làm ra để cấp cho mọi người dùng, tốt nhất có thể dùng cho hết, đồ vật một khi chất vào kho, không có người xem đến, thường thường bỏ quên nhiều năm, đợi đến lúc muốn dùng đã lên meo lên mốc, không đáng tiếc sao!

Tôi quản lý tiền, cũng chẳng thích cất chỗ bí mật. Ba mươi năm trước khi ở chùa Thọ Sơn, tôi đem tiền để nơi cố định, để học sinh đồ chúng ai cần bao nhiêu thì lấy, tôi nhận ra đây mới là đạo công bình. Tôi quản lý “người” đề xướng pháp tri, nhân tri cho đến lấy vô vi mà tri. Tôi biết được quản lý tốt nhất, kỳ thực là **quản lý nội tâm của chính mình**. Tâm tri thì thân tri, thân tri thì tất cả đều tri.

Có một đoạn nói líu lưỡi của dân gian: “Có một miếu Thành Hoàng, bên Đông có một Quản phán quan ngồi, bên Tây có Phan phán quan ngồi. Phan phán quan bên Tây muốn quản Quản phán quan bên Đông, Quản phán quan bên Đông muốn quản Phan phán quan bên Tây, rốt cuộc là cần Quản phán quan bên Đông đến quản Phan phán quan bên Tây, lại là Phan phán quan bên Tây đến quản Quản phán quan bên Đông”. Đó là phán quan mà kia đây cũng chẳng phục nhau, anh muốn quản tôi, tôi muốn quản anh, hỗ tương chẳng trọng nề nhau, khăng khăng chẳng bỏ, bèn rất khó làm cụ Thành Hoàng.

Có thể thấy, hễ có cách định quản lý đối phương, bèn có sự phân biệt đối lập, ngược lại càng khó quản lý.

Trong thiên môn có một chuyện rất thú vị, có thể cùng câu chuyện líu lo trên kia đối nhau. Có một tín đồ đến tự viện tìm Trụ trì giảng pháp. Trụ trì gọi một vị sư già bên cạnh nói:

- Ông mau pha trà!

Không bao lâu, Trụ trì lại gọi ông ta:

- Ông mau đi dọn một mâm trái cây!

Cùng tín đồ giảng xong, Trụ trì lại kêu vị sư già, nói:

- Ông tiếp khách chơi nhen! Tôi có việc phải đi trước!

Trụ trì đi rồi, tín đồ rất lạ lùng hỏi thiền sư già:

- Vị trụ trì này là gì của Thầy?

Thiền sư già đáp:

- Là đồ đệ của tôi!

Tín đồ rất bất mãn, nói:

- Đã là đồ đệ của Thầy, tại sao có thể sai Thầy rót nước?

Lão thiền sư đáp:

- Ông ta chỉ kêu tôi rót nước, đâu có kêu tôi đun trà, đun trà mới khó chứ.

- Ông ta lại kêu Thầy dọn trái cây!

- Ông ta rất từ bi đó! Chỉ có kêu tôi dọn trái cây, chẳng có kêu tôi trồng trái cây, trồng trái cây khó hơn.

- Ông ta tự mình đi trước, lại gọi Thầy đến tiếp tôi!

- Ông ta tuổi trẻ, hữu dụng hơn. Tôi già rồi do đó làm một chút việc lặt vặt.

Kỳ thực, trong tự viện này Lão thiền sư mới đúng là người hiểu được “Quản lý tam-muội”. Do Sư có thể nhìn toàn đại cuộc, buông bỏ thân mình, thấu suốt nhân duyên quan hệ giữa con người, nhân đây để toàn thể tự viện được hòa hợp không tranh giành.

Có xét “Nhân hòa vi quý” nên tôi một mực chủ trương “Tập thể sáng tác”, tôi biết được phương thức quản lý tối thượng thừa, phải là nhường cho mọi người tự động tự phát, khẳng định vai trò diễn xuất của đây kia, hỗ tương hợp tác, cùng chung phấn phát đột phá. Tôi cũng ra sức đề xướng tinh thần “Đồng thể cộng sinh”, tôi biết được nguyên lý quản lý cao minh nhất là phải nên để cả đoàn thể có thể sản sinh ý thức chung đầy đủ, trên dưới một lòng. Tuy nhiên, một tay tôi sáng lập Phật Quang Sơn, nhưng tôi đều triệu tập hội nghị để thay thế mình đưa ra mệnh lệnh. Dù tôi là Sư ông, Sư phụ của bao nhiêu người, nhưng tôi thà nguyện để mọi người bàn bạc nghiên

cứu, cũng chẳng chịu phủ quyết cắt đứt ý kiến của người khác. Đương nhiên, trong đó cũng từng gặp rất nhiều quấy nhiễu không cần thiết. Ví dụ như một số thì muốn mau chóng thực hành nghị án, nhưng vì sự bảo thủ của người chủ sự mà trễ mất thời cơ, đến nỗi về sau phải nỗ lực và tiền bạc gấp bội. Nhưng vì tôn trọng cách nhìn của người khác cũng có sự tất yếu của nó. Cho nên tôi bằng lòng gánh mọi hậu quả.

Ba mươi năm nay, vì đề điều đình ý kiến của các đơn vị, vì đề điều hòa cách nhìn bất đồng của các vị chủ quản, đều có mở hội nghị bất hoàn (chẳng hoàn hảo). Nhưng nghĩ đến có thể cấp cho người ít nhiều lợi ích, cho người bao nhiêu phương tiện, cho người ít nhiều học tập thì tất cả cay đắng biến thành không có.

Quá khứ từng nghe qua chuyện của một bà nội trợ, khiến tôi cảm niệm rất nhiều.

Có một bà mẹ đã qua bảy mươi tuổi. Người nhà bí mật bàn với nhau chúc thọ bà thế nào. Nghĩ cả nửa ngày mà chẳng biết bà thích cái gì nhất. Cuối cùng một chú bé nói:

- Tôi biết, mẹ thích nhất là ăn cơm thừa mỗi bữa của chúng ta.

Mọi người ngẫm nghĩ thì thật đúng như thế. Rồi đến một ngày, con cái đem thức ăn thừa trong tủ lạnh thanh lọc lại rồi nấu một nồi, nói:

- Mẹ ơi! Hôm nay là ngày sinh nhật của mẹ, chúng con nấu thức ăn thừa mà mẹ thích nhất để dâng mẹ.

Người mẹ này nghe xong, vừa khóc vừa nói:

- Đúng rồi, ta rất thích thức ăn thừa, mấy mươi năm nay món mà các con không thích, ta đều thâm thâm vui vẻ chịu đựng.

Từ xưa đến nay, đàn ông phần nhiều gọi vợ mình là nội nhân, chuyết hình, thậm chí là tiện nội... , kỳ thực vợ hiền mẹ tốt mới là người chủ đạo mặt trong của gia đình, là nhân vật hạch tâm cả trong lẫn ngoài. Tôi đem cách quản lý là nhận hy sinh, chịu cống hiến, không so đo, không sợ khổ này gọi là “Triết học thức ăn thừa” để dạy dỗ đồ chúng. Nếu xem cổ kim trong ngoài, các bậc danh tướng lương thần khéo việc quản lý không phải là đều nhân vì có loại mỹ đức quan tâm, gánh vác, do đó có thể đủ sức thắng địch đó sao? Như Ngô Khởi lãnh quân, chẳng những cùng binh sĩ ngủ chung giường, ăn chung bàn mà lại hỏi han ấm lạnh, hút máu mủ, do đó quan binh đều chịu ông, vì ông ta nhảy vào dầu sôi lửa bỏng không hề từ nan. Lý Quảng dẫn binh, lúc đói khát phát hiện suối nước, không đợi sĩ tốt uống hết, ắt không đến gần nước, không đợi sĩ tốt ăn hết, ắt chẳng nuốt cơm. Do đó, mọi người đều yêu thích ông ta, góp sức liều mình, vào sanh ra tử.

Nhân đây, chỗ nói quản lý không nhất định là ngồi tuốt trên cao, ra lệnh phát hiệu mà nên thâm nhập quân chúng, đem tinh thần đoàn đội ra dẫn dắt.

Hơn ba mươi năm trước, tôi mới xây Học Viện Phật Giáo, ngay việc ban đất, tôi cũng đích thân thuyết minh ý nghĩa, và dẫn đầu trước tiên, khuôn gói gánh nước. Hôm nay sau ba mươi năm, định số đồ chúng giúp tôi làm việc cả muôn ngàn, nhưng tôi chẳng những chưa hề dùng

miệng ra lệnh cho người làm, mà thường chủ động vì đồ chúng giải quyết vấn đề. Thường nghe nói đồ chúng nọ ở phía Bắc bận rộn, tôi bèn vì họ chủ trì hội nghị ở phía Nam. Thường thường biết đồ chúng kia ngay tại chủ trì hội báo, nhất thời không cách kết thúc, tôi bèn vì họ dạy thế giáo thư. Tôi biết được: Quản lý tốt nhất, là chính mình trước hết cùng đối phương thiết lập quan niệm “sống chết có nhau”, mới có thể phát huy lực lượng toàn thể lớn nhất.

Có một số người quản lý, khéo dùng mưu lược tạo mâu thuẫn giữa mình người. Nhưng một khi bị người lộ trần, không dễ được thuộc hạ tôn trọng. Có một số người làm quản lý, thích dùng kế sách để thăm dò sự trung thành của người khác. Nhưng một khi bị người biết rõ, thì không thể được đối phương tin phục. Chỗ nói “Nghĩ người thì đừng dùng, dùng người thì đừng nghĩ”. Phương thức quản lý tốt nhất là đem lòng mình để đo lường tình người, dùng trao quyền thay thế can thiệp. Như tiên sinh Cung Bằng Trình với tôi chẳng hề quen biết, chỉ nhân nghe nói về tài hoa của ông, lập tức đang ở trong toa xe chạy vùn vụt trên đường cao tốc, trước hết dùng điện thoại mời ông giữ chức Hiệu trưởng. Ông ta ngạc nhiên một trận, nghe nói tôi muốn xây dựng một Đại học Tinh Trí thuộc toàn dân, liền bằng lòng. Từ đây nhiều năm sau, công việc nhà trường tôi chưa hề nhúng tay can thiệp. Nam Hoa, từ khi ông lãnh đạo, ngày càng tiếng tăm. Trước mắt, tiên sinh Trần Thần làm Hiệu trưởng Đại Học Tây Lai, quá khứ là Hiệu trưởng trường Sư phạm Hoa Liên, sau khi giao phó việc trường cho ông rồi, cũng rất ít hỏi qua, việc trường Đại Học Tây Lai dưới sự phát triển của ông, cũng càng ngày càng vươn lên vùn vụt.

Trên thế gian, có một số cha mẹ bảo con cái:

- Con xem! Con nhà họ Trương sát vách hay quá, thành tích tốt như thế, đâu giống như con!

Kết quả, đứa con bị nói không chỗ nào được, chỉ có tự sa ngã. Trên xã hội, một số vị chủ quản cứ trách móc thuộc hạ không bằng người khác. Người nói cố nhiên là “Tiếc rằng chưa thành tài”, nhưng không nghĩ đến lối suy nghĩ của người nghe thế nào, căn khí thế nào thì cũng uổng phí tâm cơ. Mỗi cá nhân tư cách bất nhất, mỗi người có diệu dụng, chỉ cần ông khéo lãnh đạo, thì quân lính bại trận cũng có thể thành kiện tướng dũng sĩ. Điều trọng yếu nhất chính là ông có thể nhìn ra chỗ sở trường, ưu điểm của họ hay không, để ban lời khích lệ thích đáng? Ông có khả năng nhìn ra mấu chốt sai lầm của họ để hướng dẫn cho đích xác. Nhất là ông có khả năng không làm tổn hoại sự tôn nghiêm của họ hay không, để cho cuộc đời họ được đến chỗ trưởng thành? Như thiền sư Bàn Khuê dùng tâm yêu thương từ bi làm cảm động kẻ quen thói ăn cắp không đổi tánh xấu. Thiền sư Tiên Nhai dùng cách chẳng nói rõ để dạy Sa-di ngang ngược quấy rối. Có thể xem Cao tăng Đại đức nhiều đời quản lý tông lâm mười phương có trí tuệ khéo léo tiếp dẫn các loại Tăng chúng.

Quá khứ từng có cậu bé chẳng biết viết một chữ được đưa đến Phật Quang Sơn, mọi người đều bực mình sự ngu độn của chú, tôi dùng phương thức chơi đùa để dạy chú, từ từ cuối cùng chú khai mở trí tuệ. Lúc Đại Hùng Bảo Điện mới lạc thành, mặt trong đường dây điện của 14800 cái đèn nhỏ đều do một mình chú ta bao biện. Lại, có một cô gái đương xuân Ma-đăng-già, mỗi lần đến núi đều đánh phấn trang điểm lộng lẫy. Lúc ấy, không biết bao nhiêu người phản đối tôi nhận cô ta làm đệ tử xuất gia. Nhưng sau cô ta ở cửa Phật hun đúc, chẳng những siêng năng gắng sức mà lại làm hết bổn phận, được mọi người khen ngợi. Do đó, nói đến quản lý, kỳ thật là ở chỗ khảo nghiệm tâm mình có bao nhiêu từ bi, trí tuệ.

Lúc tin đồ cùng tôi nói chuyện, thường lạ lùng nói:

- Thầy nói trúng tâm sự con rồi!

Đây là vì từ hơn bốn mươi năm qua tôi hoảng pháp cho đến giờ thường ở trước thính chúng tin đồ tìm hiểu xem họ làm nghề gì, ôm tâm trạng gì, ta cần giảng gì cho họ, để họ hoan hỷ, để họ cảm động, do ta có thể dụng tâm vì người mà nghĩ đến. Do đó về sau lúc quản lý người đông, tôi mới có thể ứng phó ung dung.

Lúc tôi tiếp tục mở Học Viện Quản Lý Nam Hoa, từng sửa đổi thiết kế nơi chốn của một tòa lầu. Việc xong, có nhiều người nói sửa thật là hay. Họ hỏi tôi có biết xem phong thủy địa lý hay không? Kỳ thật tâm thì có tâm lý, người thì có lý của người, tình thì có lý của tình, vật thì có vật lý, địa thì đương nhiên cũng có địa lý. Quá khứ lúc tôi học ở Phật Học Viện, mỗi lần lên Phật điện, tôi biết cần mau mau đến vị trí nào, vì tôi thích đánh pháp khí, dù cho không có khai bảng của tôi, tôi vẫn nghĩ có cơ hội bổ sung. Mỗi lần đến trai đường, tôi cũng biết nên ngồi chỗ nào, vì tôi ăn nhiều, muốn tìm một nơi mà hành đường dễ thấy, sẽ châm thêm thức ăn cho tôi. Mỗi lần đến giáo thất, tôi cũng biết nên đến vị trí nào, vì quá khứ tự viện không có tiền đốt đèn dầu, chỉ có chính mình mau mắn chọn chỗ ánh sáng tốt nhất. Mỗi lần cùng Sư trưởng nói chuyện, tôi cũng biết nên đến đứng ở đâu, vì tôi muốn khiến họ để ý, có thể cho tôi cơ hội học tập được nhiều. Về sau, hễ sắp đặt hình thức đội ngũ, kiến trúc xa gần, cao thấp, sự tình trình tự mau chậm... Tôi đều có thể nắm bắt chuẩn xác. Đây là vì tôi có thể dụng tâm đem “không gian” của mình quản lý được đích đáng.

Tôi thường đến trước một khắc để đón tiếp khách muốn đến tại công, để đối phương kinh ngạc vui mừng không thôi. Có người hỏi tôi có thần thông không? Kỳ thực, là vì từ nhỏ tôi đã huấn luyện chính mình cần có quan niệm thời gian. Như thế nào là năm phút, thế nào là mười phút, từ chỗ này đến chỗ nọ cần bao nhiêu thời khắc, làm một việc gì tốn bao nhiêu thời gian, trong tâm tôi đều rõ ràng phân minh, do đó tất cả sự vật đương nhiên cũng đủ có thể quản lý đúng mức.

Mồng một Tết mỗi năm, tôi có thể ước lượng được năm nay mùa Xuân đại khái có bao nhiêu người lên núi. Tại chỗ kia, đợi trên một, hai ngày, tôi cũng có thể biết ở đó hương đèn nhiều ít. Đồ chúng lấy làm kinh lạ, kỳ thật tôi không có may mắn công năng đặc dị, chỉ là vì tôi có tâm lưu ý lưu lượng xe lớn nhỏ, tôi chịu chủ động hiểu rõ nhân văn kinh tế mỗi địa phương. Do tâm tôi có khái niệm số chữ, do đó lúc quản lý tự viện, bất kể hành chánh, tài vụ, công trình, tổng vụ... đương nhiên đủ có thể dự tính việc mà lập, mọi mặt đều đến nơi đến chốn.

Do đó, diệu quyết quản lý, ở chỗ đem một trái tim của mình trước tiên quản lý tốt, để trong tâm mình có quan niệm thời gian, có tầng lớp không gian, có thống kê chữ số, có nguyên tắc làm việc. Điều trọng yếu nhất là để cho trong tâm có sự tôn tại của người khác, có lợi ích của đại chúng, đủ có thể đem tâm chính mình quản lý được từ bi nhu hòa, đem tâm của chính mình **quản lý được ta người nhất như**, mới tính tu học phần **Quản lý học tối cao** được hoàn mãn.

Bị Lãnh Đạo Học

Hoa hồng phải có lá xanh kề cận, trăng sáng phải có các ngôi sao tô điểm thêm, đem chính mình dung nhập người khác, nhập khắp trong đại ngã, cũng là thành tựu chính mình trong tự kỷ rộng lớn.

Rất gần đây, những sách vở về lãnh đạo học, thông ngữ học, thông soái học, chủ quản học đầy đầy ở các tiệm sách, rất phù hợp với quan niệm của người Trung Quốc “Thà làm đầu gà hơn làm đuôi trâu”. Kỳ thực theo sự lịch duyệt một đời của tôi mà nói thì bị người lãnh đạo mới là một môn học trọng yếu, hơn nữa người có thể bị người lãnh đạo, tương lai mới có thể làm tốt vai trò lãnh đạo. Tôi cảm nhận sâu xa rằng lãnh đạo người khác cố nhiên rất khó làm cho tốt, nhưng có thể khéo bị người lãnh đạo cũng chẳng phải là việc dễ. Do đó, ngay lúc mắt thấy mọi người khao khát làm người lãnh đạo, tôi chẳng dừng được mà phải vội kêu to lên: Làm một người **bị lãnh đạo** thành công mới là một môn học trọng yếu nhất.

Tôi từ nhỏ xuất gia, cứ mong có thể có một vị lãnh đạo để cho tôi theo học hỏi bất chước, lúc đó đại sư Thái Hư nhận thấy Phật giáo Trung Quốc chứa chất những tệ hại rất sâu, do đó cực lực đẩy mạnh sự cải cách giáo chế, giáo lý, giáo sản. Lòng từ bi và nguyện lực của Ngài, học vấn và sự hàm dưỡng của Ngài, nhiệt tình đam mê vì đạo của Ngài, sự dũng mãnh gánh vác của Ngài... đâu đâu cũng đều trở thành đối tượng rất đáng ngưỡng mộ trong tâm mắt của bao nhiêu Tăng-già thanh niên. Tuy tôi chỉ đích thân nhận lời dạy dỗ một hai lần, nhưng tâm thường hướng về Ngài, thậm chí thường nghĩ, nếu như ngày nào đó được hết lòng phục vụ cho Ngài, dù cho vào dầu sôi lửa bỏng cũng chẳng từ nan.

Năm 1964, tôi thật chẳng dễ dàng gì khi được Sư phụ là Thượng nhân Chí Khai cho phép chuẩn bị trở về nhà. Đây là lần đầu tiên kể từ khi xuất gia, tôi được về thăm thân thuộc. Đúng lúc mừng chưa kịp dứt thì tin tức truyền đến đại sư Thái Hư đề xướng tổ chức “Ban Huân Luyện Nhân Viên Hội Vụ lần thứ I của Hội Phật Giáo Trung Quốc”, tôi lập tức bỏ ngay kế hoạch về quê, tranh thủ tham gia, trở thành một trong những hồi ức khó quên suốt đời tôi.

Trung Quốc Phật Giáo Hội chính ngay lúc dự trừ tổ chức Đại hội lần thứ I, thì đại sư Thái Hư viên tịch tại Thượng Hải, tin buồn làm kinh động toàn thể giới Phật giáo, hai chúng Tăng tục đều đau xót khôn tả, tôi cũng như sét đánh giữa trời quang, suốt ngày mắt hôn lác vĩa, cảm thấy tiền đồ một trời mù mịt, giống như mặt trời mặt trăng không ánh sáng, mặt đất một màu đen tối, chẳng biết đi đâu, đến đâu? Vì đây không phải là một tổn thất riêng cá nhân tôi, mà cũng vì tương lai của Phật giáo Trung Quốc mà lo lắng. Về sau tôi nghĩ đến bạn đồng học là pháp sư Trí Dũng là người viết hay nói giỏi, văn võ song toàn, bèn một lòng tìm theo, và nhiều lần gửi thơ muốn đem chức Hiệu trưởng trường Quốc Tiêu ở Nghi Hưng giao cho Sư, mời mau đến lãnh đạo. Sau này vì một cơ duyên nọ, chúng tôi chia tay rời khỏi Nghi Hưng. Lúc vừa đến chùa Hoa Tạng ở Nam Kinh, tôi cũng ủng hộ Sư làm trụ trì và tự nguyện làm phó, tiếp nhận lãnh đạo, hết lòng hết dạ tận trung, cùng vì phục hưng Phật giáo mà gắng sức.

Năm 1949, chúng tôi giao ước với nhau chia ra để gắng sức, hy vọng nhân ở chân trời góc biển này, chia đèn vì đạo. Về sau Sư từ Nam Kinh lại trở về Nghi Hưng, tôi từ Đại Lục đến Đài Loan, từ đây quan san cách trở, chẳng có một chút âm hơi. Trong lòng tôi vẫn mong có một vị đại

đức để tôi theo bên cạnh, vâng theo sự lãnh đạo, do đó tôi quan sát rất lâu, chuẩn bị chọn Chúa để thường theo. Trong lúc tìm tìm kiếm kiếm, tôi phát hiện chỉ toàn có đại đức giỏi về nghiên cứu giáo lý, có đại đức rành về phân tích thời thế, có đại đức khéo về phê bình chính luận, có người ngồi yên ở địa vị vinh hiển trên cao, nhưng đều chưa thể hoài bão lý niệm chân hưng Phật giáo. Ngoài lúc mịt mù vô chủ ra, tôi càng thêm khát vọng có thể xuất hiện một vị không có lập trường chủ quan tự lợi, mà là bậc Cao tăng đại đức chân chính quan tâm đến toàn bộ Phật giáo để làm đối tượng cho mình y chỉ.

Năm 1955, đoàn tuyên truyền Đại Tạng Kinh Hoàn Đảo Hoàng Pháp thành lập, tôi đảm nhiệm lãnh đội đi theo Pháp sư đoàn trưởng là Nam Đình bổ giáo khắp nơi. Năm giữ phận thuộc hạ gánh vác lo lắng lao nhọc cần phải có thái độ vâng lời, chỉ là pháp sư Nam Đình có tánh bảo thủ, thường ra chỉ thị cho tôi kiểu này không làm được, lỗi kia không thể làm, do đó tuy thời gian hợp tác chưa hề phát sanh tranh chấp, nhưng trong lòng tôi thâm lấy làm tiếc. Tôi tự thủy chí chung chưa hề có vẻ mặt không vui, tôi vui mừng vì may mà chính mình có thể tiếp nhận sự lãnh đạo của người khác.

Năm 1963, tôi và pháp sư Bạch Thánh tổ chức đoàn phỏng vấn đầu tiên của hội Phật giáo Trung Quốc đến phỏng vấn các nước trên thế giới, từng nhiều lần suy nghĩ đóng vai trò trợ lý tốt, đầu dè thân làm Phát ngôn nhân mà tôi lại không được phát ngôn. Tôi có thứ cảm giác không được người tôn trọng, tuy người khác không tôn trọng tôi như thế, nhưng tôi vẫn muốn tôn trọng người khác, cuối cùng mới được kết cuộc viên mãn.

Bốn mươi năm trước, thấy rằng Thánh giáo không được sáng sửa, phần lớn Phật tử theo tập quán cũ chỉ nghĩ hướng bên ngoài cầu phước, chẳng biết chính mình phải thực tiễn, tôi cũng từng một phen vì người biên tập tạp chí Nhân Sinh, vì người giúp công tác in ấn phát hành in ảnh Đại Tạng Kinh, hy vọng nhờ đây thúc đẩy sự nghiệp văn hóa Phật giáo, nhưng người chủ sự chỉ nghĩ việc giữ sự thành công, cùng với lý niệm khai mở của tôi không cách gì phù hợp, tuy tôi không vừa lòng tác phong lãnh đạo ấy trước sau nhiều năm, đến khi tôi bảo với ông ta xin rút lui, ông ta vẫn khăng khăng không bỏ, nói rằng tôi rất thích hợp theo ông ta công tác. Đây có thể chứng minh một điểm là tôi hiểu cách để người lãnh đạo mình.

Cho dù việc đời không cách gì trọn vẹn như mình mong ước, tôi lại mười phần tận lực làm tốt công tác trợ tá. Tôi từng thân cận Lão Hòa thượng Diệu Quả là Lý sự trưởng Hội Phật giáo ba nơi Tân Trúc, Đào Viên, Miêu Lật, làm trợ lý cho Ngài. Trong ký ức, các loại kế hoạch tôi đã dự định, các thứ công văn hồi đáp, chưa từng thấy Ngài động thêm một chữ, các loại sự hạng kiến nghị, các thứ hoạt động xếp đặt chỗ từng sự, cho đến hội khách, phiên dịch cũng chưa từng thấy Ngài phủ quyết. Chẳng những như thế, vào thời đại giao thông bất tiện lúc ấy, lại nhờ ơn Ngài đích thân đem tôi trò non lợi suối, chu du các khu vực của khách mời, như núi Sư Đầu Trúc Nam, chùa Pháp Vân ở Đại Hồ, Sư Thiện Đường ở Trúc Đông, chùa Triều Âm ở Quan Tây, cho đến Bình Trấn, Dương Mai, còn có rất nhiều đạo tràng Tân Trúc, Miêu Lật, đều cảm tạ lòng từ bi hướng dẫn của Ngài cho tôi kết nhiều nhân duyên. Nhớ một hôm, trời rất nắng, Ngài đem tặng tôi một cái mũ kiểu Nã Phá Luân để che nắng. Mãi đến hôm nay, tôi vẫn xét không thấu huyền cơ trong lòng Lão Hòa thượng.

Tôi cũng từng làm trợ biên Từ Hàng Pháp Sư Toàn Tập, và nhiều lần đến thăm viếng pháp sư Từ Hàng, được Ngài từ bi che chở, tiếp đãi thân thiết. Ngài tuy là bậc trưởng bối của tôi, nhưng

mỗi lần viết thơ đều gọi tôi là Vân đệ, có thể nói vô cùng thương mến. Bất hạnh là lúc sáu mươi tuổi, đúng như người ta nói: “Thuyền từ dừng lúc hải triều xuống về đêm”. Tôi vì chưa thể được gần gũi lâu dài, được Ngài lãnh đạo, đến nay nghĩ lại, rất tiếc mình duyên mỏng.

Do mấy lần chưa thể được người lãnh đạo trường kỳ như nguyện, chỗ nói “Trong đất Thục không có đại tướng, Liễu Hóa làm tiên phong”, dưới tình huống bất đắc dĩ, tôi bị thanh niên Phật tử từ từ đẩy lên địa vị người lãnh đạo. Từ năm 1953 về sau, tôi đều đảm nhiệm những chức vụ trụ trì, hội trưởng, hiệu trưởng, viện trưởng, sở trưởng... lại càng thể hội ra “Bị người lãnh đạo là điều may mắn, lãnh đạo người khác là điều cay đắng”.

Một con đường đi này, tôi tuy chưa từng kiếm được người lãnh đạo vừa tầm mắt mình, nhưng nhân vì tôi cam chịu tùy duyên, bị người lãnh đạo, chẳng những ngộ ra một phương pháp lãnh đạo, lại thâm thâm cảm được câu “Chim hay lựa cây mà đậu, trung thân chọn chúa mà hầu”, thật là lời chí lý vang dội, càng lâu càng mới.

Nói cách khác, một người bị lãnh đạo đúng đắn nếu như kiếm được danh chúa, ắt có thể vui lòng từng phục, buông hết dục vọng “thượng, trung, tiên” (thỉnh khách ngồi địa vị trên, chụp ảnh ngồi ở giữa, đi đường đi đằng trước), dẹp hết kiến chấp riêng mình, luôn luôn nhớ đúng vai trò phụ tá giỏi, không những chẳng nên phê bình người lãnh đạo, lại không nên bán đứng người lãnh đạo để cầu vinh cho chính mình. Một người thuộc hàng con cháu bị người lãnh đạo, không được lợi dụng danh tiếng của người lãnh đạo, mà phải nên khéo thể hội lý niệm của người lãnh đạo, siêng năng chấp hành chỉ thị của người lãnh đạo. Lạc Nghị thời đại Xuân Thu nói: “Quân tử tuyệt giao, không nói ra tiếng ác, trung thân bỏ nước, chẳng trong sạch thanh danh của mình”. Như Lưu Dung ngay thẳng không dua nịnh, tận trung giữ chức; Hòa Thân thì khôn ngoan xảo quyệt, chỉ lo thủ lợi. Hai loại người bị lãnh đạo mà hình thái bất đồng, kết quả người trước lưu tiếng thơm trăm đời, người sau để tiếng thối vạn năm, thật đủ cho người đời sau suy nghĩ sâu xa mà chọn lựa.

Đối với đồ chúng, tôi chẳng tự cho mình ở chỗ người lãnh đạo, mà đều nương dùng lời khéo dẫn dụ, quán xét căn cơ để dạy dỗ. Đại đa số đệ tử đều cam tâm tinh nguyện, hết lòng phục tùng lãnh đạo, trên cương vị công tác siêng năng tinh tấn, nhưng cũng có một số đệ tử bề ngoài thì thuận theo, trong lòng lại còn kiến chấp sâu dày. Đối với loại người này, tôi cũng chỉ đành giả điếu giả tâm, nhin đau mà nhìn họ chịu vấp vấp về sau hối hận biết vậy chẳng làm. Có lúc, tôi cũng để cho một số đệ tử gặp được cơ hội làm người quản lý cho tôi, để họ trong lòng cao hứng một chút. Do đó, có lúc đi đường, nghe thiện ý của họ muốn tôi tiến tới, lui sau, tôi đều tuân thủ hết, có lúc ăn cơm, nghe họ hảo tâm muốn tôi ăn món này món nọ, tôi cũng đều nghe lời... cho đến lúc khai hội, đệ tử đưa ra ý kiến hay, tôi đều “tùng thiện như lưu”. Lúc làm việc, đồ chúng có kế sách tốt, tôi cũng tùy hỷ tiếp nạp. Cũng cho là vì tôi có sẵn tính cách “bị người lãnh đạo” này, do đó có thể dung hợp ở chung với đệ tử, hòa hợp không ngăn cách.

Đến như Phật Quang Hội do tôi thiết lập, hội trưởng, cán bộ... của các địa phương, các phân hội phần nhiều là những vị tinh anh trong xã hội, có sự nghiệp thành đạt, mọi người ở dưới sự tín ngưỡng Phật giáo nhân gian của Phật-đà mà đoàn kết hợp tác, do đó tôi đối với việc lãnh đạo họ cũng chỉ giới hạn ở sự chỉ điểm trên tín ngưỡng, ngoài ra như những vấn đề tình cảm, sự nghiệp, hữu nghị, hôn nhân, tôi đều né tránh khỏi can dự. Do nhận rõ ranh giới kia đây, do đó có thể tụ hợp cùng hiểu biết, phát huy lực lượng.

Trong tùng lâm, trụ trì tuy quý vì làm chủ một chùa, nhưng hễ tiến ra đạo tràng đều phải tuân thủ quy củ khách đường, việc trước tiên phải báo cho tri khách xếp chỗ, sư huynh xuất gia trước dù cho tuổi tác già cả, cũng phải tuân theo luân lý công tác, phục tùng sư đệ có cấp bậc cao hơn lãnh đạo làm việc. Đây chính là Trưởng lão của giới Phật giáo, người đảm nhiệm và người bị lãnh đạo, lấy pháp chế làm sự tôn trọng, không kể danh vị, nhìn khắp cỏ kim, có thể nói là rất hợp với luân lý công tác, rất hợp với nghệ thuật làm người.

Xem kinh điển, Bồ-tát Quán Thế Âm vốn đã chứng ngộ Phật quả trước vô lượng kiếp, tên Chánh Pháp Minh Như Lai, lại cam chịu cõi ngược thuyền từ, tiếp nhận sự lãnh đạo của Phật A-di-đà, tại thế gian theo tiếng cầu xin mà cứu khổ, do đó uest độ Ta-bà được có quang minh. Bồ-tát Di-lặc và Phật Thích-ca vốn là đạo hữu đồng tham học, nhưng do người trước thích làm Bồ-tát bồ xứ, tiếp nhận sự lãnh đạo của người sau, khiến cho Phật tử đời sau có may mắn được độ toàn bộ ở ba hội Long Hoa. Chư Phật Bồ-tát còn như thế, chúng ta là phàm phu tục tử càng nên buông hết quan niệm tôn ti lớn nhỏ, lấy hạnh phúc của chúng sanh, an lạc của thế giới làm trọng.

Xem lại sử sách, Chu Công phò tá Chu Thành Vương, người sau chẳng những khen ngợi lòng nhân từ yêu dân của Thành Vương, mà đối với sự liêm chính hiền đạt của Chu Công càng thêm thần phục. Ngụy Trung phụ bật Đường Thái Tông, người sau chẳng những ca ngợi Thái Tông biết nhận lời hay, mà còn cảm động không thôi vì lòng tận trung với nước của Ngụy Trung. Như Gia Cát Không Minh phò tá A Đâu ngu muội, cha của A Đâu là Lưu Bị tuy chỉ rõ Gia Cát Lượng có thể thay người khác, nhưng Gia Cát Lượng vẫn một lòng vì chúa, cúc cung tận tụy đến chết mới thôi. Lưu Bá Ôn giúp Minh Thái Tổ được thiên hạ, lại cam chịu làm một mưu thần dưới trướng, công hiến kế sách hay..., những chuyện này đều thành những giai thoại đẹp đẽ, truyền tụng đến nay. Nhân đây, người bị lãnh đạo tuy bề mặt địa vị hơi thấp, nhưng chỉ cần chịu ẩn giấu tài năng, hàm dưỡng nhân cách, giữ vững cương vị, hết lòng phụ giúp, đến khi thành tựu, cũng đủ được khen ngợi bằng với người lãnh đạo. Tại Trung Quốc thường gọi vợ là hiền nội trợ, thời đại nam nữ bình quyền ngày nay, hiển lộ người nữ bị thấp một bậc, nhưng suy cho kỹ, trên thực tế trong một gia đình nếu như không có mẹ, vợ thì làm sao thành nhà? Do đó một người hiền nội trợ chân chánh phải đủ điều kiện hiền tuệ, cần lao, đảm đang, thân thiện. Tại Âu Mỹ, bên cạnh nhân vật trọng yếu đều có rất nhiều trợ lý giúp họ thu xếp công việc, xã hội Trung Quốc một bề gọi là bí thư. Bất kể là trợ lý cũng tốt, bí thư cũng tốt, so với yêu nhân, dường như đều ở địa vị bị lãnh đạo thấp kém, nhưng tất cả việc quan trọng nếu không có sự thúc đẩy của trợ lý, bí thư thì không cách gì xong việc. Do đó thân làm một thuộc hạ bị người lãnh đạo, trừ điều kiện phải xem trước ngó sau, kế hoạch công việc đầy đủ, giao tiếp dung hòa với người, siêng năng chịu khó ra, lại cần phải có đức tính tốt đẹp như trung thành không đổi dạ, thông đạt tình lý, biết tiến lùi, không vượt quá phận mình. Kỳ nhất là chỉ thấy lợi gần, dôi trên gạt dưới, tiếp đón phan duyên, cong queo tà vạy. Chỗ nói “Thế sự thông đạt đều học hỏi”, nhân gian có chỗ nào không phải là tấm gương cho chúng ta học tập. Anh xem, hoa hồng cần phải có lá xanh kề cận, mới có thể hiển lộ vẻ mỹ cảm hoàn chỉnh, trăng sáng cũng cần có những ngôi sao tô điểm, mới có thể biểu hiện sự mỹ lệ giữa trời đêm. **Bị lãnh đạo** là một môn học vắn lớn nhất, người bị lãnh đạo có thể làm được đúng quy củ trong chức vụ của mình, đem chính mình dung nhập người khác, nhập vào khắp trong Đại ngã, cũng là thành tựu chính mình trong tự kỷ rộng lớn.

Có Lúc Nghỉ Ngơi Vĩnh Viễn

Gần năm mươi năm nay, hành khước khắp nơi chưa hề ngơi nghỉ, nhất là mấy năm gần đây, vòng quanh khắp năm châu, lại là chiếu không kịp ẩm. Có người quan tâm, hỏi tôi: “Thầy vì sao không chịu nghỉ ngơi?” Tôi đều đáp thế này: “Tương lai sẽ có lúc nghỉ ngơi vĩnh viễn”.

Từ khi gia nhập hàng ngũ hoàng pháp lợi sanh rồi, gần năm mươi năm nay, hành khước khắp nơi chưa hề ngơi nghỉ, nhất là mấy năm gần đây, vòng quanh khắp năm châu, lại là chiếu không kịp ẩm. Có người quan tâm, hỏi tôi: “Thầy vì sao không chịu nghỉ ngơi?” Tôi đều đáp thế này: “Tương lai sẽ có lúc nghỉ ngơi vĩnh viễn”.

Từ nhỏ tới lớn, tôi một mực thích xem truyện của các danh nhân. Lúc đi học khắp cổ kim trong ngoài, tôi thường phát hiện sự thành công dường như thuộc về người siêng năng phấn đấu làm việc. Còn người kiêu sa phóng dật thì nhất định mạng vận chạy về phía thất bại. Nhiều năm nay, tôi đạp khắp các nơi trên toàn cầu khảo sát nhân văn phong tục, sau khi so sánh, thăm thẳm cảm nhận quốc gia có tiền đồ sung mãn đây hy vọng thường là có nhân dân lạc quan tiến thủ. Ngược lại, trong những nước lạc hậu bần cùng thì dân chẳng biết siêng năng tạo dựng, khắp nơi đều thế. Tôi phát giác người nào có đủ bản bẻ bèn gan nhiều nghị lực, bền bỉ bất khuất, thì cuộc sống rất đầy đủ hạnh phúc. Tôi, chính mình đã làm qua các việc lao nhọc, cực khổ khác nhau, chỉ cần lợi ích hữu tình. Dầu cho là trải qua một phen cay đắng phấn đấu, đều có thể khiến tôi trọn đời thắm thía vô cùng. Do đó tôi thường nhắc nhở rằng:

... Tinh tấn cần lao, là đức lành, là giàu có. Giải đãi phóng dật, là tội ác, là bần cùng.

Nước đứng dễ sanh trùng đá lăn không mọc rêu

“Trời vận hành mạnh mẽ, quân tử dùng tự cường không dừng”. Trong đại tự nhiên, bốn mùa xoay vần thay đổi, hành tinh vận chuyển không dừng. Chúng ta là một phân tử trong đại tự nhiên, đâu thể lẫn trốn giữa trời đất? Mà hiện tượng “Nước đứng dễ sanh trùng, đá lăn không mọc rêu” đã thuyết minh rõ, chỉ có đem chính mình “động” lên, mới có thể sáng tạo sức sống vô hạn. Chỉ có tinh tấn không biếng lười, mới là thuận ứng lòng trời, thuận với đạo an thân lập mạng. Nhân đây, tôi đối với những người khuyên tôi không nên bận rộn, khéo giữ gìn thân thể mà bảo họ rằng: “Bận rộn mới là bảo trọng”. Vì tương lai chúng ta đều có thời gian nghỉ ngơi vĩnh viễn.

Đại sư Trí Giả đời Tùy khi đọc đến phẩm Dược Vương Bồ Tát trong kinh Pháp Hoa, liễu ngộ “Tâm duyên khổ hạnh, thị danh tinh tấn”, lập tức hoá nhiên khai ngộ. Tôi tuy tự than không có phước đức để khéo nhập vào trí huệ Phật này, nhưng sống đời xuất gia được nửa thế kỷ nay, và mấy mươi năm âu lo nung đốt, khiến tôi xác thực thể hội được rằng tu hành không phải là những khổ vui vinh suy bề ngoài mà là ở chỗ chân tu thật học, hiển phát ánh sáng rực rỡ của tự tánh; ở trong chỗ chí hành kiên cố, làm lộ ra sức bi nguyện. Nếu đem bận rộn và nhàn hạ ra nói thì thà có thể bận rộn mà chết, chứ không cần nhàn hạ mà sống. Vì trên cơ bản sự nghỉ ngơi quá phận đợi đến ngũ Đông, là đợi ở lãng phí sinh mạng.

Tôi thường xem một số thanh niên vốn rất có mục đích, sau khi học Phật, nếu không vội vàng đóng cửa niệm Phật, vào núi tu thiền, mượn có tránh né bận rộn thì cũng là muốn đi xây dựng gia miếu, rộng trâu đê tử, dùng hóa duyên quyền góp tự mưu việc âm no là đủ. Kết quả, nếu chẳng ở trong năm tháng tịch tĩnh làm tiêu ma hết chí khí, thì cũng ở trong sự cúng dường nông hậu chôn vùi hết từ tâm bi nguyện; trong lòng thật là cảm đau đớn! Xem lại Phật-đà sau khi chứng ngộ chân lý, lại đi khắp nơi hoàng pháp lợi sanh, cho đến tám mươi ngài vẫn kéo thân thể bệnh hoạn mỗi mệt, hành hóa hai bên Hằng Hà. Chúng ta lại xem đến Bồ-tát nhiều kiếp lúc ở nhân địa tu hành, tinh tấn không lùi, cay đắng nhọc nhằn, độ thoát hữu tình cho đến tủy xả thân, đầu, tủy não, quốc thành thê tử mà chẳng khởi mảy may lòng sân hận.

Bậc Hiền Thánh sở dĩ có thể ở trong biển sanh tử dài lâu, tạo phước hưng thiện, trọn không chán mỏi, là vì các vị đều lập vững chí hướng rộng lớn xa vời, bền chịu trăm nhẫn này không oán trách, không hối hận. Chúng ta là một nạt Tăng, phước mỏng huệ cạn, có chúng sanh vô tận cần độ thoát, có pháp môn vô lượng cần học tập, làm sao dám ham khỏe ghét nhọc, ngồi hưởng sự thành công? Muốn đoạn trừ phiền não vô biên, siêng cầu Phật đạo vô thượng, há là chỉ biết ẩn giấu trốn đời hoặc một mực vào đời mị hoặc người thế tục mà có thể dễ dàng thành tựu?

Có câu “Thân người khó được nay đã được, Phật pháp khó nghe nay đã nghe”. Nếu như chúng ta không nắm bắt lập tức, tích cực hành đạo mà để thời gian vùn vụt trôi qua, một mai chẳng phụng hiến được gì, theo nghiệp báo mạng hết, há chẳng phụ của tín thí ở mười phương? Còn nêu dưới cà-sa mất thân người, hãm vào nơi muôn kiếp không trở lại được, thì càng hổ thẹn với lòng từ bi của chư Phật, Bồ-tát.

Tôi chẳng lo tuổi già cũng chẳng có thời giờ để già

Từng có một đồ chúng nhiều năm theo học bên ngoài, lúc trở về trả phép, ngạc nhiên nói với tôi:

- Sư phụ! Thầy làm sao mà không già chút nào vậy?

Tôi đáp:

- Vì tôi không có thời gian để già.

Khổng Tử từng nói: “Còn làm người, phần ắt quên ăn, vui thì quên lo, chẳng biết cái già sắp đến.”

“Già”, điều đáng sợ nhất là sự suy thoái của tâm lực chứ không phải là sự tăng thêm tuổi tác. Có một số người tuy tuổi còn trẻ mà tâm đã muốn già rồi, do đó chỉ có ngồi đợi chôn, như xác biết đi, như đồng thịt biết chạy mà sống trên đời. Có số người mặc dầu tóc bạc đầy đầu, tinh thần lại sung mãn, càng già càng dẻo, như Mã Viện đời Đông Hán tuổi cao mà xung phong hãm trận giữa sa trường, phát xuất lời hào hùng “Da ngựa bọc thân” khiến người động lòng xót ruột, phu nhân Meigh của Ixraen tuổi độ tám mươi vẫn dự những buổi đàm phán ngoại giao trong chiến tranh, bà từng khoáng đạt nói:

- Tôi chẳng lo tuổi già, tuổi già như phi cơ bay trong mưa gió. Bạn không có cách gì ngăn gió mưa, cũng không thể dừng phi cơ lại. Do đó chẳng bằng “Lạc thiên tri mệnh”, cứ để nó bay!

Chẳng kể là ở trong chiến trường nhân sinh đầy ngũ dục, lục trần bôn ba cũng tốt, hoặc là trong thế gian mưa gió ngũ vị tạp trần rong ruổi cũng xong. Quang âm như nước chảy, dễ qua mà khó trở lại, cần dùng sinh mạng có hạn để hoàn thành sứ mạng vô cùng, đem tinh thần vũ trang lên, tạo cuộc chạy đua trường kỳ với thời gian. Do đó, tôi cố để tốc độ giải quyết việc nhanh chóng nhất một số vấn đề chông chát từ lâu, đã bó tay khó tính, chỉ cần đến chỗ tôi, một lần lập tức giải quyết. Vì thế có tiếng là “Trung tâm giải quyết tức thì”. Bất kể là hành trình bận rộn bao nhiêu, hễ đáp ứng lời mời của người khác rồi, thì tôi nhất định nghĩ hết biện pháp đúng giờ đến dự. Vì thế mà được tiếng khen “Hạn thời khoái đệ”, đến hẹn một cách hỏa tốc. Lúc trẻ tôi từ đi bộ dạy dỗ đến đi xe đạp hoăng pháp, về sau dùng hỏa xa, xe hơi thay bước vào Nam ra Bắc. Hiện tại dầu đi máy bay, xuyên khắp quốc tế nhưng vẫn là mỗi ngày bận rộn quá chừng. Trên cuộc sống, tôi hết sức đơn giản, rửa mặt một cốc rượu, cạo đầu năm phút, chính vì tiết kiệm thời gian, làm việc nhiều hơn.

Dài lâu về sau, tôi tự mình huấn luyện biết yên phận, do đó bất kể ở buồng máy, toa xe, chợ búa, quán trọ tôi đều có thể tự tại xem báo, đọc sách, dựa vào đó dụng công hấp thu sự hiểu biết mới, đốc xúc chính mình đồng tiến với thời gian. Lúc tôi xuất gia, từ việc sắp xếp công việc, đi trên đường, học tập lợi dụng thời gian vụn vặt, cho đến ngày nay, ngay dầu mấy phút rảnh khi tản bộ, trong khai thị, tôi đều không để lãng phí. Một số kế hoạch đại cương, vài trang thư pháp kết duyên, thường đều hoàn thành trong lúc này. Tôi hận không được một ngày xứng với dụng của một năm, một tuần xứng với dụng của một đời.

Dụng hết thân tâm, chẳng có thời gian bệnh nã

Có lúc nhận thư của tín đồ, cuối thư chúc phúc tôi “ít bệnh ít nã”, kỳ thực tôi chẳng có thời gian già, đương nhiên cũng không có thời gian sinh bệnh, càng không có thời gian phiền nã. Đại sĩ Duy Ma Cật nói: “Chúng sanh bệnh, thế nên tôi bệnh”. Thiên sư Triệu Châu nói: “Phật là phiền nã, phiền nã là Phật”. Hành giả Bồ-tát đạo vì có thể từ Phật tánh bình đẳng nhất như và trên quan hệ mình người chẳng hai mà đối đãi với chúng sanh, do đó xem tật bệnh của chúng sanh là tật bệnh của chính mình, xem phiền nã của chúng sanh là phiền nã của chính mình. Nhân đó có thể cam tâm tình nguyện làm trâu ngựa cho chúng sanh, chẳng cho là khổ. Tôi từ bé dự vào tông lâm, ngày đêm huân tập, lấy bậc tiên hiền làm thầy, do đó ngày đêm không ngừng dạy dỗ truyền trao, khiến người hoan hỷ, chẳng dám biếng lười, tôi dãi gió dầm mưa tiếp dẫn Phật tử, bỏ thí vô úy, chẳng biết oán than hối hận. Tôi đem pháp hỷ “tha thọ dụng” chuyển thành thiền duyệt “tự thọ dụng”. Tôi đem sở đắc “tự thọ dụng” chuyển thành lợi ích “tha thọ dụng”. Nhiều năm nay, luôn luôn biết rằng vì người khác làm việc giống như là làm công tác cho chính mình, do đó hứng thú càng nhiều, ngay cho gặp phải khó khăn trở ngại, cũng chẳng hề thối tâm đổi ý. Dầu bệnh tật nhiễm vào người, cũng vẫn công tác như thường, vui với việc này chẳng mệt.

Mấy năm trước, chân tôi bị té gãy, nhiều tiếng quan tâm nổi lên:

- Sư phụ! Chân của Thầy không tốt, chẳng nên đi đường nhiều!

Chân tôi đúng là không thể chạy rồi, lại có tay nè! Người xưa chẳng phải thường nói “Song thủ vạn năng”, hai tay vạn năng sao? Một thoáng mắt, quang âm mấy năm như ngựa trắng qua khe cửa, tôi chẳng những đi quanh địa cầu, chạy hết mấy vòng, thậm chí vì để trừ tính quỷ xây cất Đại Học Tây Lai, Đại Học Phật Quang, đã viết không dưới một ngàn trang chữ bút lông, cầm đi bán gây quỹ.

Mấy năm nay, thị lực của tôi ngày càng giảm sút, bác sĩ từng cảnh cáo tôi, nếu không khéo bảo dưỡng, sẽ có cái lo mất sáng. Lập tức, bên tai lại có bao nhiêu là dặn dò:

- Sư phụ! Mắt của Thầy không tốt, chẳng thể phí thân quá!

Mắt của tôi đúng là dùng không trúng rồi, nhưng lại có miệng nè! Cái miệng rất dễ dàng tạo công đức.

Thời gian mấy năm vùn vụt qua, tôi chẳng những xem hết hơn ngàn thiên văn cáo, lại chủ trì qua vô số trường giảng kinh, khai thị.

Nửa năm trước, tim tôi càng đau kịch liệt, lúc hít vào thở ra thật khó chịu, thật chính cảm nhận mạng người trong hơi thở, càng biết được chẳng thể tùy tiện nghỉ ngơi, do đó không lúc nào chẳng nhắc nhở chính mình, tăng mau bước chân hoàng pháp.

Gần đây nhất, tôi làm thủ thuật huyết quản của tim. Một số đệ tử đến thăm đều nói:

- Sư phụ! Tim của Thầy không tốt, chẳng nên quá mệt!

Trái tim thịt tuy có tồn chút ít, nhưng tâm *chân như* đâu từng có thiếu? Chỉ cần “có tâm”, không việc gì chẳng xong.

Trong công tác có thể nghỉ ngơi trong nghỉ ngơi cũng có thể công tác

Bọn họ thường khuyên tôi: Nghỉ ngơi là để chạy trên con đường còn dài vời vợi.

Chợt nghe lời này, tợ hồ rất có đạo lý, kỳ thực “nghỉ ngơi” hoàn toàn chẳng tất nhiên có thể “chạy trên con đường trường viễn”.

Trên xã hội, một số người dầu chiều xuống đến giờ ngủ, nhắm hai con mắt, tâm niệm lại không ngừng nghỉ chuyện ban ngày, nhân đây cũng có người lăn qua lăn lại, cũng có người đêm không yên giấc. Bình thường lúc nhân hạ không cần phải nói, nơi cửa sáu căn không ngớt hương ngoại phan duyên, chẳng những không thể đạt đến mục đích nghỉ ngơi, thậm chí lại tăng thêm khá nhiều vô minh phiền não, làm nhiều loạn tinh thần lúc làm việc. Do đó nghỉ ngơi chân chính, phải là dừng hết sáu căn, dứt thôi vọng niệm. Nếu có thể như thế thì chân tâm hiện tiền, tự nhiên có thể tiến một bước khéo dụng căn trần, chuyển thức thành trí, cứu khắp hữu tình trong thiên hạ, làm đến chỗ “chẳng nghỉ ngơi mà nghỉ ngơi, nghỉ ngơi mà chẳng nghỉ ngơi”. Như Bồ-tát Đại Thế Chí “thu nhiếp sáu căn, tịnh niệm tương tục, được Tam-ma-địa, đây là đệ nhất”, thành tựu niệm Phật viên thông; mà Bồ-tát Quán Thế Âm “Ban đầu ở trong cái nghe, vào dòng quên cảnh, chỗ nhập đã

lặng, hai tướng động tĩnh rõ ràng chẳng sanh”. Nên có thể “ngàn chỗ mong cầu ngàn chỗ ứng, biển khô thường làm thuyền đưa người”.

Tôi tự thẹn hành trì cạn kiệt, không có công lực thâm hậu như thế. Nhưng vì có thể giữ gìn một khối tâm linh an tĩnh, do đó tôi có thể đồng thời nghe chuyện, hỏi đáp, xem thư, ăn cơm... mà lại có thể gọi mỗi một người gần bên. Lúc ghi âm tiết mục truyền hình, tôi cũng có thể ở tình huống không đủ bản văn, không xem đồng hồ, an nhiên nói ra một tắc pháp ngữ, câu chuyện, lại đúng giờ kết thúc không sai.

Sở dĩ tôi thường nói: Chỉ cần người bạn, tâm không bạn, trong công tác có thể nghỉ ngơi, trong nghỉ ngơi cũng có thể công tác. Có câu: “Chôn chôn không tung tích, oai nghi ngoài thanh sắc”; vô trụ sanh tâm, tùy duyên ứng vật, tuy ngàn cân đặt trên đỉnh đầu, cũng có thể nâng nặng như nhẹ.

Ý nghĩa đời người ở chỗ sáng tạo sanh mạng vũ trụ tiếp nối, còn chỗ có thể “chạy trên con đường dài xa” hay không đều không trọng yếu. Như Tăng Triệu tuy mất sớm, Triệu Luận của Ngài vẫn là sách quý trọng yếu thời kỳ đầu tiên Phật giáo truyền vào Trung Quốc. Thái Ngạc tuy chỉ sống gần tuổi ba mươi, nhưng vì ông ta phấn đấu không kể thân mạng, nêu rõ âm mưu của Hồng Hiến để chế, khiến ức vạn nhân dân khỏi được vận nguy của quân chủ chuyên chế. Móc sớm tuy dễ tan nhưng nó đã thấm nhuần mặt đất, ánh dương mùa đông tuy ngắn ngủi, nhưng làm tan được băng sương. Chúng ta nên hăng hái, một hơi thở vẫn còn kịp thời gắng sức, ngọn lửa thiêu đốt sinh mạng đã bùng lên, để lại ánh sáng rực rỡ, chiếu rọi người sau, vì tương lai có lúc nghỉ ngơi vĩnh viễn.

Cổ Thánh, tiên hiền hạnh nguyện tinh tấn, chẳng chịu dễ dàng đánh mất thời gian, thường dùng kiên trì đến sát-na cuối cùng. Như đại sư Đạo An ở trong tòa thuyết pháp lớn đứng tịch, đại sư Huệ Viễn ở trong tiếng niệm Phật mà vắng sanh, đại sư Huyền Trang viên tịch khi đang cầm bút dịch kinh, thiền sư Phật Ấn ngồi nhập diệt lúc đang tiếp dẫn tín đồ, phong thái cử chỉ của các Ngài thanh thoát tự tại như thế! Nay tôi đã bảy mươi mà biết mệnh trời, sanh diệt vinh suy đối với tôi như mây nhạt gió nhẹ, như chỗ nói: “Có cái chết nặng như Thái Sơn, có cái chết nhẹ tựa lông hồng”. Nếu có thể có phước báo này, tại lúc công tác tinh tấn mà lặng lẽ ra đi, cũng chẳng là “đắc kỳ sở tại!”, ý nghĩa phi phạm!

Bồ-tát thường tinh tấn chẳng nghỉ ngơi

Chết chóc mạng chung, bề mặt nhìn thì là chỗ cuối cùng của đời người hướng đến. Kỳ thực không phải một xong trăm xong, lúc đại hạn đến, căn thân chúng ta tuy mục nát tan diệt, nhưng tâm thức vẫn theo nghiệp lực mà lưu chuyển năm đường. Chúng ta là phạm phu tục tử vô thủy kiếp đến nay, muôn sông ngàn chết, ngàn sông muôn chết, hoặc thai trâu bụng ngựa, hoặc địa ngục ngạ quỷ, đâu từng ngừng nghỉ? Nếu người ngu chẳng biết, sát trộm dâm vọng, không gì chẳng làm, đời này cố nhiên sợ hãi chẳng an, đời sau lại phải chịu hết khổ báo. Thiền sư Quy Sơn rất là vĩ đại, phát nguyện đời sau làm trâu, phục vụ đại chúng. Đức Phật lúc tu hành ở nhân địa, nương sức thế nguyện lớn, nhiều đời thọ sanh vào phi đạo, dùng thân cảm thú để độ thoát vô lượng hữu tình, lại là bi nguyện vô tận. Tôi tuy tài đức cạn kiệt, nhưng tự nghĩ có một tấm lòng từ bi bất diệt, xin nguyện đời đời kiếp kiếp đến cõi Ta-bà này xuất gia làm Tăng, trọn không nghỉ ngơi hoằng pháp lợi sanh.

Thiền sư Hoàng Bá nói rất hay:

“Ông trên một niệm tâm có tánh quang thanh tịnh là Phật Pháp thân trong nhà ông.

Ông trên một niệm tâm có ánh sáng không sai biệt là Phật Báo thân trong nhà ông.

Ông trên một niệm tâm có ánh sáng chiếu soi là Phật Ứng thân trong nhà ông.”

Chân như Phật tánh, người người sẵn đủ, chẳng nhờ cầu bên ngoài, chúng ta chẳng cần cầu xa xôi kiếp sau an lạc hưởng phước, cũng chẳng cần khát vọng chư Phật Bồ-tát thị hiện cứu độ, chúng ta tự mình phải nỗ lực khai mở Phật tâm tự tánh sẵn tự đầy đủ, phát nguyện làm ngàn trăm ức Hóa thân của chư Phật ba đời, bắt chước Bồ-tát Thường Tinh Tấn, tinh thần ma-ra-tông của Bồ-tát không nghỉ ngơi, chạy trên đường thế gian, trọn không dừng bước cứu khắp mười phương, tự độ, độ người. Chỉ cần anh nghĩ tương lai sẽ có lúc nghỉ ngơi vĩnh viễn, sao không sấn lên hiện tại tinh tấn nỗ lực?

Nhận Lỗi, Cần Có Dũng Khí

Người, chẳng sợ phạm lỗi, mà sợ không có dũng khí nhận lỗi.

Giữa người và người, chỉ có mạnh dạn nhận lỗi, mới không lỡ mất cơ hội tốt, mới có thể nơi nơi an hòa vui vẻ.

Thời đại Xuân Thu Chiến Quốc, có một chàng trai có tánh cổ chấp cỡi xe ngựa, đến phương Bắc, giữa đường gặp một ông bạn già lớn tuổi.

Người bạn hỏi chàng:

- Anh định đi đâu?

Chàng trai đáp:

- Tôi muốn đến nước Sở.

Người bạn nghi ngờ hỏi:

- Nước Sở ở phương Nam, anh đi hướng Bắc, là chạy ngược đường rồi!

Chàng trai biện bác:

- Không sao! Ngựa của tôi rất giỏi.

Người bạn không cách gì giải thích, lại hỏi:

- Cho dù là một con ngựa hay, ngày đi ngàn dặm, nhưng lầm phương hướng, lại là không có biện pháp nào đạt được mục đích!

Chàng trai chẳng cho là đúng, nói:

- Bác chẳng cần phí tâm, tôi có đủ lộ phí.

Người bạn nói:

- Tiền đi đường anh có nhiều đi nữa, nhưng phương hướng của đường rớt cuộc không đúng, anh làm sao đến nước Sở được?

Tuy người bạn mấy phen ngăn cản, mà chàng trai này vẫn kiên trì giữ ý mình, nói:

- Không hề gì! Tôi lại có một xa phu giỏi đánh ngựa.

Tóm lại, mặc tình người bạn phân tích giải thích thế nào, chàng trai vẫn y như cũ chấp cứng lý do của mình, “chết chẳng nhận lỗi”! Đây chính là người ngu si, người chấp trước!

Chúng ta không nên chỉ cho đây là một câu chuyện mà thôi. Kỳ thực, việc như thế cũng thường phát sinh trong xã hội hiện đại. Tôi từng trông thấy một người mẹ rất từ ái, nhân vì cô con gái sắp đi du lịch vùng núi lạnh lẽo, sợ cô ta rét cóng, nên bảo cô rằng:

- Cục cưng, chỗ con đi rất lạnh, chẳng nên chỉ lo chung điện, cần mang nhiều quần áo nhen!

Cô gái đáp:

- Không cần đâu, lúc lạnh, tùy tiện đến đâu cũng đều có thể mua một cái áo lông.

Người mẹ không yên lòng, nói:

- Nơi hàn đới xa xôi, thông thường rất khó kiếm ra một cửa tiệm.

Cô gái lại nói:

- Không sao đâu! Con có thể kiếm một người để mượn một cái.

Người mẹ nói:

- Nơi càng lạnh, càng ít người ở, con mượn ở đâu?

Cô gái nói:

- Vạn nhất nếu quá lạnh không làm sao được thì con lập tức trở về, không được sao?

Chẳng kể người mẹ dặn dò căn kẽ, ân cần khuyên nhủ thế nào, cô con gái cũng chẳng chịu dự bị nhiều y phục mang theo một chút.

“Chết chẳng nhận lỗi” là bệnh chung của một số người. Do đó, “nhận lỗi, cần có dũng khí”. Tôi suốt đời đều đem câu nói này làm bài minh khắc bên phải ghế ngồi của mình.

Năm 1971, tôi định đem kiến trúc Hội Quán Triều Sơn liệt vào công trình thứ nhất của Phật Quang Sơn. Vì tôi cho rằng, Phật giáo hiện đại nên kết hợp làm một thể với đại chúng trong xã hội, có thể cung cấp chỗ ăn ở tốt, mới có thể làm tín đồ an tâm vui vẻ triều sơn lễ Phật, do đó kiến nghị thiết lập một Hội quán Triều Sơn lộng lẫy đẹp đẽ. Không ngờ, rất ít tín đồ ủng hộ kiến thiết này, mắt xem công trình không cách gì tiến hành. Một hôm, pháp sư Từ Huệ thưa với tôi:

- Tín đồ Đài Loan căn bản là không hiểu cái gì gọi là “Hội quán Triều Sơn”. Họ chỉ mong có điện đường để lễ Phật, Sư phụ nên xây Đại Hùng Bảo Điện trước mới đúng.

Tôi vừa nghe, biết được lời cô ta rất hợp lý, nên lập tức sửa ngay. Nhân đây những kiến trúc sau này của Phật Quang Sơn một mạch hết sức thuận lợi. Nếu như tôi chỉ dựa vào lý tưởng, chẳng có “dũng khí nhận lỗi”, lại làm sao có phương tiện sau này?

Tôi đề xướng Tăng đoàn dân chủ, bắt chước lối ba phen yết-ma thời Phật. Mỗi lần mở hội tại Phật Quang Sơn, khó khỏi có một số ý kiến bất đồng giữa đề chúng và tôi. Nhưng chỉ cần hợp lý, tôi lập tức tự mình sửa đổi, do đó tôi tự hứa là một người “tùng thiện như lưu” – theo điều thiện như nước xuôi dòng; rất sợ đề chúng cho là Su phụ cũng là một người “chết chẳng nhận lỗi”. Càng lâu, người trước chẳng dám chống trái, chỉ biết vâng vâng dạ dạ, không có suy nghĩ sâu xa. Người sau thì noi theo bắt chước, chỉ biết chỉ trích người khác, chẳng thể kiểm thảo chính mình. Cứ kiểu này, Phật Quang Sơn làm sao có thể có sáng kiến đột phá, vì chúng tạo phước được?

Vì tôi có kinh nghiệm dạy học trò nhiều năm, hẳn là người có thể tiếp nhận dạy dỗ -“mạnh dạn nhận lỗi”- thì phần nhiều tiến bộ rất mau. Còn người việc gì cũng cho mình có lý toàn bộ -“chết không nhận lỗi”- phần nhiều dẫm chân tại chỗ. Tôi thường khuyên một số đề chúng không giỏi về học vấn, cần nên học tập kỹ thuật khác cho sớm, nhưng bọn họ lại giữ chặt ý kiến của mình, chẳng chịu nhận là sai, tốn bao nhiêu năm dùi mài học vấn, mới phát hiện lầm đường, sau hối chẳng kịp. Lại có một số đề chúng làm việc không thể nhìn khắp đại cuộc, lười biếng chẳng hòa chúng, được răn nhắc nhiều lần, lại “chết chẳng nhận lỗi”, rốt cuộc chẳng có một đơn vị nào muốn nhận họ làm việc. Lại có một số đại chúng sau khi bỏ đi, tự biết có lỗi, mà không có dũng khí nhận lỗi trước đại chúng, chỉ đành lưu lã bên ngoài. Tuy tôi có lòng khoan dung tiếp nhận, nhưng cơ bản là pháp tắc của tông môn, cũng chỉ đành thờ dài mà chịu.

Nhân đây, sự bình thuận an nguy của một đời người, thực ra quan hệ mật thiết thập phần ở chỗ mình có nhận lỗi hay không. Thậm chí từ xưa đến nay, bất kể một quốc gia hay một đoàn thể, người chủ sự cho đến phần tử tạo thành có thể nhận lỗi hay không, thường thường lại là then chốt của sự thành bại được mất. Như Hạng Vũ phải nuốt hận thất bại trong cuộc tranh hùng giữa Hán – Sở, chính là vì ông ta cứng cỏi độc đoán, do đó mọi người xa lánh, cuối cùng tự vẫn ở Ô Giang. Trước lúc lâm chung vẫn “chết không nhận lỗi”, còn than thở: Trời quên ta rồi! Trời quên ta rồi!

Chu Du là danh tướng thời Tam Quốc, lòng dạ hẹp hòi, đố kỵ người hiền và người tài, làm mất cơ hội “liên Thục diệt Ngụy”, đã chẳng biết phản tỉnh, ngược lại còn cảm thán: “Đã sanh Du sao còn sanh Lượng”, cuối cùng đành chết sớm khi tuổi trẻ tài cao.

Xem lại Lưu Bang và Tào Tháo, một người nguồn gốc quê quán không rõ ràng, một người bị đời chê là gian hùng, nhân vì có thể nghe theo lời can gián, sửa đổi lỗi lầm mà thành tựu nghiệp bá.

Tiên sinh Y Trọng Dung từng làm Bộ trưởng Kinh tế của Trung Hoa Dân Quốc, năm 1950 giữ chức Ủy viên Chủ nhiệm Hội Ngoại Mậu (mậu dịch với ngoại quốc) từng ban bố biện pháp *Trung Dược Hạn Khu Thám Cầu* (thăm dò việc mua hạn chế thuốc Bắc). Ba ngày sau, phát hiện tin tức thương mại phán đoán là sai lầm, lập tức thủ tiêu lệnh trước, và tập họp báo chí, công khai xin lỗi dân chúng. Lúc đó có ký giả hỏi ông:

- Ông như thế chẳng phải là sáng ra lệnh, tới cải chính ư?

Ông thẳng thắn đáp:

- Biết lầm mà không chịu sửa, làm sao được?

Do Y tiên sinh thật sự cầu đúng, có phong độ cải chính kịp thời, lúc ấy đã đưa kinh tế Đài Loan phát triển mau chóng, đến nay vẫn còn nhiều người nhớ mãi không thôi.

Gần đây nhất, báo chí đăng tải về tiên sinh Nghiêm Trường Thọ, kinh doanh Á Đô Phan Điểm có thành tích rất lớn, mọi người trong ngoài đều nhất trí khen ngợi, được mời đến Viên Sơn Phan Điểm ở Đài Bắc để làm Tổng kinh lý. Lúc ấy, ông rất phấn khởi, rất mong mình có một phen triển vọng. Nhưng không bao lâu ông bèn đệ đơn từ chức, vì nhân viên công tác không cách gì sửa đổi tập khí uy quyền thời đại, “chết chẳng nhận lỗi”, phối hợp gian nan, Nghiêm tiên sinh mất thấy không cách cải tiến, chỉ đành rũ áo ra đi.

Điều này đã nói rõ: Nhận lỗi cần có dũng khí. Có thể mạnh mẽ nhận lỗi mới không để mất cơ hội phát triển.

Nhớ ba mươi năm trước, nhân con đường từ Đài Bắc đến Phật Quang Sơn xa xôi, tín đồ phương Bắc nhao nhao thỉnh cầu lập đạo tràng tại Đài Bắc, để cho họ thường thường nghe kinh lễ Phật. Tôi cũng rất mong làm thỏa mãn nhu cầu của mọi người, do đó nghe ngóng khắp nơi xem có đạo tràng nào thích hợp. Ban đầu chúng tôi xem khoảnh đất ở đường Trung Dân Quyền phía Đông đối diện với Thiên Cung. Qua sự bàn bạc với một vị từng trải, tuy giá tiền một bãi đất không bằng một phần ba giá ở chợ, nhưng Phật Quang Sơn lại gánh không nổi, kết quả để mất cơ hội này. Về sau, trên đất này mọc lên một tòa nhà lớn, mỗi lần ngồi xe ngang qua, lòng tôi nổi lên sự tiếc nuối, hổ thẹn vô cùng với lòng thành khẩn của tín đồ, nhân đây tôi phát nguyện một ngày nào đó mình có đủ năng lực, nhất định phải xây dựng một đạo tràng hiện đại hóa rộng lớn tại Đài Bắc. Về sau, tín đồ nghe được việc này, nhận thấy tôi đã vì không thể cấp cho mọi người một chỗ tốt để lễ Phật mà nhận lỗi, buồn bực, liền kêu gọi mọi người, hiệp trợ bỏ tiền của ra. Năm 1994, cuối cùng mua được mấy tầng lầu trong một tòa lầu lớn, tập hợp Đạo Tràng Đài Bắc, Tổng Hội Trung Hoa Phật Quang Hội, Phật Quang Duyên Mỹ Thuật Quán, Phật Quang Duyên Trích Thủy Phường vào một chỗ, thực hiện bốn lý tưởng về kiến trúc Phật giáo hiện đại mà tôi đã ôm ấp nhiều năm nay – truyền thống và hiện đại kết hợp, Tăng chúng và tín đồ cùng có, tu trì và huệ giải cùng trọng, Phật giáo và nghệ văn hợp nhất.

Cuối hạ năm 1992, gió bão ập đến, nước lũ cuộn cuộn dâng, mưa như trút nước thành thiên tai, làm cho phía Nam Đài Loan thành một biển nước mênh mông, đất đá núi Đông của Phật Quang Sơn cũng bị trôi mất không ít. Khi ấy tôi đang ở nước ngoài, nghe tin vội vã trở về, nhìn đến đất đá bị sạt lở và ruộng nương tan hoang xơ xác, thật là một trận thương cảm, nhưng tôi chẳng hề trách móc chức sự chủ sự không trông nom đầy đủ, phòng giữ chẳng nghiêm, ngược lại chiêu tập đại chúng, rồi bảo họ:

- Lần này xảy ra việc ngoài ý muốn là tại tôi lúc đầu không có dụng tâm làm bờ tường ngăn cho tốt, để thường trụ phải chịu tổn thất.

Đồ chúng nghe rồi đều đồng thanh trả lời:

- Đây không phải là ngăn tường đất mà ôn cố được, mà là chúng con không tùy thời thanh lý đường nước.

Thầy trò chúng tôi hổ tương nhận lỗi, mọi người đồng tâm hiệp lực ra sức cứu chữa, thậm chí mời công binh thuộc Quân Đoàn Thứ 8 nghiên cứu công trình đại địa, lên núi giúp đỡ, rất mau chóng, Đông Sơn lại khôi phục sự an tĩnh tốt đẹp ngày xưa. Từ việc này, tôi thâm thâm cảm được: Một cá nhân cần chịu “nhận lỗi”, mới có người vui lòng giúp đỡ. Nhân đây, chỗ nói rộng kết duyên lành, không hẳn hỏi han ấm lạnh, cởi áo bung com là đủ, mà lại nên ở lúc nhận lỗi, có thể làm đến “ngghiêm để trách mình, khoan để đãi người”.

Trung Quốc thời xưa khi có tai họa, Hoàng đế bèn hạ chiếu kể tội mình để cầu vớ về lòng người. Ngày nay tại thời đại dân chủ, ở Tây phương cũng có tình huống tương tự.

Triết học gia Socrate lúc lâm chung, vẫn nhớ mãi không quên đã thiếu người hàng xóm một con gà mà không cách gì trả nổi. Mãi đến ngày nay, chẳng có ai phê bình Socrate là nghèo túng, ngược lại ca ngợi ông là một triết gia thân nhiên, chân thật ngay thẳng. Ba thế kỷ trước, vua A-dục thống nhất toàn cõi Ấn Độ đã hướng về một Sa-di nhỏ mà xưng tội. Tự xưa đến nay, không ai chê cười A-dục Vương là bậc trên ngôi Cửu ngũ mà xin lỗi, ngược lại đồng thanh khen ngợi mỹ đức mạnh dạn nhận lỗi của ông. Do đó, nhận lỗi không những chẳng làm mất thân phận của chính mình mà ngược lại có thể được tôn trọng nhiều hơn. Chỉ đáng tiếc rất nhiều người không rõ ràng được sự ảo diệu của nó, mà làm việc ngang ngược, chẳng chịu cúi đầu, cuối cùng chính mình thành người thua cuộc lớn nhất.

Nhớ lại hơn ba mươi năm trước, lúc xây dựng lại chùa Lô-i Âm lần đầu, nhiều lần thương lượng với nhà dân ở trước cửa để họ bán đất dời đi nơi khác, tiện cho việc chỉnh thể quy hoạch đạo tràng, tuy nhiều phen đề xuất phương án tốt đẹp, chủ nhà vẫn trước sau chấp chặc ý kiến của mình, không chịu lợi ích người khác. Về sau tín đồ nhân lúc tu chung, ra vào bất tiện cũng nhiều lần khuyên cáo nhỏ nhẹ, nhưng đối phương vẫn khăng khăng chẳng chịu nhượng bộ. Kết quả bị mọi người oán trách, thật là tổn mình mà bất lợi cho người.

Phật Quang Sơn khai sơn không bao lâu, mời một vị dân làng ở kế bên làm một ít việc vặt cho chúng tôi. Tôi từng cấp cho ông ta một ít tiền, nhờ ông ta mua một ít giống cây ăn quả trồng chung quanh tự viện, đâu dè ông ta mua xong, trồng trên đất của mình, rồi lại lén sửa đường nước, đem nước dùng của chùa tưới ruộng vườn của mình, còn khoe với người, đất của ông là đất hoàng kim. Trong lòng tôi không khỏi nghĩ đến: Cây trái của anh như vàng, đều do Phật Quang Sơn mà có, đâu có trồng cái gì được mà cho là tươi tốt?

Về sau, tôi vì muốn cất Đại Hùng Bảo Điện, bèn hỏi mua đất của ông ta. Đất của ông ta ngày lên giá ba lần. Tôi hỏi:

- Tên của anh là Chúc Thành, vì sao không có thói quen “trợ thành”.

Ông ta cứ nhơn nhơn đáp:

- Mỗi cá nhân đều muốn vì mình mà tính toán, tôi không trợ thành là hẳn rồi.

Kết quả vì ông ta làm việc gì cũng không trợ thành, nên mọi người đều ghét, nhất trí quyết nghị không dùng ông ta nữa. Về sau nghe nói cả người nhà cũng không đếm xỉa đến ông ta. Đây chính là hậu quả không có duyên với người.

Rất nhiều người hỏi tôi, vì sao đến đâu cũng được người hoan nghênh? Tôi tự biết chỗ sở trường lớn nhất của đời mình chính là có thể rõ lý, chịu nhận lỗi, nhân đây chẳng kể lớn nhỏ quý tiện đều thích ở với tôi.

Có một năm, tôi dẫn phái đoàn đến Ấn Độ bái Phật, giữa đường thỉnh mua một tượng Phật bằng đá, nhờ một đoàn viên là cư sĩ Thái Thương Châu mang về Đài Loan. Việc xong mới phát giác tượng đá này nặng một trăm ký, chẳng biết cư sĩ Thái Thương Châu làm sao xoay sở? Nghĩ đến mình lúc đó chỉ biết thỉnh mua, lại hoàn toàn chẳng xét đến người khác vận chuyển cay đắng, tự nhiên lòng thầm xin lỗi. Về sau tôi lúc nào cũng đến tiệm bánh mì Á Châu tại Thiện Hóa mua bánh mì, để bù đắp lỗi vô tâm của mình. Thái cư sĩ nhiều năm nay, một thầy một đạo, hộ trì Phật Quang Sơn, tuy không phải là vì tôi thường mua bánh mì cho ông ta, nhưng vì tôi có thể mạnh dạn nhận lỗi, tin rằng tình đạo giữa thầy trò gắn bó nên cũng có chỗ trợ giúp dài lâu. Đến nay tượng Phật này được đặt trong Bảo Tàng Quán Phật Quang Sơn cho mọi người chiêm ngưỡng. Nay Thái cư sĩ ở cõi Phật có biết thì sẽ tha thứ lỗi không biết của tôi.

Giác Mục theo học tại Mỹ từ nhỏ đến lớn, sau khi tốt nghiệp Đại học Kiến trúc ở Đức, theo tôi xuất gia về đến Đài Loan, một lòng định đến Tông Lâm Học Viện Phật Quang Sơn nghiên cứu Phật học, gặp đúng lúc Phật Quang Sơn xây cất Đại Học Nam Hoa, cần sự chuyên môn của anh ta, do đó muốn anh ta trước tiên đến chỗ trú bị Đại học để trợ giúp. Chỉ nhìn thân thể ốm gầy của anh, bôn ba Nam Bắc không dừng, lúc thì đến Đại Học Nam Hoa ở rừng lớn Gia Nghĩa xem xét tiến độ thi công, lúc thì đến Đại Học Phật Quang ở suối đá Nghi Lâm để giải quyết trạng huống công trình. Tuy anh ta bày tỏ tâm tình nguyện như thế, nhưng tôi lại bất nhẫn, do đó mỗi lần thấy anh về núi, đều phải lưu tâm vồn vã đến anh một chút, cũng cho là một lối biểu lộ lòng đền bù, đâu ngờ lại khiến anh ta càng ra sức công tác, như nay anh ta đã là Phó chấp hành Trưởng hội quỹ Tịnh Độ Văn Giáo.

Xuất gia học đạo tròn sáu mươi năm đến nay, ứng sự tiếp vật, khiến tôi ngộ ra cái đạo lý làm người:

“Anh đúng tôi sai,

anh tốt tôi hư,

anh lớn tôi nhỏ,

anh vui tôi khổ”.

Tôi chẳng những đem bốn câu kệ này treo ở bên miệng để giáo dục đề chúng, mà lại thường dẫn dùng một câu chuyện để nói rõ đạo lý đó:

Ngày trước có một nhà họ Trương và một nhà họ Lý ở sát cạnh nhau. Nhà họ Trương thường gây gỗ nhau không dứt, họ Lý lại hòa mục tương kính. Một hôm ông Trương hỏi ông Lý:

- Vì sao nhà ông chỗ nào cũng vui vẻ sung mãn, nhà tôi ngày ngày cứ y như bãi chiến trường?

Ông Lý trả lời:

- Bởi vì nhà ông đều là người tốt, còn nhà tôi đều là người xấu.

Ông Trương không hiểu, hỏi lại:

- Lời này là sao?

Ông Lý đáp:

- Ví dụ như ở nhà tôi, nếu có người làm vỡ tách trà, nhất định có người vội vàng nhận lỗi: Tôi thật tệ quá, đặt chén trà quá gần mép bàn, làm anh bị ướt cả người, tay anh có bị sao không? Người làm vỡ tách trà cũng vội vàng nói: Không sao! Không sao! Tại tôi vô ý, xin lỗi, đã khiến anh hết hồn!

Nhưng, việc này nếu xảy ra ở nhà ông thì người làm vỡ sẽ nói:

- Ai đây thật chẳng có đầu óc, đem tách trà để gần mép bàn thế này, hại ta toàn thân ướt hết?

Một người khác lập tức cãi lại:

- Chính tôi để tách trà, thì sao? Tự anh không cẩn thận, lại muốn đổ cho người khác!

Cứ thế anh một lời, tôi một tiếng, mọi người đều chẳng nhận lỗi, đương nhiên là không có an ninh.

Em trai pháp sư Y Không là cư sĩ Trương Tấn Huy ở Phổ môn Trung học Giáo thụ có nuôi hai đứa con thiên tư thông tuệ, hoạt bát đáng yêu. Một hôm, chính lúc ông vì sự dạy dỗ con mà mệt óc, nghe tôi kể lại chuyện này, thấy rất có đạo lý, lập tức về nhà ứng dụng. Trên bàn ăn, đứa con than thở cơm rau ăn chẳng ngon. Trương cư sĩ lập tức áy náy hiện lên mặt nói:

- Đều tại cha vô dụng, cha không kiếm được nhiều tiền, không thể cung cấp cho các con đời sống thật tốt, cha xin lỗi các con!

Mấy đứa con nghe cha nhận lỗi, lại cảm động, lại thẹn thùng, cả hai đều nhất trí nói:

- Cha rất vĩ đại, tụi con muốn học cho giỏi, về sau sẽ dâng món ngon nhất để trả hiếu cho cha.

Có thể thấy, nhận lỗi không phân lớn nhỏ, chỉ ở chỗ chúng ta có đủ dũng khí hay không. Người có thể nhận lỗi chân thành, mới có thể ở khắp nơi hòa hợp an ổn, một bề hoan hỷ.

Phật giáo mười phần chú trọng tu trì “nhận lỗi”, ngoài các pháp môn Sám hối ra, đạo tràng tông lâm tuyển chọn trụ trì, cũng lấy sự cúng dường đại chúng, có mỹ đức “dám mạnh dạn nhận lỗi” hay không để làm một trong những tiêu chuẩn. Vì người mạnh dạn nhận lỗi mới có thể đem *thân giáo* ra lãnh chúng, dạy chúng, làm chúng phục, hòa hợp chúng.

Như thiền sư Pháp Ngộ đời Tấn là Trụ trì chùa Trường Sa ở Giang Lăng. Một hôm, nhận gậy phạt của Sư phụ là đại sư Đạo An gửi đến, lập tức lãnh ngộ: Đây là Sư phụ nhắc lỗi Sư trước

đó không lâu đã xử phạt sơ sài một chú Sa-di uống rượu mà không dòi chõ (thiên đơn). Sư lập tức đánh chuông họp chúng, thành kính thấp hương trước gậy trang có hình

phật, biểu thị kính lãnh lời dạy của Thầy, rồi nằm xuống đất, sai Duy-na lấy gậy đó đánh Sư ba cái, và khóc lóc tự trách. Sau đó, hai chúng Tăng tục càng thêm tinh tấn đạo nghiệp. Trong ngũ lục thiên môn lại đầy dẫy công án giữa thầy trò dùng hết mớ để luận đạo. Chẳng những học trò lúc lỗi lầm có đủ mạnh dạn để nhận tội, mà ngay nếu ông thầy chẳng đúng cũng hào hiệp cúi đầu xin lỗi. Chính vì vậy, thiên tông có thể đem đạo phong hoạt bát linh lợi mà lưu truyền lâu xa, những câu “Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm”, “Buông dao đồ tể, ngay đó thành Phật”. Người ta, chẳng sợ phạm lỗi, chỉ sợ không có “dũng khí để nhận lỗi”. Trong thời đại khai phóng ngày nay, thường thấy sách vở ngành nghề và các nhân sĩ nổi tiếng thường khuyến khích mọi người “Tiến lên, cần có dũng khí”, “Biểu đạt, cần có dũng khí”. Tôi thường nghĩ có nên đề xướng tinh thần “Nhận lỗi, cần có dũng khí” hay không? Vì chỉ có giữa cha mẹ với con cái, giữa thầy trò, giữa chủ tớ, giữa quan và thuộc hạ đều có thể có đủ mỹ đức “mạnh dạn nhận lỗi”, đất nước chúng ta mới có thể tiến bộ phát triển thêm, xã hội chúng ta mới thuận hòa an ổn.

Tất Cả Đều Là Lễ Đương Nhiên

*Dùng lửa dùng lửa, đổ nước nóng để ngưng sôi đều chẳng phải là hành vi đương nhiên.
Từ - bi - hỷ - xả mới là sự tu hành đương nhiên nhất, tài sản quý báu nhất của đời người .*

Nhiều năm trước, một nhà viết tạp chí đến tôi mượn ba trăm vạn nguyên, tôi không có cách gì đáp ứng. Ông ta liền viết bài hủy báng tôi, hàng đệ tử tức càn hông, một số chủ trương dùng bút để tranh luận, một số yêu cầu tố ra tòa. Lúc đó tôi đang hoằng pháp ở Đài Bắc, nhân đây đến chùa Phổ Môn nhóm chúng thường trụ, bảo mọi người:

- Người khác đối với chúng ta cung kính tôn trọng, không phải là chuyện đương nhiên, chúng ta phải dũng mãnh vươn lên để báo đáp. Còn khi chúng ta bị đả kích bị thương tổn, thì phải nhận rằng đây là lẽ đương nhiên. Vì cha mẹ nuôi nấng ta, thầy tổ giáo dục ta, xã hội thành tựu ta, quốc gia bảo bọc ta, bình thường chúng ta có nhiều nhân duyên tốt như thế, nói tương đối, một chút nghịch cảnh trắc trở bất ngờ như vậy đến, chính là để khảo nghiệm khí độ của chúng ta, có thể làm phong phú nội lực của chúng ta. Vì sự phá hoại làm thương tổn chán ngắt này là cái không đánh đổ được một cá nhân. Làm một người chân chính, cần phải ngăn cho được bát phong từ bốn mặt thổi đến, coi tất cả ngang ngược đều là lẽ đương nhiên...

Nói một hồi, thấy sự tức giận của đại chúng đã dịu xuống, tôi cũng thừa cơ hội, tùy duyên lập khóa trình “Tu tưởng của tông môn”, chỉ là đâu ai biết từ chẳng đương nhiên đến đương nhiên, tôi đã trải qua ít nhiều lịch trình tu chứng, mới có niềm tin và thể ngộ kiên cố như thế.

Năm tôi mười hai tuổi, sau khi xuất gia ở Thê Hà Sơn Tự, là một thanh chúng nhỏ tuổi nhất trong chùa, da mặt lại rất mỏng. Lúc mới bắt đầu, lên lớp nghe chẳng hiểu, xuống lớp cũng không thích hỏi han. Đã không thể ra ngoài, lại không thể qua lại với người khác, thơ nhà viết được rồi, không có tiền mua tem, thật không dễ chịu nỗi đến học kỳ kết thúc. Học viện cho nghỉ, mắt nhìn đồng học vác hành lý trở về nhà, tôi cũng theo bọn họ đến Đại Hùng Bảo Điện lễ Phật báo nghỉ, ngay lúc định bước ra cửa chánh điện, thầy tôi là Thượng nhân Chí Khai hét bắt tôi đứng lại, mắng rằng:

- Đứng lại! Về nhà nào?

Tôi chỉ đành chịu dừng tình cảm nhớ nhung quê nhà của một đứa bé mới lìa gia đình, cảm tức đóng cửa. Có lúc trong lòng rất khổ, nhưng nghĩ đi nghĩ lại: Không ai bắt ta xuất gia, chính tự ta tình nguyện, do đó cũng bèn xem là “đương nhiên” mà tiếp nhận. Đã là lẽ đương nhiên, vì sao lại cảm thấy khổ?

Từ khi học xong ở viện Luật Học Thê Hà rồi, tôi lại đến Tiêu Sơn, Kim Sơn, Thiên Ninh... những danh sơn cổ sát để tham học. Nền giáo dục lúc đó không những là chuyên chế đóng kín, mà còn có thể nói không tình, không lý. Thường thường quét đất xong, lão sư không hài lòng, bắt quét nữa. Kiểm tra lại, thấy vài chiếc lá rụng, “không được” lại phải quét một lần nữa. Ăn cơm no rồi, vị sư kiểm soát đi qua, bắt anh ăn một chén nữa, anh phải phình bụng mà nuốt, nếu không thì một cái tát tai sẽ giáng xuống ngay, hoàn toàn không có được một lời từ tế. Bạn học nói người nọ cố ý tìm tôi để quấy rối, tôi lại biết được đây chính là giáo dục. Ông thầy chịu dạy, mình mới có cơ hội trưởng thành. Có trưởng thành mới có tương lai. Do đó, đối với tất cả gậy hét, cho đến oan khuất, tôi đều nghĩ “đương nhiên mà thôi” để tiếp nhận trọn vẹn. Cảnh thuận nghịch hễ gặp đều có thể đương nhiên tiếp nhận, sự sáng tối trong trời đất đều không giống nhau.

Lúc mười lăm tuổi thọ giới, lại chịu đủ thứ khổ, vừa đến giới trường, giới sư trước hết tìm giới tử để hỏi han tra xét. Giới sư thứ nhất hỏi tôi:

- Người nào muốn anh đến thọ giới ?

- Thầy con muốn con đến.

- Chẳng lẽ thầy anh không kêu anh đi thọ giới, thì anh sẽ không đến ư?

Nói xong, cảnh dương liễu quất như mưa lên đầu. Đến giới sư thứ hai, ông lại hỏi y như thế, vì đã có kinh nghiệm lần thứ nhất, nên tôi đáp:

- Tự chính mình con muốn đến.

Đâu ngờ “phạch... phạch... phạch” trên đầu lại một trận khổ sở:

- Đồ đáng ghét! Thầy không kêu mi đến, mi lại dám to gan tự mình chạy đến à!

Giới sư thứ ba cũng lại hỏi vấn đề trước. Lần này kinh nghiệm phong phú, do đó cung cung kính kính trả lời:

- Dạ tự con phát tâm đến, Sư phụ cũng kêu con đến.

Tự cho là đáp án này phải rất viên mãn, kết quả, “Ngươi là đồ xảo trá!”. Dương nhiên nhận chẳng ít một trận đánh bừa.

Mang đầu óc đang nổ đom đóm, đến vị sư cuối cùng ngồi ở trước mặt, tôi không đợi Ngài hỏi, trực tiếp đưa đầu ra, thưa:

- Lão sư từ bi, Thầy muốn đánh cứ đánh!

Thời kỳ thọ giới, quỳ nghe khai thị, bị mắng, bị trách là sự huấn luyện “đương nhiên”, thậm chí đến cả cầu tiêu cũng bị hạn chế, một người nhịn không nổi, giữa đường chuồn mất, cũng có số người một mặt oán trách cầu nhàu, một mặt thọ hết giới kỳ. Nhưng tôi nhận rằng những điều này đều là đại từ đại bi của lão sư, do đó đem lòng cảm ơn, “nghĩ đương nhiên thôi” mà qua được năm mươi hai ngày khó quên.

Năm mười chín tuổi, tôi đến học tại Phật Học Viện Tiêu Sơn. Nhớ được một vị giáo thọ từng có ý thúc đẩy tôi vào Học Viện Giáo Dục Quốc Lập để học, tôi cao hứng quá chùng về thưa lại với thầy, lại bị một trận trách mắng:

- Hồn láo! Giáo dục Phật giáo không chịu học, lại đòi ra ngoài nhận giáo dục xã hội cái gì?

Về sau, tuy thầy tôi đưa một sư đệ khác đến trường này học, nhưng trong lòng tôi không có một chút bất bình, chỉ biết rằng “đây là lẽ đương nhiên!”

Qua mấy năm về sau, sư đệ rời khỏi Phật Giáo, tôi mới thăm thẳm thể hội sự kỳ vọng ân cần tha thiết của thầy tôi đối với mình. Nhân đây lại đem tất cả mài luyện trong quá trình học tập xem là “lẽ đương nhiên”. Có cảm nhận “đương nhiên” là rất nhiều tốt đẹp vậy!

Lúc đó, Viện trưởng viện Phật Học Tiêu Sơn là Hòa thượng Tuyết Phiền. Trong khóa học, thầy chưa hề nói với tôi một câu, lúc nhìn đến tôi cũng đều là hai con mắt sáng quắt như đuốc hướng về tôi mà nhìn, có người nói: Lão ấy đang trừng tôi, tôi lại biết được Ngài không phải là người có ác ý; ngay cho như thế, tôi cũng nhận rằng đây là “lẽ đương nhiên”.

Tại giai đoạn học tập, tự mình chẳng biết gì, thì có tư cách gì yêu cầu thầy phải đối xử tốt với chúng ta? Hoặc cho nhân vì tôi đối với thầy cung kính nhất như, về sau thầy nói: Trong bao nhiêu học sinh ở đây, người mà Thầy khen ngợi nhất lại là tôi. Tôi tự biết mình không tài giỏi gì, ngoài lúc được yêu quý vừa mừng vừa lo ra, tôi cặn kẽ nhớ lại chuyện trước, rất may mắn cho chính mình lúc ban đầu, có thể “nghĩa đương nhiên rồi” ở trong giáo dục vô tình vô lý mà trưởng thành mạnh mẽ.

Hơn mười năm sau, tôi mời pháp sư Chân Hoa viết bài “Tham học tòa đàm”[1] cho báo Giác Thế, trong văn đối với đạo tràng tham học biểu lộ rất nhiều ý kiến bất mãn, kỳ thực những con người, sự việc, nơi chốn này tôi đã trải qua hết rồi, chỉ là lúc ấy đều biết rằng “đây là lẽ đương nhiên”, do đó chưa hề biết nó không tốt, cũng khiến tôi ở trong chỗ biết được “đương nhiên” mà cảm thấy không có gì bất bình, vì chuyện đó là giáo dục mà!

Mười năm trường tham học, chớp mắt đã qua, về sau, tôi cũng làm công tác dạy học, từ giảng dạy Phật học đến dạy về Quốc văn, từ dạy người xướng tụng đến chỉ đạo viết văn..., trong đó tôi từ lần này đến lần khác, trong sự ngang bướng của học sinh mà rèn luyện tánh nhẫn nại và từ bi của mình. “Nghĩ đương nhiên là vậy” điều hòa phương thức dạy học và tâm thái giảng bài của mình, để mong khế lý khế cơ, như nay có thể nói là *cưỡi xe nhẹ đi đường quen*. Từng có người hỏi tôi về tâm đắc sau nhiều năm dạy học, tôi biết rằng học sinh cố nhiên là phải tiếp nhận, ông thầy cũng ắt phải cải tiến, hai bên đều cần thung dung nhẫn nại chỗ hay của nhau trong lúc dạy và học, nếu như có thể từ “chẳng cho là đúng” lúc ban đầu, đến “tất cả nghĩ đương nhiên như thế” cuối cùng. Đây chính là một loại tiến bộ, chính là một loại thành công.

Thâm cảm thấy làm việc gì nếu cứ tự cho mình có lý, thì chẳng dễ trưởng thành. Ở quá khứ, có ông thầy ân cần dạy bảo tôi, như nay đệ tử, tin đồ cũng có lúc không tiếc lời “chỉ giáo”. Đối với việc này, tôi đều “nghĩ đương nhiên vậy” để thừa nhận, vì “Ta yêu tôn nghiêm (Thầy), nhưng ta yêu chân lý hơn”. Trước chân lý, không có thứ tự lớn nhỏ, cũng không có phân chia tôn ti.

Thẳng đến hiện tại, tôi lại là một mực đem “tất cả đều là lẽ đương nhiên” ra để tự khích lệ mình, giáo dục đồ chúng. Trong số đệ tử từng có người hỏi tôi:

- Thầy dạy chúng con nên “nghĩ đương nhiên vậy” để phục vụ chân lý. Cái gì là chân lý? Là tri thức khoa học kỹ thuật hiện đại? Hay là mười hai phần giáo trong kinh điển?

Tôi biết rằng điều này đều đúng, nhưng cũng đều chẳng đúng. Vì chân lý không nhờ cầu bên ngoài, tại trong tự tánh vốn tự đầy đủ, cái trọng yếu nhất là ắt phải hiểu được sự tôn trọng và bao dung, nếu không thì ngay cho đọc khắp ngàn kinh muôn luận, học chứa đầy năm xe, cũng chẳng qua là người nghèo đêm của báu cho người, tự dối dối người, một mai cảnh giới xảy đến lại là bị ngũ dục trần lao chướng ngại mê hoặc như thường, có lúc thậm chí trở thành làm lớn cũng chẳng tự biết. Tất cả “đương nhiên” đó chính là có thể tâm cảnh nhất như, vật ngã đều quên.

Lúc còn bé, gia cảnh thập phần khốn khó, mấy người cậu của tôi tuy so ra giàu có nhưng cũng không có tâm ra sức tương trợ, tôi một mực biết đây là “lẽ đương nhiên”. Sau này tôi đến Nhân Văn Hội Tụ ở Tiêu Sơn học, họ mấy lần nhờ tôi mua dùm bằng vẽ chữ, nhưng lại không hề đưa tiền, tôi lúc đó nghèo rớt mòng tơi, nhưng lại nhin ăn bớt mặc, đem tiền cúng dường Phật sự từng chút từng chút dành dụm ra, y lời mua dùm. Cứ thế về sau mẹ tôi biết được đau lòng vì tôi không thôi, tôi lại nhận rằng cho người phương tiện, cho người lợi dụng đều là “lẽ đương nhiên”.

Biệt ly quê hương bốn mươi năm sau, tôi mới liên lạc được với người nhà. Thân thích lúc ấy đều gởi thư đòi tôi gởi Mỹ kim cho họ xây nhà, tiếp theo lại bao nhiêu lần đòi tôi những vật dụng điện khí, mẹ tôi lấy tất cả, muốn tôi không cần phải bận tâm, mà tôi trước sau vẫn cho rằng, *cho người* là biểu thị sự giàu có của mình, là việc “đương nhiên”. Do đó, mỗi lần về Đại Lục, tôi không những mua đồ tặng bạn bè chí thân, ngay dù vị lão sư, bạn đồng tham, học sinh, người làng ít quan hệ với mình, tôi đều giúp đỡ biếu tặng.

Xuất gia học Phật, một lòng một dạ độ chúng lợi sanh, không nghĩ đến khoác cà-sa vào sự cang nhiều, rời Phật Học Viện Tiêu Sơn rời gia nhập hạnh đàn (杏壇) lại vô có bị bên này cho là đặc nhiệm của bên kia, lại bên kia cho là gián điệp của bên này, luôn luôn bị đến suu tra gạn hỏi, có một lần lại chẳng hiểu làm sao bắt ngồi tù, xem một tí bỏ mạng.

Năm 1949 đến Đài Loan, phút chốc lại bị giam cầm lâu đến hai mươi ba ngày, nạn lớn mà không chết, tuy còn sống sót lại vẫn bị liệt vào sổ đen, Tôi biết được lúc đó sanh nhằm đời loạn, một chút oan uổng ủy khúc này đều là “lẽ đương nhiên”, nhân đây hoàn toàn có thể tâm bình khí hòa. Chỉ có trong lòng cầu nguyện: Mong đời loạn lạc bất công bất bình này sớm có ngày qua đi. Tôi biết đây cũng là ý nguyện “đương nhiên” của mình.

Năm 1981, trước lúc quan hệ hai bên chưa được sáng sủa lắm, tôi ở tiệm cơm lớn Thái Bình Dương tại Nhật Bản, cùng mẹ già gặp lại lần đầu sau bốn mươi năm xa cách, bao nhiêu tình cảm biệt ly trong một sát-na đều trào lên tim, tôi đột nhiên cảm nhận rằng trên thế gian người với người, cho đến giữa nước này với nước khác, ân ân oán oán, tốt tốt xấu xấu, đều không phải là cái đối lập mà là cộng nghiệp của mọi người tạo thành, nếu như muốn cho thế giới được hòa bình an lạc vĩnh cửu, ắt cần phải dưới nguyên tắc hỗ tương bình đẳng, bao dung sự khác mình, mới có thể đạt thành, thậm chí quốc gia muốn làm được dân chủ tự do chân chính, cũng phải là ở dưới tiền đề người trong nước kia đây tôn trọng lẫn nhau, chiếu cố cả tình lẫn lý mới có thể thành công.

Sự buồn vui ly hợp do thời cuộc tạo thành, cố nhiên phải chịu, xem tình người ấm lạnh của thế gian lại đủ để khám phá tất cả. Lúc mới đến Đài Loan, y phục lam lũ, đói không no bụng, đã không người cho ở, cũng không người tán thưởng. Dù cho người khác gây cho tôi nhiều bất tiện, khiến tôi khó kham đến cùng cực, nhưng tôi đều xem nó là “lẽ đương nhiên”, vì họ với tôi chẳng phải thân, chẳng phải quen biết, không có lý do để họ để ý đến mình. Đó, tôi xưa nay cũng không hề ghi hận trong lòng. Một niệm “đương nhiên” tăng tiến công đức, kỳ thực đây cũng là việc tu hành trong sinh hoạt.

Năm 1952, hội Phật Giáo Trung Quốc tại Đài Loan họp lại. Lần đầu cử hành bầu cử, lúc ấy tôi hai mươi sáu tuổi, được tuyển làm Thường vụ lý sự, vì tôi cho rằng mình trẻ tuổi, chẳng đủ tư cách, được chọn không cho là “đương nhiên”, do đó tôi thẳng thắn quyết định từ chối, không để lại đặc tội với hệ phái ở đây. Về sau tôi cứ chẳng gặp thuận lợi hoài.

Năm 1965, Hội nghị Phật giáo thế giới phục vụ xã hội cử hành tại Việt Nam, tôi lại được kể là một trong những người được mời khai hội, theo đó lại tiếp đến hội Phật Giáo Trung Quốc ra thông tri mời hội nghị trong nước, tôi ngàn dặm xa xôi ngồi xe đêm từ Cao Hùng đến Đài Bắc, một lão pháp sư trông thấy tôi, lại nói:

- Nếu như ông đi thì tôi không đi.

Tôi chỉ biết đáp lại:

- Lão pháp sư, đương nhiên là Ngài đi.

Ngay lúc tôi xoay mình ra khỏi nghị trường, Ủy viên lập pháp là tiên sinh Mạc Đạm Vân chặn ngang cửa hỏi:

- Thầy lại trở về như thế ư?

Tôi đáp:

- Kỳ thực, đây là "lẽ đương nhiên".

Nói xong, tôi lập tức trở về Nam. Lúc đến Cao Hùng, đã là lúc muôn nhà lên đèn, đêm khuya vắng vẻ.

Đương nhiên! Đương nhiên! Đương nhiên cần có lực lượng gánh vác!

Năm 1978, Phật giáo đồ thế giới hữu nghị lần thứ 12, hội tại Đông Kinh, lúc mới họp, Nhật Bản tính bãi bỏ tư cách dự hội của đoàn Đại biểu Trung Hoa Dân Quốc, Hội Phật Giáo Trung Quốc xưa nay bài trừ cơ hội làm đại biểu đến dự của tôi, lần này là suy cử tôi dẫn phái đoàn đến Hội Phật Giáo Nhật Bản kháng nghị. Nhớ được lúc đó có mấy vị pháp sư Tịnh Tâm, Thánh Ấn và cư sĩ Ông Già Đông, Từ Huệ thì đi theo phụ trách phiên dịch. Sau một lần trò chuyện, bằng hữu Phật Giáo Hội Nhật Bản cuối cùng tiếp nhận ý kiến của tôi, vẫn mời đại biểu Phật Giáo Hội Trung Quốc đến dự. Tôi hoan hoan hỷ hỷ, không thẹn với sứ mạng, trở về Đài Bắc, không hề Phật Giáo Hội Trung Quốc cử một số pháp sư khác đi dự khai hội. Công lao khó nhọc của chúng tôi hoàn toàn không nói đến. Nhớ lúc ấy, pháp sư Thánh Ấn bực tức gọi điện thoại nói:

- Chúng ta ở tiền phương gian khổ đấu tranh, bọn họ lại ở hậu phương ngồi hưởng thành công!

Tôi an ủi ông:

- Đi dự khai hội kỳ thực rất cay đắng, không đi tốt nhất...

Năm 1980, Đại hội Hội viên hội Phật giáo đồ hữu nghị lần thứ 13, cử hành tại Chiêng Mai, Thái Lan. Pháp sư Thiên Định đại biểu Pháp quốc kiến nghị lên Tổng hội thế giới hội Phật giáo đồ hữu nghị thế giới, mời tôi với danh hiệu khách quý đến dự, nhưng lúc tôi xin xuất cảnh thì vị pháp sư Tịnh Lương ở hội Phật Giáo Trung Quốc đem công văn xếp lại không chuyển báo Bộ Nội Chính, nên đành chết trong trứng nước không đi được.

Những chuyện chịu thiệt thòi như thế có thể nói không phải một mà thôi, tôi toàn xem là nghịch tặc thượng duyên “lẽ đương nhiên” mà ngoài ra lúc hoàng pháp gặp những gian nan trắc trở lại không thể kê xiết, tôi cũng đều biết là thực tướng Ta-bà “lẽ đương nhiên”, do đó tôi không nhân đó mà hận đời chán tực, oán trời trách người, ngược lại lấy đây làm gương, rộng kết duyên lành, dựng lập cơ hội trước. Như nay, hội Phật giáo đồ hữu nghị thế giới, chẳng những từng trước sau tại chùa Tây Lai Mỹ Quốc và Phật Quang Sơn Đài Loan triệu tập Đại hội Hội viên lần thứ 16 và 18 mà lại còn tôn tôi làm Hội trưởng Danh dự. Năm gần đây, sự nghiệp Phật Quang ở Hội Phật Quang Quốc Tế khắp năm châu cũng đầy đủ nhân duyên, “đương nhiên” thành tựu. Do đó, đem tất cả xem là “lẽ đương nhiên” đều chẳng phải là sợ việc rút lui mà là ắt phải trước tiên nhận ra cùng thế gian này, hiểu rõ cách điều chỉnh hoàn cảnh về sau, theo ngay đó gánh vác, tự mình cải tạo làm nên, chỉ cần có thể vững trãi nhẫn nại, phấn đấu vươn lên, nhất định có thể siêu vượt phàm trần, được như ý muốn!

Đồ chúng thường hỏi tôi:

- Người đó xấu như vậy, Thầy vì sao lại muốn giúp hắn?

Vì tôi xưa nay biết rằng rộng rãi để đối với mình, nghiêm khắc để đối người không phải là lẽ đương nhiên. Trung hậu tha thứ mới là lẽ đương nhiên, chỉ cần người này đối với người khác có một chút tốt, ngay cho đối với tôi tình nghĩa bạc bẽo, tôi cũng nghĩ thành tựu cho hắn. Tôi nhớ lúc nhỏ, có một người tên là Giải Nhân Bảo ở gần nhà, từng hãm hại cha tôi phải ở tù, về sau một độ thất nghiệp, sanh hoạt sa sút, mẹ tôi lại chẳng nhớ hiềm cũ, khuyên tôi xin Ân sư kiếm việc cho anh ta, lúc đó trong lòng tôi không cho là đúng, nhưng vì mẹ sai không dám cãi, phải vâng lời mà làm. Đài Loan Quang Phục Hội thắng lợi, Tưởng Công (Tưởng Giới Thạch) dùng đức báo oán, khiến người Nhật Bản thoát khỏi khổ mắt nước diệt chủng. Tôi mới dần dần cảm nhận lấy lửa đẹp lửa, đồ nước nóng để ngừng sôi đều không phải là hành vi đương nhiên, từ bi hỷ xả mới là sự tu hành “lẽ đương nhiên” nhất, là tài sản quý báu nhất của người đời.

Cổ Huân có nói: “Hủ chi ấu chi, xuân hạ sở dĩ sanh dục dã, sương chi tuyết chi, thu đông sở dĩ thành thực dã”[1](*Nhờ tươi nhờ tốt, xuân hạ do đó nuôi sống vậy, nhờ tuyết nhờ sương, thu đông do đó mà chín muồi vậy*). Trong biển người chìm nổi, chịu khổ chịu nạn, oan uổng ủy khuất đều là “lẽ đương nhiên”, chỉ có kiên trì niềm tin, chúng ta mới có thể tùy cảnh ngộ mà an, tùy duyên sinh hoạt, tùy hỷ mà làm, tùy tâm mà ở, vì chính mình kiếm ra đường khai thông. Trên thế gian này, làm cho người hoan hỷ, cho người có lòng tin cũng đều là “lẽ đương nhiên”, chỉ có ôm chặt quyết tâm này, chúng ta mới có thể chẳng kể được mất, chẳng quản nhục vinh, hết sức ở mình làm chỗ đáng làm, tất cả đều “đương nhiên” vậy.

Kiểm Tra Tâm Của Mình

Nếu như không thường kiểm tra tâm mình, đâu thể chiến thắng những tâm ma tham, sân, si?

Do đó, kiểm tra tâm mình, thực tại là công khóa phải làm hằng ngày của chúng ta.

Tiền sinh Trần Lý An, Tiền giám sát viện trưởng là một Phật giáo đồ thuần thành, tôi từng ủng hộ ông ta tranh cử Tổng thống. Ông thường giảng Phật pháp trên đài tiếng Hán, chủ đề “Kiểm tra tâm của mình”. Câu này gây ấn tượng sâu sắc đối với tôi, vì tôi suốt đời ở ngay trong “kiểm tra tâm chính mình” mà có được vô hạn trưởng thành.

Người bây giờ mắc bệnh phải đến bệnh viện “kiểm tra” thân thể, nhà cửa dột nước phải kiểm người chống dột đến “kiểm tra”, xe hư phải đưa đến ga ra “kiểm tra”, cơ khí không chạy phải mời thợ cơ giới đến “kiểm tra”. Mục đích chủ yếu của “kiểm tra” là phát hiện bệnh ở chỗ nào, mới có thể cải tiến, đến như nội tâm của ta mắc bệnh đã nhiều, nếu không thường kiểm tra, sao có thể chiến thắng những tâm ma phiền não, tham, sân, ngu si, kiêu, mạn, tật đố...? Do đó, thường kiểm tra tâm mình, thực tại là công khóa phải làm hằng ngày của chúng ta.

Thường thường có một số học sinh đến tìm tôi, bày tỏ những phiền não của họ, tôi đều bảo:

- Trước hết con hãy kiểm tra tâm chính mình.

Đối phương lại nói:

- Người khác coi thường con, con kiểm tra tâm mình dùng làm gì?

Có đồ chúng cứ không cách nào ở yên, tôi cũng nói:

- Trước hết ông phải kiểm tra tâm của mình.

Họ trả lời:

- Thầy không bảo con hiểu rõ hoàn cảnh thế nào, biết người việc cho rõ ràng, lại bảo con kiểm tra tâm mình để làm gì?

Bọn họ không hiểu rằng cần phải kiểm tra tâm của mình, sẽ cho mình một cơ hội chấn chỉnh bản thân để có thể xử thế được trôi tròn. Nhưng vấn đề là thường thường người ta không chịu nhận lỗi, mà trên sự thật, lỗi lầm của người thì rất là nhiều, như ngu muội, thủ lợi, chấp trước, thành kiến, so đo... Chỉ vì không chịu kiểm tra tâm mình, do đó mới không cách nào an tâm. Đây thật giống như xe hơi, máy bay bản thân có vấn đề, mà anh không chịu kiểm tra vấn đề hiện có, không chịu sửa chữa chỗ hư, trên sự thật xe hơi "đề" không nổ, phi cơ cũng không cách gì bay lên trời được, anh lại làm gì được?

Gần đây nhất, có một đồ chúng thỉnh tôi chỉ dạy, vì anh ta ở phân viện đạo tràng khác làm việc không được, tâm lý rất khổ não, tôi bảo anh ta:

- Đây là vì con không “kiểm tra tâm của mình” do đó không hiểu rõ được vấn đề của mình, cũng không biết rõ mình sai chỗ nào, không biết rõ sự tận tình khuyên bảo của Thầy, đương nhiên sự hiểu rõ Phật pháp lại là việc bàn chải nổi.

Chúng ta nên tự hỏi mình một câu trước: “Chúng ta có hiểu rõ trong tâm mình có gì không?”. Phật giáo nói “Trong tâm có Phật”, nhưng Phật trong tâm anh có phát huy tác dụng không? Ngay lúc giặc trộm trong thân làm trái gây thù, anh có bắt được nó chẳng? Ngay lúc nước trong hồ tâm bắn thiu quá thể, anh có biện pháp làm sạch nó không? Ngay lúc ma quân tham sân si cướp bóc pháp tài trong tâm mình, anh có vũ khí giới định tuệ để chiến thắng chúng không? Ngay lúc khi vượn trong tâm nhảy nhót không dừng, anh có dây nhợ ngũ căn ngũ lực để trói chặt nó không? Sở dĩ các thiền sư trong quá khứ đã giảng “minh tâm kiến tánh” là rất có đạo lý, vì có tâm, tâm không sáng như gương bị phủ tro bụi, không thể nhìn rõ thực tướng; có Phật tánh, thấy không được Phật tánh, giống như vàng ròng chôn trong bùn cát, không cách gì làm chói mắt.

Năm 1953, tôi thành lập "Phật giáo ca vịnh" ở Nghi Lan, thường đem họ ra ngoài hoằng pháp, trong đó có một đội viên tốt nghiệp ở học viện Quốc Lập Âm Nhạc, thanh âm và khí chất của cô ta đều rất tốt. Có lần, cô ta không theo kế hoạch dự định thời hoằng pháp của tôi, đến giờ đổi một bài ca khác. Lúc đó tôi quá sức giận, lập tức hạ lệnh cho cô ta trở về. Nhưng đến tối lúc sắp đi ngủ, tôi “kiểm tra lại tâm mình”, lại thăm thăm tự trách, vì cô ta tuy chẳng giữ sự ràng buộc của đoàn đội, cố nhiên phải bị trách cứ, nhưng tôi cũng không nên chấp trước cứng cõi thái quá. Có nhiều sự tình, nếu như một hòa hai sai không nhiều, đây và kia có lúc có thể thay thế, không nhất định chấp một bỏ hai, phải thế này, không được thế kia; nếu không, không những làm cho người khác không có không gian cứu vãn, cũng khiến mình bị ép vào chỗ chết, thật là khổ làm sao!

Hơn ba mươi năm trước, tôi thiết lập tinh xá Phổ Môn ở Tân Bắc, có một tín đồ phát tâm, đem theo một bé gái học Ấu trĩ viện, đến nấu cơm giúp tôi. Một hôm, cô ta đi mua thức ăn, vừa ra khỏi cửa không lâu, con gái nhỏ của cô ta khóc “oa, oa” lên, có đến một hai phút. Mắt thấy một ngôi Phật đường yên tĩnh nghiêm bị tiếng khóc của nó phá vỡ, tôi cảm gậy đến làm bộ đánh nó, một mặt mắng: “Mày dám khóc há!” Nó lập tức nín ngay, mở to mắt nhìn tôi, làm tôi ngược lại bất an. Tôi ngay đó “kiểm tra tâm mình”, nghĩ đến nó tuổi còn nhỏ, thấy mẹ nó bỏ nó mà đi, khóc là vũ khí duy nhất để kêu đòi, mà tôi là người lớn lại dùng uy thế của cây gậy để áp bức nó, nói gì đi nữa cũng không đúng. Do đó về sau, ngay lúc tôi gặp tình huống tương tự, bèn biết dùng tâm khoan dung mà nhìn sự khóc lóc ồn náo, dùng lời lẽ an ủi vỗ về thay thế trách mắng.

Hơn ba mươi năm trước, lúc mới xây dựng Phật Quang Sơn, thâm nhận nhiều Sa-di, họ mười phần nghịch ngợm phá phách, thầy giáo ai cũng đau đầu đau óc, tôi cũng từng nghĩ dùng phương thức nghiêm phạt, nhưng nghĩ lại chính mình lúc làm Sa-di, chẳng lẽ lại không nghịch ngợm phá phách sao? Chỉ là giáo dục từng lâm lúc ấy lấy vô lý đối lại hữu lý, cứ dùng đánh mắng để áp chế tâm lười biếng chậm chạp của học Tăng, tuy nói những việc ấy có thể thành tựu đạo nghiệp của tôi, nhưng có bao nhiêu người được như thế? Từ xưa đến nay, tâm trẻ con rất cuộc là ngây thơ hồn nhiên, mà hiện tại thời đại không đồng, tôi chẳng thể dùng tâm “con dâu nhiều năm chịu đựng thành bà gia” để đối đãi người khác. Sau khi “kiểm tra tâm mình” rồi, tôi chẳng những hiểu rõ tâm tình của Sa-di hơn các thầy khác, để tùy thuận dung thông. Ngay cho là học sinh đã lớn phạm lỗi, chỉ cần không phải lỗi lầm ác độc ngược với tình lý thái quá, tôi đều có thể dùng sự rộng lượng bao dung mà tiếp nhận, sau đó mới giáo dục bằng cách từ từ dạy dỗ khéo cho bọn họ.

Lúc chùa Tây Lai ở Mỹ sắp khánh thành, tôi từ Đài Loan xa xôi qua tham gia, thấy bọn đệ tử ào ào như ong hớn hờ đi ăn "pi-za", "han-bao" trong lòng rất bức bối, do đó đã nghiêm minh cấm chỉ trong một lần đồ chúng họp hội nghị, nhưng nghe nói lại có người lén mua ăn, tôi biết đây là tôi không đúng, vì ở nước Mỹ, làm sao có thể không ăn thức ăn của Mỹ? Về sau, có một lần tôi đến Mỹ hoàng pháp, trước khi lên đường, đồ chúng Nghi Lan cúng tôi một hộp sữa đậu hũ tự chế, tôi mang theo nó đến Mỹ, mỗi lần khi mời khách, bèn cầm ra làm món ăn dặm, kết quả vèo một cái hết trơn, so với mấy món ăn tinh tế ngon lành đặc biệt trên bàn lại được hoan nghênh hơn. Tôi bắt đầu kiểm tra tâm mình, nghĩ lại mình ở Nghi Lan mấy mươi năm, cũng chẳng hoan hỷ những món dưa cải, bánh mì, bánh cam, bánh mì nướng..., về sau mắc bệnh tiểu đường, biết rõ không thể ăn ngọt, và dưa muối quá mặn, nhưng có lúc lại cứ theo đó ăn. Hiện tại đồ chúng đến quốc gia Âu Mỹ, thích thú những món ăn kiểu Tây, cũng chẳng phải là việc đáng trách lắm, hà tất phải đòi hỏi nghiêm khắc như thế? Qua lần chuyên niệm này, sau chỉ cần không phải là tham ăn quá phẫn lắm, tôi đều lờ đi giả vờ không thấy. Về sau khi khai hội ở Mỹ, tôi lại đem "pi-za", "han-bao" làm món điếm tâm chiêu đãi nhân sĩ dự hội, mọi người mừng rỡ nói tôi rất thông đạt sự lý nhân tình, kỳ thực đây đều là cảm tưởng do một phen “kiểm tra lại tâm mình”, đem tâm so sánh tâm mà được.

Đối với một số người đem món ăn chay chế giống như món mặn, tôi cũng từng có lần rất khó chịu, cho rằng ăn chay là để nuôi lớn tâm từ bi, nếu như đem tâm lý ăn mặn để ăn chay, thì không tốt ráo. Do đó tôi mỗi lần trông thấy trên bàn có gà chay, vịt chay, cá chay, thịt chay, thịt quay chay, cá lóc chay... đều một mực không ăn. Nhưng có một hôm, tôi thấy tín đồ có vẻ ưa ăn không thôi, đột nhiên nghĩ ra: Người mới vào cửa Phật, trong nhất thời không cách gì sửa trừ tập khí cũ, do đó có nhu yếu này. Chỉ cần trong tâm của chính mình không có gà vịt, thịt cá là tốt rồi, hà tất phải chán ghét ư? Có một lần tôi tiếp bác sĩ Kim, người kiểm tra Bồi Nhĩ Tường đến Đài Trung thăm Chủ tịch tỉnh Lâm Dương Cảnh. Lâm chủ tịch đặc biệt bày một bàn tiệc đãi bác sĩ Kim. Tôi cũng có hai dãy thức ăn chay trên cùng bàn. Nếu như tôi cứ kiên dè cự tuyệt, thì là bày tỏ trong lòng có “thịt” rồi, không phải đã phạm lỗi “năm mươi bước cười một trăm bước” sao? Sau khi “kiểm tra tâm mình”, tôi phát giác: Cái mà vốn cho là thanh tịnh, kỳ thực là cái không cứu cánh; cái mà vốn cho là nhiệm ô, lại chính là phương tiện độ chúng. Chỗ nói “mạt sát làm mất bệnh, mạt vàng cũng làm mất bệnh; mây đen che mặt trời, mây trắng cũng che mặt trời”. Nhân duyên thuận nghịch đều là Phật đạo, sự lý thiện ác dùng nó thì được pháp, khả dĩ thành phương tiện độ sanh, tôi phải dùng ánh mắt siêu việt hơn để đối xử thế gian này.

Hơn hai mươi năm trước, Vương tiên sinh xưa nay công tác ở Công ty Điện lực ở Nghi Lan, sau khi đến Phật Quang Sơn, cảm thấy sinh hoạt tốt đẹp của đời sống ở chùa, do đó muốn cô gái thiên kim vừa tốt nghiệp đại học của ông cũng đến phục vụ Dục Áu Viện Đại Từ trên núi. Vương tiểu thư lúc vừa mới đến, đột nhiên chuyển đổi một hoàn cảnh dậy sớm, ăn chay khác hẳn, hoàn toàn cảm thấy không quen. Chẳng bao lâu, bèn thưa với cha mẹ định đi làm ngoài xã hội. Cha mẹ cô ta lại khuyên răn hết lời: “Xã hội giống như địa ngục, ngàn vạn chớ nên đi!”. Cô ta chạy tìm tôi nói rằng:

- Sư phụ! Dù cho xã hội là địa ngục, cha mẹ cũng nên để con đi xem!

Tôi đem tâm mình suy, nghĩ lúc mình còn nhỏ, cũng chẳng hướng về sinh hoạt tự do tự chủ đó sao? Do đó lập tức xin vợ chồng Vương tiên sinh giùm cô ta, nhờ cậy họ cho con gái làm việc trên xã hội. Về sau, tôi thấy cô Vương tiểu thư vui vẻ khi sống trong xã hội, thậm chí cảm nhận rằng một người chỉ có kiểm tra lại chính tâm mình, mới có thể hiểu rõ người khác.

Tôi từ nhỏ đã trải qua cuộc sống thanh bần, mới đến Đài Loan không có một đồng một chữ, nhưng tôi vẫn nhận là chính mình có thể chịu đói chịu khổ, chứ nhất định không để đám thanh niên theo mình ra ngoài giảng pháp cũng cùng chịu khổ. Mỗi lần mua một vật gì quá mắc, tôi định trả giá, rồi tự nghĩ: Người bán hàng cực khổ kiếm tiền, cũng vì nuôi sống gia đình, nếu như ai cũng định trả giá, bảo họ bớt một chút, thì sinh hoạt của họ nhờ vào đâu? Như thế sau khi kiểm tra tâm của mình, tôi chẳng những rất hoan hỷ đưa tiền, mà còn nếu như đối phương bán thức ăn chay, giày dép Tăng hoặc sách vở văn vật Phật giáo, tôi đều chủ động trả thêm tiền để họ lời nhiều một chút, hy vọng kiểu này có thể khích lệ nhiều người đến cung ứng vật phẩm Phật giáo, cũng vì Phật giáo đồ mà mang đến nhiều phương tiện hơn.

Lúc đầu tiên mời người khác đến giúp tôi làm việc thường thường vì làm không được hoàn mỹ, tự mình lại phải thu thập cho thỏa đáng, lấy làm khổ não; nhưng về sau tôi nghĩ: Người ta không phải mới một lần bắt đầu mà có thể vai gánh vật một trăm cân, với lại mỗi người có chỗ sở trường không đồng, việc gì nếu như đòi hỏi hoàn mỹ thái quá, chỉ là luống tự làm khổ não mình, khổ não người. Tôi sao chẳng từ công tác đơn giản lúc đầu giao phó nhiệm vụ, một mặt tăng gia lòng tin của đối phương, một mặt quán sát năng lực của họ? Tôi giữ gìn lý niệm này, chẳng những huấn luyện được nhiều người làm công quả, mà lại có không ít người theo tôi đi vào hàng ngũ hoằng pháp lợi sanh. Đến nay tôi rất may mắn là chính mình có thể có tập quán kịp thời “kiểm tra nội tâm”.

Nhiều năm về sau, chụp hình đối với tôi mà nói hoàn toàn là một việc khổ sai, vì bất kể nơi nào lúc nào, hàng tín đồ chỉ cần trông thấy tôi, là xúm xít chạy đến, yêu cầu chụp hình chung, người này chụp xong, lại có người khác đến lấp vào chỗ trống, thật chẳng dễ cùng họ chụp xong, lại phải cùng cha mẹ họ chụp chung, sau đó cùng vợ con họ chụp chung, tám này qua tám nọ, chụp hoài chụp hũy. Lúc ban đầu tuy nghĩ đến nhu yếu của đồ chúng, tôi thậm nhẫn chẳng nói, nhưng trong lòng rất miễn cưỡng. Sau này, lúc tôi cùng với các giới lãnh tụ họp mặt. Thấy đồ chúng tranh nhau chụp hình với chúng tôi, lại từng người cùng với các danh nhân quốc tế này chụp chung, tôi chẳng khỏi sanh lòng hổ thẹn, nghĩ đến trên thế giới này chẳng phải chỉ có một mình cá nhân tôi nhẫn nại chụp hình, tôi lại tính làm gì? Sau khi kiểm tra tâm mình, tôi chẳng những vui vẻ cho phép người khác chụp hình chung, có lúc lại vì họ chọn vị trí, định khoảng cách, mỗi lần thấy mọi người có vẻ mặt vui tươi, tôi cũng đồng cảm mà hân hoan.

Quá khứ, mỗi năm đến ngày sinh nhật, tôi đều nổi giận một cách không hiểu nổi, xong việc thường thường buồn bực, vì sao mà lại như thế chứ? Rồi tôi đi xem xét sự kiện này nhận cho rõ ràng, mới biết là vì xem thấy việc đồ chúng vì tôi, vất hết tim óc, nhọc thầy động chúng, khiến người thêm rất nhiều phiền phức, trong lòng rất băn khoăn. Tâm niệm vì tế này nếu không tử tế phản tỉnh, rất khó biết đến. Một hôm, tôi đột nhiên có chỗ ngộ: Tôi không thích người khác vì tôi thế này, vì tôi thế nọ, là cách nghĩ của riêng tôi. Nhưng đồ chúng rất thích vì tôi bận rộn, tôi hà tất cứ chấp vào nguyên tắc của mình, để người buồn khổ? “Tâm của mình” trải qua một phen “kiểm tra” rồi, bèn có thể xử lý viên dung. Như ngày sinh nhật thứ 60, tôi mời tín đồ sáu mươi tuổi đến núi, để mọi người đồng hưởng pháp lạc, tăng trưởng phước thọ, tự biết rất có ý nghĩa. Năm ngoài, khi mừng sinh nhật 72 tuổi, tôi chẳng những đem “Phật Quang Thái Căn Đàm” mới viết tặng cho những người đến chúc mừng, mà còn đem bao đồ chuyên tặng Đại Học Phật Quang, thay mọi người tạo công đức ban thưởng học sinh, càng cảm thọ lạc thú sanh mạng kéo dài bất tận.

Tôi từ nhỏ rất chú trọng oai nghi của chính mình, cho đến hiện tại, đi đứng nằm ngồi vẫn cố thể giữ gìn đầu ngẩng ngực ưỡn. Chỉ là tùy theo tuổi tác già cả, lại thêm mỡ năm lần, bước đi có hơi chậm chạp, kỳ thực tôi lại có thể lên xuống thang lầu. Nhưng mỗi lần đến đâu hoàng pháp, tín đồ hề trông thấy tôi, đều hoan hỷ đến nâng dất, khiến tôi chẳng được tự tại, nhất là đại đa số chẳng biết chỗ quan trọng. Mỗi lần tôi xuống lầu, họ lại nâng cánh tay của tôi lên cao, khiến tôi phải ra sức thêm; mỗi lần tôi lên lầu, họ thiếu điều muốn khiêng tôi lên, khiến tôi càng thêm khổ sở. Chẳng qua nghĩ đến tín đồ xem tôi là trưởng bối, người trên, thậm chí có người còn gọi tôi là “ông già”, để cho họ diu nâng một chút, trong lòng họ rất vui vẻ mà tôi cũng chẳng mất mát gì, do đó chẳng kể nhục thể cảm giác thế nào, đối với lòng lành ý tốt của họ, tôi đều biểu lộ sự cảm tạ từ nội tâm. Theo lối “kiểm tra tâm mình” như thế, tôi thăm thăm thế hội trên thế gian không có sự tình nào vui vẻ hay không vui vẻ, có thể đem cái vui vẻ của người khác làm sự vui vẻ của chính mình, để mọi người đều có thể rất hoan hỷ, không phải là rất tốt sao?

Tôi thường một mặt viết thơ, sửa bài, một mặt tai nghe mời dạy, một mặt phê công văn, một mặt trả lời vấn đề, ngay cho khi nghỉ dạy hay đi trên đường, cũng đều là có người vây quanh hỏi cái này, cái nọ. Tóm lại, mỗi ngày chỉ cần tôi mở mắt ra, là phải thân tâm toàn phó vũ trang, sáu căn cùng dùng, dần dần năm tháng chẳng đợi người, đối với loại công tác trùng điệp này cảm thấy phiền phức chẳng an. Mỗi khi định đưa ra kiến nghị lại nghĩ đến mình quá khứ bất kể ngoại cảnh rồi ren thế nào, cũng đều an nhiên tiếp nhận, vì sao tuổi càng lớn, lại tu dưỡng sai đi? Mỗi lần “kiểm tra tâm mình” rồi, đối với đồ chúng rất có thể bao dung. Nhân đây một nhọc thế nào cũng lại có thể phát sanh lực lượng vô bờ. Do đó có thể thấy tâm linh như nhà máy phát điện, vĩnh viễn có nguồn năng lượng bắn ra không cùng.

Tôi mỗi ngày không ngừng “kiểm tra tâm mình”, từ đó phát hiện một nguyên tắc xử sự quý báu: “Bạn đúng tôi sai, bạn lớn tôi nhỏ, bạn vui tôi khổ, bạn có tôi không”. Nhiều năm qua tôi đem bí quyết này cùng chúng chung sống, không ngờ lại được bác sĩ Triệu Ninh khắc bên phải ghế ngồi. Tháng 12 năm ngoái (1998) tôi chủ trì buổi giảng Phật học tại Quốc Phụ Kỷ Niệm Quán, gồm ba ngày. Mỗi ngày đều mời các nhân sĩ nổi tiếng trên xã hội đến cùng giảng “Phật Quang Thái Căn Đam”, có bác sĩ Triệu Ninh nổi tiếng “danh chủ” (miệng lưỡi sắc bén) cũng là một trong số khách quý nhận lời mời. Ông lấy đây làm đề tài, thuyết một đoạn kinh nghiệm của chính mình, khiến người cảm động:

Có một hôm, bác sĩ Triệu vừa diễn giảng xong, đi ra khỏi hội trường chuẩn bị lái xe về nhà, kết quả một chiếc xe taxi xông ra đụng vào xe ông, rõ ràng là tài xế này chính mình đã sai rồi, lại còn há miệng mắng lớn:

- Ông muốn chết hả?

Bác sĩ Triệu cũng trả lời:

- Anh mới muốn chết!

Tài xế nói liền:

- Ông ra đây!

Bác sĩ Triệu nói:

- Ra thì ra!

Đương lúc họ tức tối mở cửa xe định bước ra thì học sinh Cao Trung từ hội trường bước ra, thấy bộ dạng vung kiếm dương cung của họ liền há hốc miệng thất kinh. Bác sĩ Triệu lập tức “kiểm tra tâm của mình” tự nhủ thầm: “Vừa rồi mi vừa ở trên đài giảng phải làm sao xử lý quan hệ với người, tại sao hiện tại gặp sự tình này lại có bộ dạng khác?” Rồi lập tức đổi thái độ, cúi đầu nói với người tài xế:

- Xin lỗi! Tôi làm rồi! Tôi sai rồi!

Người tài xế nghe xong, trước tiên ngạc nhiên, rồi đổi thái độ khiêm tốn, đưa hai tay ra nắm chặt ông, nói:

- Tôi chẳng tốt! Tôi mới chẳng tốt!

Một trường can qua sùng sục chực phát bèn chuyển thành hữu nghị kiêu ngọc ngà tơ lụa.

Trên lịch sử, vì có thể “kiểm tra tâm mình” mà trong một niệm chuyển hóa cảnh giới, thậm chí thành then chốt thắng bại là chuyện không thể kể xiết. Như Đại tướng Liêm Pha nước Triệu vì có thể “kiểm tra tâm của mình”, chuyển tâm công cao ngã mạn thành khiêm hư, nhún nhường hướng về Tề tướng Lạn Tương Như mang gai chịu tội, từ đây chẳng những mở hết hiềm hận cũ, mà nước Triệu do sự hòa hợp của hai người, đồng mưu việc nước mà thành cường quốc đương thời. Đại phu Trâu Kỵ nước Tề chẳng những có thể “kiểm tra tâm mình”, không mê hoặc bởi lời xiêm mị dâm tà của thê thiếp và khách đến thăm, lại lấy đây để can ngăn Tề Tuyên Vương:

- Thần thực tại không đẹp bằng Từ Công, nhưng vợ thần yêu thần, tỳ thiếp thần sợ thần, khách của thần có việc nhờ thần, đều nói thần đẹp như Từ Công. Hiện tại, đất nước Tề rộng ngàn dặm, có 120 thành, phụ nữ trong cung cùng những người tả hữu thân cận ai cũng yêu vua, quan trong triều đình ai cũng sợ vua, người trong nước ai cũng mong cầu ở vua. Xem kiêu này, vua bị che mờ rất sâu rồi!

Tề Tuyên Vương nghe xong, cũng lập tức “kiểm tra tâm của mình”, liền hạ lệnh:

- Hễ ai có thể can gián lỗi lầm của Hoàng đế, bất kể triều thần hay bình dân đều được trọng thưởng.

Sau đó, mỗi ngày trong cung vua đầy ắp người can gián. Sau mấy tháng, người can ngăn giảm dần. Sau một năm, lỗi lầm sửa chữa không còn sai nhiều, lại cũng chẳng có người nào đến can, mà nước Tề từ đây thành một bá chủ trong thời đại Xuân Thu Chiến Quốc.

Phật giáo rất coi trọng công phu tâm địa, kinh nói: “Vì trị tất cả tâm, nên nói tất cả pháp; nếu không tất cả tâm, đâu cần tất cả pháp?”. Cổ Đức cũng nói: “Trăm ngàn pháp môn, chẳng lìa nguồn tâm”. Giống như Tứ niệm trụ, Chỉ quán song tu... mà cửa Phật đã nói, đâu cũng đều muốn chúng ta tùy thời tùy chỗ “kiểm tra tâm của mình”. Phương pháp gốc thẳng nguồn trong này, chẳng biết

hóa độ bao nhiêu người, nhưng ví dụ nổi bật nhất như Châu Lợi Bàn Đặc ngu muội chóng quên, nhờ “phủ bụi quét rác” mà kiểm tra tâm mình, cuối cùng chứng ngộ quả A-la-hán, Ương-quật-ma-la giết người vô số muốn đuổi theo giết Phật, mà không cách nào theo kịp, ngay khi nghe Phật nói một câu “Ta đã dừng lại rồi, còn ngươi chẳng dừng”. Ông ta lập tức “kiểm tra tâm mình”, liền sụp lạy dưới chân Phật sám hối lỗi trước. Từ đó thế gian bớt được một ma vương giết người, trong cửa Phật lại nhiều thêm một bậc long tượng độ chúng. Có thể thấy “kiểm tra tâm mình” là trọng yếu biết bao nhiêu! Nhất là đang lúc vinh quang đến, nếu không thể “kiểm tra tâm mình” thì tường cao ngã mạn sẽ ngăn mất tầm nhìn của chính mình. Ngay lúc phiền não xảy đến, nếu như không thể “kiểm tra tâm mình”, lửa bùng của sân giận sẽ đốt tiêu công đức của chính mình. Ngay lúc ngoại cảnh rối ren, nếu như không thể “kiểm tra tâm mình”, nước lũ tham dục sẽ làm chìm đắm ý chí của chính mình. Ngay lúc được mất lo lắng, nếu như không thể “kiểm tra tâm mình”, gió tà nghi kỵ sẽ thổi sụp lý trí của chính mình. Do đó, giờ giờ khắc khắc chúng ta đều phải cần cù tận tụy “kiểm tra tâm mình”, mới có thể thấu rõ nhân duyên, cân nhắc khinh trọng, biết chỗ lấy bỏ, lợi mình lợi người.

Muốn Làm Gì Phải Giống Như Thế

“Cuộc đời như sân khấu”.

Tùy theo sự biến đổi của vũ đài thời gian không gian, tùy duyên hờn nhiên, tự có thể gánh tất cả trách nhiệm trọng đại.

Tuổi nhỏ xuất gia rồi, thường nghe các bậc Sư trưởng răn nhắc mọi người: “Làm Hòa thượng thì phải giống Hòa thượng. Các ông không nên vạch đất tự giới hạn mình, muốn làm cái gì phải giống cái đó mới tốt!” Tôi nghe xong về sau, ghi khắc vào tâm, sau này câu “Làm Hòa thượng phải giống Hòa thượng” “Làm cái gì cần giống cái đó” phát huy công dụng rất lớn trong suốt một đời tôi.

Nhớ lúc đó gặp đúng thời kỳ chiến tranh chống Nhật, dân sinh thiếu thốn, kinh tế chùa chiền nghèo xơ xác, thường thường nước đã nấu sôi mà chẳng thấy có gạo bỏ vào nồi. Lúc ấy tôi chỉ là một chú Sa-di nhỏ, thấy thường trụ gặp khó khăn như thế, bèn lợi dụng thời gian ngoài giờ học, lên núi hái trái không hoa (nhuộm vải được), một mặt tăng thêm thu nhập của thường trụ, một mặt có thể giúp thường trụ đi tuần xem chừng rừng núi, để phòng ngừa mấy chú tiểu nhỏ ăn trộm cây. Mấy năm sau, tôi vâng lời thầy đến chùa Định Tuệ ở Tiêu Sơn học Phật Học Viện, nhưng mỗi lần gặp kỳ nghỉ, tôi nhất định mau mau chạy về núi Thê Hà. Lúc nghỉ hè, quả không hoa đua nhau kết trái, tôi y như xưa mỗi ngày sáng đi chiều về, hái xuống cúng cho thường trụ. Thời kỳ khô hạn, thấy chúng trong chùa nước uống và giặt giũ bất tiện, tôi cũng tự động đến bờ sông gánh nước, mỗi lần đi về mất hết một hai giờ. Lúc nghỉ lạnh, năm mới âm lịch sắp đến, tôi lại cầm chổi quét sạch sân chùa, một mình từ sáng đến chiều, lau chùi cửa kính suốt một tháng trời. Vào mùa Xuân, tôi lại bận rộn giúp thường trụ tiếp khách hành hương, tuy một ngày trôi qua, thường thường mệt đừ đừ, nhưng tôi thường nghĩ: Chính mình xuất gia tại núi Thê Hà, núi Thê Hà chính là của mình, mình phải giống “một đệ tử xuất gia của núi Thê Hà”.

Thời thanh thiếu niên, tôi sinh hoạt trong tùng lâm mười năm, trong đó sáu năm làm hành đường, hai năm ty thủy, một năm rưỡi hương đăng lại kiêm giữ chức quản lý viên Đồ Thư Quán, hội trưởng Hội Tự Trị. Mỗi khi Đông đến, hành đường rất cay đắng, hai tay ngâm trong nước lạnh cóng rửa mấy trăm bát đĩa, da lòng bàn tay, lưng bàn tay chỗ nào cũng nứt nẻ, ngay thịt màu đỏ bên trong cũng thấy rõ mòn một. Lúc đó không biết mang bao tay, bôi dầu. Ngày hôm sau lại công tác như thường, giống như từ xưa tới giờ chưa biết khổ sở vì vết thương, chỉ biết “làm một vị Tăng khổ hạnh phải giống hình dáng của một Tăng khổ hạnh”, lao nhọc cũng mặc, oán trách cũng mặc, cứ khiêm hư học tập.

Thở bé vì gia cảnh bần hàn, không được giáo dục tốt đẹp, do đó rất quý tiếc cơ hội có sách để đọc. Vì muốn “làm một học sinh tốt”, tôi tự động tự phát, tự mình học tập. Ban ngày bận ruộng vườn, thời gian đọc sách rất ít, tôi lợi dụng thời gian vụn vặt còn thừa khi chỉnh lý sách vở ở Đồ Thư Quán mà ôn tập công khóa và xem thêm một ít sách ngoài khóa. Ngoài ra, mỗi tháng tôi lại tự đốc xúc mình biên một bản “Vườn đất của tôi”, trong đó có luận văn, giảng tòa, thơ mới, tản văn, báo cáo tâm đắc, cảm tưởng sinh hoạt... Tuy chỉ có một mình tôi xem, nhưng từ đó từng điểm từng giọt đặt cơ sở cho tôi ngày sau lúc biên tập tạp chí, viết tản văn cho đến lúc hoằng pháp Phật

giáo, tiếp dẫn chúng sanh đều có thể dễ dàng, thực tại là việc trước lo chưa tới. Kinh nói: “Mỗi một trần hiện ra tất cả pháp, xoay chuyển vô ngại trang nghiêm khắp cả”. Lại nói: “Phật Thích-ca Mâu-ni gọi là Tỳ-lô-giá-na, khắp tất cả chỗ”. Tôi do đích thân vào trong thực tiễn nên càng thêm tin “tất cả các pháp đều là Phật pháp”, chỉ cần chịu phát tâm tối thượng, luôn luôn nghĩ đến chính mình “Làm cái gì cần phải giống thế ấy”. Chỗ đem lại lợi ích thực tại là vô lượng vô biên.

Lúc đó trời chiều không có đèn điện, thường trụ cũng không cho chúng tôi dùng dầu phụng đốt đèn, vì dầu dùng để ăn hằng ngày không đủ sử dụng, đâu có dư để chúng trong chùa đốt đèn xem sách. Tôi mỗi chiều đều lễ Phật tọa thiền qua đêm dài dằng dặc, mỗi lúc tâm tánh giải đãi, tự mình quán chiếu, nghĩ đến các bậc Cổ đức trong truyện Cao Tăng, tinh thần gian khổ chiến đấu, chẳng khỏi tự thẹn sự tội tệ của mình. Vì muốn cho chính mình lại “giống một hành giả cửa Phật”, tôi ở trong đêm tối muôn vật lặng lẽ, dưới ánh đèn yếu ớt trước Phật, chích máu viết kinh, chấm từng giọt máu tươi bồi dưỡng tín tâm đạo niệm của mình đối với Phật pháp. Ngoài ra, tôi cũng giữ giới tịnh khẩu, và nếm thử qua sự tu trì không ăn quá ngọt. Trừ việc ngồi thiền lễ Phật hằng ngày ra, hề nghe có tổ chức thiền tu, Phật thất, tôi cũng đều cực lực tranh thủ tham gia, trong đó từng có qua cảnh ngộ quên mình. Bao nhiêu năm nay, tôi không kể là chủ trì thiền thất, Phật thất, hoặc là chỉ đạo đại chúng tu trì, đều được trôi chảy thuận tiện, không ngót cảm tạ câu “làm cái gì phải giống cái đó” của Lão sư, khiến tôi làm được công tác tự lợi lợi tha.

Tăng lữ Phật giáo ắt phải đủ ba đao sáu chùy, khổ tu trong bốn mươi tám đơn, tôi đều là ở tại khóa tu sớm chiều, trong lao động làm việc mà dũa mài huân tập, diệu đế của Phật pháp thì ở tại đi, đứng, nằm, ngồi hằng ngày, một điểm một giọt ngay trong thực tiễn có chỗ thể ngộ. Trong sinh hoạt tham học bận rộn, tôi một lòng một dạ yêu cầu chính mình “làm được giống một người xuất gia”, do đó bình thường đối với tất cả sự xếp đặt của thường trụ, tôi đều hoan hỷ theo chúng, rồi rảnh thì hành mật hạnh kèm vào. Theo kiểu này tư tưởng của tôi dần dần tịnh hóa, đáng đáp người xuất gia tự nhiên hiển hiện ra. Thẳng đến ngày nay, tôi thường dạy dỗ đồ chúng ý niệm “không thâu đồ chúng riêng, không chứa vàng bạc riêng, không dựng đạo tràng riêng, không giao thiệp với tín đồ riêng, không tự quyên góp riêng, không nhờ giúp đỡ riêng, không tạo sản nghiệp riêng, không lo ăn uống riêng”, kỳ thực đều bắt nguồn từ pháp tác được thể nghiệm “muốn làm một người xuất gia” được học tập trong cửa Phật ngày còn bé.

Giáo dục của tông lâm ngày trước mười phần nghiêm ngặt, lúc bước đi trông mắt phải nhìn phía trước khoảng bảy thước (khoảng hơn hai mét), chẳng được ngoái hai bên, không được ngược mặt, cúi đầu, chạy, đi mau. Lúc đứng phải có tướng đứng, hai tay buông xuống, nắm tay ngang ngực, phải biết vị trí của mình đứng. Lúc ngồi xuống, chỉ được ngồi nửa ghé, xương sống tự nhiên thẳng đứng, hai vai ngang nhau, phần dưới phải xếp lại. Lúc ngủ, phải nằm thế cát tường nghiêng bên phải. Lúc ra ngoài, mặc áo phải chỉnh tề, ra khỏi phòng nhất định phải mặc áo tràng, ra khỏi chùa phải mặc hải thanh (nhật bình), không được bịt khăn, đội mũ. Nếu oai nghi có chút sai sót, ngôn hạnh có chút không đúng pháp, sẽ ăn gậy giận hết của Sư trưởng ngay, mà oan uổng ủy khuất lại là việc thường có. Nhưng tôi xưa nay chưa từng thối chí nản lòng, cũng chưa từng cãi lại, ôm hận. Vì tôi trước sau đều biết rằng Lão sư từ bi chỉ dạy, làm một người hậu học hạng con em, phải nên “giống một người hậu học, con em” đem thân cung kính, lấy lòng hàm ân để tiếp nhận tất cả lời chỉ bảo răn nhắc. Chính vì thế, các lão sư rất vui lòng dạy tôi, tôi vốn không thông minh, ở dưới trăm rèn ngàn luyện, rõ ràng tiến bộ mau chóng.

Nhớ lại lúc ban đầu, sở dĩ tôi cạo tóc xuất gia lúc còn ấu trĩ là vì hồi nhỏ ở quê nhà thấy được pháp tướng oai nghi khoan thai của Đại hòa thượng, do đó thầm phát nguyện có ngày cũng khoác được Tăng bào, để người khác nói rằng tôi giống một Đại hòa thượng trang nghiêm. Về sau quả là nguyện chân thật không phát sưng. Sau khi đi tu, nhớ mãi lời thề này, và thường lấy câu “ngôn tuyết hư phù, hành tuyết danh lợi” của đại sư Huyền Trang khắc vào bên phải tòa của mình.

Sáu mươi năm nay, tôi không hề mặc quần đùi, áo ngắn mà ra ngoài, tôi không hề mặc áo lớn mà chạy, không hề nói chuyện huyền thuyên với người ở quán cà-phê, không hề cầm dù lúc trời mưa trút nước, thậm chí lúc động đất dữ dội, đất đá rơi lở trước mặt, cũng đều có thể trấn tĩnh niệm Phật, không kinh không sợ... Những cử chỉ này đều không phải là làm bộ làm tịch, mà là trải qua nhiều năm tháng giữ mãi niệm ban đầu ngày đó – “Làm được giống như một Hòa thượng”, nuôi dưỡng thành thói quen.

Năm 1988, Tây Lai Tự vừa mới khánh thành, đồ chúng vì hiếu kỳ, ào ào phóng xe đến tiệm Phi Tát đờ ăn Phi-tát (Pizza) tôi nghe nói cấm chỉ, không phải Phi-tát không được ăn mà là thân làm một người xuất gia, ở nơi công cộng chạy động đều chẳng phải chỗ thích hợp.

Như nay có nhiều người khen tôi đầy đủ oai nghi, bất kể nơi nào, lúc nào cử chỉ cũng đúng pháp. Tôi nghe mấy lời này, trừ việc cảm niệm đạo phong nghiêm nhặt của Phật môn ngày đó ra, còn muốn cảm tạ Lão sư đã ban cho một câu nói vàng ngọc: “Làm cái gì cần giống cái đó”.

Từ lúc ra khỏi Phật Học Viện, thường trụ phái tôi đến làm Hiệu trưởng một trường Tiểu học Quốc Dân gần chùa Bạch Tháp ở tổ đình Nghi Hưng. Điều này đối với một người xưa nay chưa hề có kinh nghiệm xã hội như tôi mà nói, là một kinh nghiệm hoàn toàn mới mẻ. Vì muốn “Làm được giống một vị Hiệu trưởng”, tôi thu góp rất nhiều sách vở về phương diện giáo dục và hành chánh, nghiên cứu tới lui. Địa phương dưới làng kinh phí không đủ, thầy trò thiếu thốn, tôi lại được kiêm nhiệm làm thầy dạy mấy lớp. Để làm được thầy giáo Quốc tiêu, để bọn học trò nhỏ được giáo dục tốt đẹp, tôi trước tiên suy nghĩ kế hoạch, lại có thể đạt được khóa trình của một người đồng một lúc dạy dỗ mấy lớp, mà bọn trẻ con đều có thể an tĩnh vào lớp không ồn náo. Lần rèn luyện này khiến tôi vốn rụt rè hướng nội, tăng thêm không ít lòng tin. Kinh nói: “Tất cả pháp lành, lấy đức làm gốc”, ý nguyện “Làm cái gì phải giống cái đó”, vô hình trung trở thành một động lực mạnh mẽ, đưa tôi từng bước tiến đến trước.

Về sau tôi cùng với những pháp sư đồng học như Trí Dũng... đến Nam Kinh tiếp quản chùa Hoa Tạng, định thử phát triển hoài bão đổi mới Phật giáo. Lúc đó người đó ký hiệp hạn cố nhiên là có, nhưng người ngậm hoan hỷ cũng không ít. Họ gọi chúng tôi là một nhóm Tăng Thanh niên hữu vi. Tôi nghe được lập tức tự nhủ phải làm được “như một Tăng thanh niên”. Nhân đây chúng tôi vẫn bảo trì thái độ lạc quan tiến thủ, vì đạo hy sinh không hề luyến tiếc, hùng dũng tiến lên. Một chút thể nghiệm này vô hình trung nuôi lớn đảm lượng và kiến thức của tôi, khiến tôi ngày sau ở chỗ nguy không loạn, gặp hiểm vẫn yên.

Năm 1949, tôi xuống thuyền ở Cơ Long, Đài Loan rồi dần dà đến Trung Lịch, Tân Trúc, sau dừng ở chùa Lô Âm tại Nghi Lan giảng kinh, vì muốn “làm giống vị Thầy giảng đạo”, tôi bắt đầu suy tư làm thế nào để dùng sự hiền lý, đem lý nói sự. Tôi luôn luôn tìm hiểu sự cao thấp, mau chậm của âm điệu, thái độ ung dung thích đáng, tôi thường kiểm thảo sự giơ tay cất chân của chính

mình, xem phong độ nghi biểu có từ bi trang trọng hay không. Như nay tôi đi diễn giảng khắp nơi, có thể nói rất dễ dàng, thông thạo, nghĩ lại phải quy công cho những nỗ lực cần cù nhiều năm.

Ngay lúc còn sức lực, tôi bắt đầu thực thi tâm nguyện “bồi tài an Tăng” lúc trẻ. Vào năm 1965, dựng chùa Thọ Sơn ở Cao Hùng và mở Phật Học Viện. Không bao lâu, vì học sinh ngày càng đông, trường lớp không đủ sử dụng, tôi lại kiếm thêm một khu đất đầy rừng tre gai ở làng Đại Thọ lập Phật Quang Sơn, đem Phật Học Viện dời về đây. Tôi một thân một mình vừa làm trụ trì, giám công vừa làm hiệu trưởng, giáo sư, sư phụ... Để đóng tốt vai trò, tôi có thể nói là hết sức khổ tâm, nhất là học sinh từ chốn bụi trần muôn trượng đến đạo tràng thanh tịnh, tất nhiên có rất nhiều vấn đề trên thân tâm phải điều hòa thích hợp. Nhân đây ngoài lúc đắp đất, gánh đá, chuyên gói, khuôn gạch, tôi tự phát thảo một sổ tay giáo dục, xác định phương châm và quy ước sinh hoạt. Tôi đòi hỏi Giáo vụ xử tăng cường giáo tài, mời thỉnh bậc danh sư, thúc đẩy giao lưu giữa học sinh và thầy giáo. Tôi yêu cầu Phụ đạo xử dùng khích lệ thay thế trách phạt, dùng hướng dẫn thay thế cấm chỉ mà chính tôi cũng thường khuyến dụ, điều hòa, để cho mọi người đều có thể trong lúc tu đạo được vui vẻ, ở trong sinh hoạt có pháp lạc. Sau này đệ tử theo tôi xuất gia lần lượt tăng, hễ người biết đọc sách, tôi để họ tiếp tục đào sâu; người biết sắp đặt việc, tôi để họ thi thố sự tài giỏi xếp đặt; người biết giáo hóa, tôi chỉ dạy họ làm sao hoằng pháp bố thí giáo lý; người biết tu trì, tôi chế tạo cơ duyên để họ chuyên tâm tu trì. Nhìn đồ chúng ai cũng được chỗ thích hợp, an tâm tu hành, có thể nói là niềm an ủi lớn nhất đời tôi.

Theo sau sự thành lập đoàn Triều Sơn, danh tiếng Phật Quang Sơn vang xa, tín đồ và khách hành hương ngày càng tăng. Thường thường nghe đệ tử thông báo có khách đến thăm, tôi lập tức theo đường núi quanh co gập ghềnh, từ công trường bước mau đến khách đường. Như thế một ngày mấy lượt, thật là gặp được khách thì mồ hôi đã đầm lưng, y phục lại chẳng kịp thay, chỉ có mặc nó ướt rồi lại khô, khô rồi lại ướt. Vì muốn “làm một người xứng với chức trụ trì kiêm tri khách”, tôi lợi dụng lúc đi đường, trong óc việc trước tiên đối với mỗi địa phương, mỗi thời gian, mỗi một đường hẻm, mỗi một quá trình và phân đoạn đều có một phen kế hoạch toàn bộ. Đến lúc gặp mặt, tôi cũng nhiều cách tìm hiểu tâm lý người đến, thuận theo nhu yếu của họ, mong cho mọi người đều được vừa lòng, cảm nhận tràn trề pháp hỷ.

Mấy mươi năm nay, tôi chưa từng để bụng học qua cách giảng dạy, công trình, tri khách, diễn tòa... nhưng tôi đều ôm thái độ “làm cái gì phải giống cái đó”, bên làm bên học, từ trong sai lầm điều chỉnh bước chân, từ trong mất tai thấy nghe hấp thụ phương pháp chính xác. Năm tháng dằng dặc, xuân đi đông lại, tôi chạy trên con đường nhân sinh càng được thêm đầy đủ tự tại.

Bốn mươi năm tìm kiếm, cuối cùng tôi và mẹ đã liên lạc tin tức, chẳng những tôi vì bà mua một tinh xá ở Vũ Hoa Đài tại Nam Kinh để bà ở yên, lại thỉnh bốn bà già suốt ngày đánh bài với bà. Hễ là người đối với mẹ tốt, tôi ít nhiều đều trên vật chất, trên tiền bạc biếu xén lại. Tôi mời mẹ đến Nhật Bản, Mỹ Quốc, Hương Cảng, Đài Loan... để đồ chúng thấy mặt kết duyên, thậm chí tại Phật Quang Sơn, tôi mời bà nói chuyện trên đại hội trước đồ chúng, bà nói với một vạn đồ chúng:

- Tôi công hiến cho mọi người (các vị) lễ vật là con của tôi.

Nhưng ở chỗ riêng, lúc tôi mỗi lần sớm thăm tối viếng bà, bà đều bảo tôi:

- Ông ở trên đài giảng cho cả ngàn muôn người; nhưng dưới đài, cần nghe lời một mình tôi.

Đích xác, ngay đến lúc bỏ báo thân vãng sanh, chẳng kể tôi tuổi tác bao nhiêu, tôi vẫn nỗ lực “làm như một đứa con nhỏ”.

Năm 1988, ngay lúc hai bờ eo biển vì danh xưng đại biểu Vận Động Hội mà tranh chấp không thôi thì tôi lại đứng đụp tổ chức hội hữu nghị Phật giáo đồ thế giới lần thứ 16, muốn làm cho giống một nước chủ nhà, để mọi người đều vui vẻ, tôi ngày đêm toan tính, vì hội Phật giáo cả hai bờ mà đặt tên cho khéo léo: “Trung Quốc Bắc Kinh – Bắc Kinh Trung Quốc” khiến cho đoàn thể Phật giáo song phương phá kỷ lục cùng ngồi trong một nhà hội nghị. Tám mươi mấy đoàn thể đại biểu đến từ hơn ba mươi quốc gia đều đồng ý rằng: “Đây so với cách thức ở thế vận hội Olympic lại có đủ ý nghĩa hơn”. Vì duyên lành lần này, hiệp hội Phật giáo Trung Quốc, cư sĩ Triệu Phác Sơ mời thỉnh tôi đến thăm Trung Quốc đại lục, khiến sự giao lưu giữa hai bờ tiến thêm một bước lớn.

Gần mười năm nay, tôi vẫn du thăm viếng các nơi trên thế giới để hoằng pháp lợi sanh, vì muốn “làm giống một người địa cầu ô m cả thế giới”, tôi nhập cảnh tùy tục, mỗi lần đến đâu đều là thăm hỏi dân tình phong tục, và học tập một ít ngôn ngữ địa phương, đi đường, một tiếng “How are you?” đều có thể giành được nụ cười thiện cảm của đối phương. Đứng trên đài, một câu “こんにちは” (kon ni chi wa) thường thường được người nghe vỗ tay vui vẻ.

Kinh Kim Cang nói: Người cần buông hết chấp trước, trừ khử bốn tướng. Chỉ có vô tướng mới có thể như hư không, không đâu chẳng hiện tượng, đạt đến cảnh giới chân không sanh diệt hữu. Cổ đức cũng nói: “Quân tử bất khí”. Chỉ cái “bất khí” này sở dĩ có thể tùy duyên nhập vận, vai gánh tất cả trách nhiệm trọng đại.

Thăm viếng các nơi trên thế giới, những người không phải Phật tử cũng vui vẻ hỏi tôi làm sao mà có thể được cảm ứng. Tôi biết rằng “làm cái gì, giống cái đó” chính là một loại cảm ứng. Kinh A-Hàm ghi: Đức Phật ở cõi trời Đạo Lợi giảng kinh ba tháng, lúc trở về thế giới Ta-bà, tượng Phật làm bằng gỗ tử đàn do vua Ưu Điền tạo cũng tự nhiên rời khỏi tòa đi đến đón tiếp đức Phật. Đây là vì tượng Phật do lòng thành kính khắc chạm rất sinh động, giống hình dáng và tinh thần của Phật-đà như đúc”, do đó có thể có cảm ứng khó được như thế. Người biết diễn tuồng, bất kể là người tốt, người xấu, trung thần, gian thần... đều có thể đóng vai một cách xuất sắc, như Nghi Minh, Kim Siêu Quần diễn Bao Công, đều nhân vì diễn được “giống”, do đó được sự hưởng ứng nồng nhiệt của người xem. Đây không phải là một loại cảm ứng sao? Có người nói “cuộc đời như sân khấu”. Quả thật như thế, chúng ta cũng phải tùy sự biến đổi trên vũ đài không gian thời gian mà “làm cái gì giống cái đó”, cần thiết chớ vì sự không tròn trách nhiệm của mình mà làm hư hết bầu không khí của sân khấu, để mình người đều áo não thở than.

Nhẫn Nhục là Lực Lượng

Năm 1954, tôi được 27 tuổi, lúc mới soạn viết Truyện Ký Phật Đà, đọc đến đoạn: “Người có thể nhẫn nhục đáng gọi là bậc đại nhân hữu lực. Nếu người không thể vui chịu hủy báng, chê bai, mắng chửi như uống nước cam lồ thì không thể gọi là người trí tuệ vào đạo”, trong lòng tôi cảm xúc sâu xa. Tôi nhìn lại những năm tháng lưu ly điên đảo, tự xét nếu không nương vào nhẫn nhục làm thuyền bè, làm sao có thể vượt qua thời gian liên miên khổ nạn? Tôi lại mở to mắt nhìn xã hội nhiều biến động phức tạp ở vị lai, sự sinh hoạt nhân ngã, đúng sai, tự biết mình cần nhẫn nhục cả trăm thứ này mới đủ để ứng phó muôn nạn.

Từ đây, tôi giờ giờ phút phút dùng nhẫn nhục làm tiêu chuẩn đẹp để xử sự với người. Hôm nay, đã sau nhiều năm, nhìn lại việc cũ, tôi thăm thẳm cảm nhận: Nhẫn nhục thật là lực lượng mạnh mẽ nhất của thế giới.

Nhẫn nhục không phải là khiếp đảm

Tôi xuất thân từ Tô Bắc nghèo nàn, năm 12 tuổi xuất gia. Cảnh bản hàn thích hợp cho mình gắng chí. Tánh khắc khổ chịu nhọc của tôi đều được hun đúc từ lúc này.

Năm 30 tuổi tôi dời về Đài Loan. Trong lúc loạn lạc, vô ý đánh mất hành lý, không còn gì trong thân, chừa chiến lúc ấy lại không nhận người ngoài tình đến. Tôi chỉ đành phiêu bạt khắp nơi, nuốt gió nằm sương qua ngày.

Nhớ lại đã từng đi trong mưa gió bão bùng, té xuống rãnh nước bị cuốn trôi cả đống, cũng đã từng đi dưới trời nắng cháy, mồ hôi ướt đầm lưng, da đầu nổi nhọt. Cuối cùng lận đận từ Đài Nam đến Đài Trung, nhờ ơn tiên sinh Lâm Cẩm Đông ở chùa Bảo Giác đã cho tôi tá túc ít ngày.

Về sau tôi lại dần dà đến chùa Lôi Âm ở Nghi Lan hoằng pháp hơn mười năm. Thời gian đó kinh tế của tôi rất quần bách. Nhiều người muốn nhận làm mẹ con, anh em, quyến thuộc với tôi, thậm chí có người còn mong tôi kế thừa gia nghiệp, tài sản nhưng tôi hoàn toàn nghiêm trang cự tuyệt. Trong khi đó, tôi lại được tin có những đồng đạo, vì sinh hoạt khó khăn đã ùn ùn tìm cách kiếm đường thoát ra.

Nếu như tôi lúc đó không thể nhịn đói, chịu nghèo, há không phải cũng bị lưu chuyển theo đời hay sao? Lại làm sao có thể gánh vác việc phát triển hoằng pháp lợi sanh ngày sau? Do đó, nhẫn nhục không phải là khiếp đảm, mà là lúc đối diện với sự sống còn, vinh nhục, khen chê lại có thể đủ sức phát dũng khí vô bờ giữ vững lý tưởng của mình.

Tôi còn nhớ mười năm tham học ở tùng lâm, để phục vụ đại chúng, ngoài giờ lao động bình thường, tôi tự nguyện làm điện tọa nấu cơm sáu năm, gánh nước nấu trà một năm rưỡi. Lúc mới đến Đài Loan, để đáp ơn tự viện đã cho ở, ngoài lúc lên lớp ra, tôi phát tâm làm mọi việc khổ dịch, mỗi ngày xách sáu thùng nước giếng, quét sạch lá rụng mấy giờ liền, cả ở ngoài nước, cầu tiêu. Mỗi ngày lại kéo xe hơn mười dặm đến chợ, mua dầu, mua củi, gạo cho hơn tám mươi chúng. Tuy tôi không rành ngôn ngữ ở đó, nhưng nhờ công tác siêng năng mau lẹ, nên được cảm tình của

đại chúng. Nhưng có ai biết đâu, tôi thường vì sức khỏe kém mà bị nôn oẹ hoài, luôn luôn sau cơn trời xoay đất chuyển, tôi lại lặng lẽ nghiêng chặt răng, tiếp tục việc làm dang dở.

Về sau, khi dùng văn tự Bát-nhã ra hoàng dương Phật pháp, tôi bắt đầu rút hết ruột gan, viết lách suốt đêm. Năm 1953, tôi hòa nhập vào xã hội, thuyết pháp độ sanh. Để chuẩn bị lời lẽ, tôi đã phí bao tâm sức hết năm này qua năm khác, có lúc suốt đêm chẳng ngủ. Lúc mới xây dựng Phật Quang Sơn, tôi lại phải chiến đấu ngày đêm với sơn băng, hồng thủy.

Gần mười năm trời, tôi như ngựa không dừng vó, giảng kinh độ chúng khắp trong và ngoài nước, cất chùa, an Tăng, hằng năm thi đua từng giây từng phút với thời gian có hạn. Mấy mươi năm qua, không lúc nào không trong nhẫn nhục bận rộn, nhẫn nhục bôn ba, nhẫn nhục lao nhọc, nhẫn nhục mỗi mệ mà vượt qua. Nhưng tôi không cho là cay đắng, bởi vì nhẫn nhục là muốn tích cực khai mở nhân sinh, sáng tạo tiến trình to lớn và xa xôi của Phật giáo.

Nhẫn nhục là gánh vác

“Anh hùng chỉ sợ bệnh đến mài!”

Tôi đem thân mình làm chứng, nhưng cũng có mấy phen kinh nghiệm đau ốm khiến tôi khổ không thể tả. Lúc tham học từng lâm mười năm trời, tôi từng bị nổi nhọt, sốt rét. Tuy khổ sở khó chịu chết đi được, tôi vẫn chưa hề tìm thầy trị bệnh, vì chính đã đem “sắc thân quay về thường trụ, tánh mạng giao phó long thiên”, chỉ biết dùng niềm tin và thời gian trị liệu. Chẳng biết là nhờ chư Phật Bồ-tát gia bị hay do sức nhẫn nhục đem đến, mà tôi đều lành bệnh không cần thuốc men.

Ngoài ra, cảm mạo, đau răng, đau mắt, đau đầu đều coi như không. Do đó, suốt năm gặp cảm mạo tái phát nặng nề, đau bệnh nghiêm trọng, tôi cũng quen nhẫn chịu tiếp tục hoàng pháp, viết lách, thường thường đến khi công tác hoàn thành thì tôi cũng phát giác ra mình đã lành bệnh tự bao giờ.

Mấy năm gần đây, tinh lực của tôi không còn như trước. Bệnh tiểu đường, huyết áp cao, đau mắt, đau đầu theo nhau đến, tứ chi, ngũ căn cũng ngày càng suy yếu, thoái hóa, cũng may mà đầu óc vẫn trong sáng như thường, nên vẫn vân du mọi nơi, hoàng pháp lợi sanh không dứt. Kinh nghiệm của nhiều năm qua khiến tôi thâm cảm nhận bệnh khổ của xác thân chưa phải là thật khổ. Chỉ cần chúng ta chịu nhẫn nhục thì tự nhiên có đủ sức gánh vác tất cả bệnh khổ. Nếu ngay lúc bệnh không biết mình bệnh, lúc khổ không thấy mình khổ, thì tự biết lực lượng nhẫn nhục có thể ứng phó được tất cả.

Nhẫn nhục thành tự đại khí

Thời trước, sự giáo dục từng lâm ở Đại lục rất có truyền thống. Lúc lắng nghe bậc trưởng lão khai thị, phải chấp tay, nếu được chỉ dạy đến mấy tiếng đồng hồ, thì lúc buông tay ra, cánh tay đã cứng đờ không nhúc nhích nổi. Thời kỳ huấn luyện nghiêm khắc nhất phải kể là lúc thọ giới, chúng tôi phải quỳ trên lớp đá lờm chờm năm sáu tiếng đồng hồ. Lúc đứng lên, đá đã găm sâu vào thịt, hai chân đau buốt. Thầy kiểm soát tay cầm cành dương, như bóng theo hình sát sau lưng chúng tôi, có động tác nào không đúng tiêu chuẩn là ăn đòn liền, thử hỏi người học ngày nay có thể chịu nổi lối giáo dục nghiêm khắc như thế không? Lúc bình thường cũng bị đánh chửi, gậy hét hoài nhưng chưa hề nghe ai oán trách kêu than.

Còn nhớ, có lần tôi thưa với vị gia sư rằng có vị giáo sư ở học viện thúc giục tôi đi học trường Giáo Dục Quốc Lập. Gia sư nghe xong mắng:

- Đồ hỗn xược! Sao lại đi học ngoài đời?

Và tát cho tôi hai bạt tai tóe lửa. Sau đó, khi nghĩ đến việc học trường ngoài, hiện nay có rất nhiều thanh niên công cao ngã mạn, hiếu động phản kháng, thật khiến cho tôi nặng lòng. Bọn họ làm sao ở thời đại lớn có thể đối mặt với mọi khiêu chiến được? Muốn thành bậc đại khí, trong sự sinh hoạt trước tiên cần phải học nhẫn nhục: “Muốn thành bậc long tượng trong cửa Phật, trước hãy làm trâu ngựa cho chúng sanh”. Đối với nghịch cảnh, trước nhìn ở miệng, đó là hạ nhẫn; rồi nhìn ở mặt, đó là trung nhẫn, nếu như có thể gặp việc gì cũng không động tâm, đó mới là thượng nhẫn.

Nhẫn nhục Không phải là rút rè

Lúc mới vào Phật Học Viện, tôi đã không rành chữ Phạn, lại không thông hiểu kinh văn, do đó thường chịu sự kỳ thị của bạn đồng học. Thậm chí thầy dạy cũng nghĩ là tôi không thể học nổi. Thường thường lúc xếp bảng làm Phật sự thấy có tên, mà đến lúc làm bị bôi mất. Làm văn bị thầy giáo phê bình chẳng chỗ nào đúng, nếu may có làm được bài hay thì lại bị nghi ngờ là sao chép của ai. Một vị chức sự thậm chí nói ngay với mọi người nếu tôi làm được thì mặt trời mọc ở phương Tây.

Những oan uổng ủy khúc khác không thể đếm xuể, nhưng tôi luôn biết rằng tất cả việc này đều là lẽ đương nhiên, không cần suy tính gì nữa. Những việc này xảy ra đã lâu, hiện giờ đâu có ai biết!

Lúc vừa đến Đài Loan hoàng pháp, do vì Phật giáo chưa phổ biến, lại thêm tôi là dân ngoài tỉnh, nên thường có người không ưa, cứ chỉ chỉ, điểm điểm, thậm chí còn ngăn trở một vài cơ hội tốt. Cũng có người cố ý quấy nhiễu sự thuyết pháp, họ kéo đông người đến cầm gậy, trùng trợn làm dữ. Đối với sự đối xử khác biệt này, đối với sự quấy nhiễu hiểu lầm này, tôi xưa nay chưa hề oán hận, chỉ một lòng một dạ làm tròn bổn phận người xuất gia. Dùng hành động để chứng minh lòng thành thật của mình, lấy tĩnh lặng để đáp lại loạn động. Do đó nhẫn nhục không phải là co rút rút rè, mà là dùng tâm bình thường để đối đãi với cảnh bất bình của nhân gian.

Nhẫn nhục Không phải là bất lực

Thê xác bị đói lạnh, gân cốt bị lao khổ, có thể dùng ý chí khắc phục. Những ủy khúc trong lòng, bị người khác hiểu lầm có thể dùng tâm bình thường đối trị. Thông thường điều khó nhẫn nhất là danh dự vô cớ bị thương tổn, bị người cố ý mạ sát. Nhưng trong mấy chục năm qua, những việc này, tôi hoàn toàn đã gặp đủ. Lúc còn ở Đại lục, bên kia bảo tôi là đặc vụ của bên này, muốn giết tôi. Sang đến Đài Loan, bên này lại bảo tôi gián điệp của bên kia, muốn xử bắn tôi.

Thời kỳ mới hoàng pháp, do tôi sáng lập khá nhiều hoạt động Phật giáo mới mà bị xã hội hiểu lầm, đồng môn phê bình, lúc thì bị những tội danh đáng bị chặt đầu, đưa vào chỗ chết. Nhưng tôi chẳng vội vã tranh cãi, chỉ đem hết khả năng làm việc đáng làm.

Lúc trẻ, tôi nhân vì Phật giáo mà nói năng mạnh mẽ, nhiều lần bị các nhân sĩ phê bình là phần tử dị đoan. Về sau, do vì quan viên trong các giới quân, công, thương tìm tôi thưa hỏi về Phật pháp, tôi lại bị nhóm “Tân Văn Môi Thể” gán là thả câu với chính trị. Toàn là những lời đá kích rất tổn thương, nhưng tôi chẳng để ý, chỉ đạm bạc đối xử, lặng thinh mà đáp. Quả nhiên, sự thật phát triển chứng minh lý niệm chính xác của tôi... Thời gian đổi thay cũng lại cho tôi rõ ràng công đạo.

Do đó nhẫn nhục không phải là nhu nhược, bắt lực, mà là đối diện với hủy báng chê bai, lại có thể chọn điều thiện để giữ vững, không oán không hờ.

Nhẫn nhục vì lợi người

Có người thấy tôi thường vân du hoằng pháp, đi hành khước ở những kinh đô nổi tiếng, những thành phố lớn, vui thích muôn phần. Kỳ thực sự cay đắng cá nhân ít ai biết đến.

Tôi thường chỉ vì một buổi diễn thuyết, phải chạy trên đường cao tốc suốt một đêm. Vì một câu nhận lời, phải bay trên trời hơn mười giờ. Gần mười năm nay, lời mời hoằng pháp không ngừng. Thường thường do hành trình gấp gáp, mồ hôi ướt đầm y áo mà thay chẳng kịp, đành phải mặc y phục ướt rồi lại khô, khô rồi lại ướt. Độ ẩm của bản thân cũng theo hơi lạnh, luồng nóng ở trong nhà, ngoài nhà mà chột lạnh, chột nóng.

Chạy một lượt ở hải ngoại, đến thăm năm, sáu nước là việc thường. Có lúc từ nhiệt đới đến hàn đới, có lúc chạy một vòng địa cầu. Thuyền xe vất vả cố nhiên là cực khổ; phải thích ứng với thời gian sai biệt, khí hậu, phong thổ, nhân tình bất đồng lại còn khó khăn hơn. Khi tôi đến thăm Tân Đê Ly – Ấn Độ lần đầu tiên, khí trời quá nóng nực, tối đến ngủ không được, tôi đành nằm bò trên đất viết nhật ký. Quyển “Hải Thuyền Du Tung” được hoàn thành theo lối này.

Ba năm, vào tháng bảy, tôi lại đến thăm Ấn Độ lần thứ bảy. Đến vùng Lạp-đát-khắc ở phía Bắc, tôi biết rõ mắc bệnh “núi cao” đủ để chí mạng, nhưng tôi cố chịu đau đầu, sưng mặt và hít thở khó khăn, ráng chủ trì pháp hội, thăm viếng khách khứa kéo dài cả tuần lễ. Kinh nghiệm này không phải chỉ xảy ra một lần, nhưng tôi lại vui không thấy mệt. Bởi vì nhẫn nhục có lúc không phải chỉ vì chính mình, mà còn vì lợi ích người khác. Tôi tự xét Bồ-tát phát tâm xả thân để thành tựu lòng nhân, quên mình để giữ nghĩa. Sự hy sinh nhỏ nhoi của tôi thực là ít ỏi có gì đáng nói.

Nhẫn nhục Hóa giải oán hận

Chịu nghèo, chịu đói, chịu bệnh, chịu khổ, chịu nhục, chịu đánh, chịu chửi lại còn dễ dàng, chỉ việc nhẫn mà thôi. Còn khó tiêu trừ nhất là nhẫn hận tranh chấp.

Nhớ lúc tôi tám, chín tuổi, quê tôi thiếu nước, dân làng chen lấn giành nước không có lối ra. Ông hàng xóm họ Giải té chết ngay máy nước trước nhà tôi. Con ông ta là Giải Nhân Bảo đến gây sự, nói bướng là nhà tôi làm cha y chết, đòi nhà tôi phải lo tiền chôn cất. Người cha đôn hậu thật thà của tôi liền bị quan phủ bắt giữ. Sau may nhờ Giải Nhân Bảo không dám ra pháp đình thẩm xét nên cha tôi mới vô tội, được thả. Tai ách vô vọng tuy đã kết thúc, nhưng tâm linh bé nhỏ của tôi không cách gì dẹp được nỗi oán hận. Đến lúc xuất gia rồi, nghe nói Giải Nhân Bảo thất nghiệp, không có cách sinh sống, tôi lại trắc ẩn, bèn dẹp oán hận, xin ân sư giới thiệu công việc cho anh ta, giải quyết vấn đề sinh sống cho cả nhà anh ta.

Năm 1937, chiến tranh xâm lược Trung Quốc của Nhật bộc phát, Hà Sơn đẹp đẽ bị gót sắt của quân Nhật Bản chà đạp trở thành tan nát khó kham, vườn nhà êm ấm của tôi làm môi cho ngọn lửa. Cha tôi đi buôn bị mất tích giữa đường. Căn cứ theo sự điều tra có lẽ ông đã bị hy sinh dưới mũi súng của quân Nhật.

Lúc mười một tuổi, tôi theo người mẹ góa bụa tìm cha khắp nơi, đi đâu cũng thấy ngôi bẽ, tường sập, cây chết đầy rừng, càng làm đậm thêm ý thức thù Nhật trong lòng tôi. Đến khi thành nhân, tôi tuy có cơ hội đến Nhật mấy lần, nhưng rút cuộc vì thù nhà hận nước chẳng đội trời chung mà dứt khoát hủy bỏ.

Năm 1973, vì chính phủ một lần nữa mời tôi xúc tiến việc giao lưu văn hóa giữa hai nước Hoa – Nhật, tôi nhận chịu nỗi thống khổ trong lòng bao năm, ra nhận chức Hội trưởng “Hội xúc tiến quan hệ Phật giáo Hoa – Nhật”. Rút cuộc, oan gia nên cõi, không nên buộc. Lịch sử quá khứ cố nhiên không cho xóa hết, nhưng cứ tìm xét mãi chỉ khiến hận thêm sâu. Tôi chỉ ghi nhớ lời giáo huấn đã chiêm nghiệm trước để ngăn ngừa chút đỉnh, trên căn bản là xúc tiến việc cởi mở hai bên, hợp tác hỗ trợ. Đây mới là đường lối lâu dài, an ổn.

Anh thấy chẳng? Bức tường giữa Đông và Tây Đức dựng đã lâu, nay họ đã giao lưu với nhau. Các nước Âu Châu cũng nhận nhịp trừ bỏ thành kiến quá khứ, thiết lập thị trường chung, cùng nỗ lực gắng sức. Thậm chí giữa hai bên nhiều năm cừ hận, cũng nhờ một ý nghĩ của các ông lãnh đạo mà hóa giải được.

Nhẫn nhục thật là sự rộng lượng bao dung tôn quý nhất trong trời đất. Nhẫn nhục thật là động lực hòa bình vĩ đại nhất trong vũ trụ.

Nhẫn nhục là từ bi

Trong và ngoài nước, tín chúng của tôi có đến trăm vạn người. Ở Phật Quang Sơn, đệ tử xuất gia của tôi cũng không dưới ngàn người. Bọn họ đối với tôi cố nhiên cung kính hiếu thuận. Tôi cũng dâng hiến cho họ biết bao tinh lực, tâm huyết. Việc lớn chẳng nêu làm gì, chỉ nói việc nhỏ: Tôi chịu đựng tính cách sai khác của họ, chịu khó khéo léo dẫn dụ từ từ. Tôi chịu đựng việc làm tùy hứng của họ, chịu khó ôn tồn dạy dỗ. Tôi chịu đựng ý kiến bất đồng của họ, chịu khó theo đó điều hòa. Tôi chịu đựng sự không giữ giờ giấc của họ, chịu khó đợi chờ...

Nhẫn nhục là một lực lượng, là một loại từ bi, là một thứ trí tuệ, lại là một nghệ thuật. Do tôi chịu đựng, chịu khó mới có thể thu phục họ đến cửa Phật phục vụ đại chúng.

Con nít lấy kêu khóc làm sức mạnh, nhưng một mai đã khóc rồi, hơi sức cũng hết. Phụ nữ lấy vẻ đẹp làm sức mạnh, nhưng một mai vẻ đẹp ra đi, khí thế cũng tiêu mất. Người lỗ mãng lấy nắm tay làm sức mạnh, nhưng một mai xuôi tay rồi, chính khí cũng tan nát. Chỉ có người hành Bồ-tát, họ lấy nhẫn nhục làm sức mạnh, lấy từ bi làm sức mạnh, làm được việc khó làm, nhẫn được việc khó nhẫn, do đó có thể vỗ tay nên kêu, bài trừ muôn khó, thành tựu công nghiệp vĩ đại, phước nước lợi dân, hữu ích chúng sanh.

Nhẫn nhục Vô sanh pháp nhẫn tối thượng

Tuy nói tôi một mực chịu nhẫn nhục, nhưng nhớ lại cũng có lúc không nhịn được. Ví dụ như lúc tôi đang diễn giảng ở trên đài, trông thấy bên dưới có ghế trống mà người phía sau lại không có ghế ngồi, tôi lại ngại ngừng bất nhẫn. Lúc biết người khác bị xâm phạm, tôi cũng phần hận đê ngực. Khi đệ tử làm tàng với khách khiến người không vui, tôi cũng tới chỉ trích. Thấy nghe việc tốt không tức khắc tham dự, tôi cũng đứng ngồi chẳng yên.

Tôi cho rằng nén hơi, nuốt tiếng, nhân nhượng, dung bậy để được không biến đổi, chẳng phải là đạo nhẫn nhục. Nhẫn nhục chân chính phải là đảm đương việc nhân, không nhượng bộ, chiếu cố toàn thể đại cuộc, mưu cầu phước lợi cho mọi người.

Tôi năm nay đã gần bảy mươi tuổi, tự thẹn là trên nhẫn nhục không ngừng học tập, đột phá trong lúc sinh hoạt. Đối với ba cảnh giới nhẫn mà Phật dạy, tôi thể hội khá nhiều. Tôi cho rằng:

- * “Sanh nhẫn” là vì sự sống còn cần phải gom sức chịu đựng với người.
- * “Pháp nhẫn” là ở tâm cảnh chuyển tư tưởng, dùng Phật pháp để sanh trí tuệ.
- * “Vô sanh pháp nhẫn” là tùy duyên, tùy chỗ rộng xét tất cả sự vật vốn ở cảnh giới tự tại không sanh diệt.

Nếu có đủ “sanh nhẫn” thì đầy đủ dũng khí đối diện cuộc sống. Có đủ “pháp nhẫn” thì đầy đủ lực lượng diệt trừ phiền não. Có đủ “vô sanh pháp nhẫn” thì nơi nơi, chốn chốn không đâu không là thể giới Đào nguyên, Tịnh độ, tự do tự tại.

ĐỂ NGƯỜI LỢI DỤNG MỚI CÓ GIÁ TRỊ

Năm 1965, lão sư Đường Nhất Huyền gần tám mươi tuổi bảo tôi rằng: “Để người lợi dụng mới có giá trị”. Nói như thế khác hẳn với thể tục, đã nói hết được lòng tôi bao nhiêu năm nay, không còn ngờ gì nữa. Tôi dẫn ra để làm tri âm...

Mấy năm mới đến Đài Loan, tôi không có chỗ ở nhất định, nhân đó thường tùy hỷ giúp đỡ người khác. Có người thích học, tôi dạy giúp; có người làm báo, tôi biên tập giúp; có người giảng kinh, tôi kêu gọi thỉnh chúng đến nghe; có người xây chùa, tôi hóa duyên phụ... Lại có mấy vị pháp sư lớn tuổi, phát biểu nói năng, sợ kể tội người khác, kêu tôi ra mặt, nếu thấy chính đáng thì tôi chưa hề từ chối. Nhân đó một số đồng đạo cười tôi rằng tôi toàn bị người lợi dụng đi tiên phong, làm bia đỡ đạn.

Đến năm 1965, tôi tự sáng lập Phật Học Viện, lão sư Đường Nhất Huyền tuổi gần tám mươi, lúc khóa học rảnh đã nói với tôi: “Cho người lợi dụng mới có giá trị”. Lời nói khác hẳn thể tục này, không ngờ đã nói hết lòng tôi trong nhiều năm qua, tôi dẫn lấy làm tri âm và trong mấy mươi năm tháng sau này, tôi một mực dùng niềm tin này can tâm tình nguyện cho người là lành, bị người “lợi dụng”. Vô hình trung, cuộc đời tôi đã khai thác vô hạn giá trị.

Nhớ khi mới đến Đài Loan, vì hoằng dương giáo nghĩa Phật pháp, nghĩa vụ của tôi là đảm nhiệm biên tập nguyệt san “Nhân Sinh”, chẳng những soạn văn, chọn bản hao tổn tinh thần vì sửa bài nhuận bút suốt đêm, lại chính mình trả tiền giao thông, hoàn trả tiền bưu phí. Trước sau đến sáu năm, người phát hành ngược lại đòi tôi phải cảm tạ anh ta. Anh ta bảo rằng:

- Thầy lợi dụng tạp chí này để phát biểu văn chương mà nổi danh.

Trên thế giới này, ai “lợi dụng” ai, thật khó định đoạt.

Tình nguyện bị Lợi Dụng mà thành tựu thanh niên

Lúc mới truyền giáo ở Nghi Lan, tôi bày nhiều hoạt động để hướng dẫn người trẻ tuổi. Có mấy thanh niên không thích pháp hội cùng tu định kỳ và những buổi giảng khô khan, thường thường mượn có vắng mặt. Nhưng họ lại cao hứng hồ hởi tham gia ca hát những bài ca Phật giáo, những khóa trình học quốc văn. Người ngoài thường khuyên tôi không nên uổng phí tâm cơ, theo nói với tôi:

- Mấy thanh niên này không có căn lành, chỉ mê ca hát, hoặc định học quốc văn miễn phí, dự bị tương lai thi vào trường học mà thôi! Bọn họ không phải thực tình tín ngưỡng Phật giáo.

Kinh Kim Cang có nói: “Sở vị Phật pháp giả, tức phi Phật pháp, thị danh Phật pháp”. Âm nhạc, ca hát chỉ cần vận dụng cho đúng, cũng không mất “giá trị” độ người. Bồ-tát Mã Minh đã không “lợi dụng” một khúc “Lợi Tra Hòa La” tự biên, khiến cho năm trăm đệ tử vương tộc ở thành Hoa Thị đồng thời ngộ đạo xuất gia đó sao?

Năm 1956, tôi lên kế hoạch hoạt động tiếp dẫn Đại Chuyên Thanh Niên Học Phật, lại có người cương quyết phản đối, lý do:

* Đại Chuyên sinh chỉ làm lãnh phí đạo tràng, hư hại thiết bị, lại không nhất định. Bọn họ chỉ lợi dụng hoạt động này để qua cơn nạn rồi mà thôi! Cái lối không tính kỹ này tốt nhất không nên làm!

Tôi lúc ấy trong mình không có một đồng một chữ, lại bị số đông bài bác, nên mượn đất của người khác ở Đài Bắc, cử hành Đại Chuyên Thanh Niên Học Phật. Kết quả, giáo thọ Ngô Di, giáo thọ Tương Thượng Đức, cho đến tiên sinh Vương Thượng Nghĩa nổi danh vì bài “Hoàng Hôn Của Chú Vịt Trời” kết duyên với Phật giáo nhân lúc này.

Vui vẻ bị Lợi Dụng mà rộng độ huệ mạng

Từ quá khứ đến hiện tại, chùa Phổ Môn ở Đài Bắc mỗi kỳ lập đoàn Triều Sơn núi Phật Quang bắt đầu từ năm 1968, mỗi người đóng hai trăm dollars, đến hiện nay là ba trăm dollars, gồm luôn tiền xe, ở hai đêm, ăn năm bữa. Tính theo vật giá thì căn bản là không đủ chi dụng. Người sắp đặt việc và cả tín đồ cũng nhiều lần phản ứng với tôi xin điều chỉnh để quân bình chi thu, nhưng tôi đều không đáp ứng. Vì tôi biết rằng, có thể đủ cho những người miền Bắc có thời gian và nhân tố kinh tế giới hạn không thể đến núi, “lợi dụng” một chút phương tiện này, trông nhân duyên được độ, chưa từng không phải là công đức vô lượng.

Tôi xây dựng Phật Quang Sơn ở Cao Hùng. Không bao lâu, dưới núi có một nhà hàng ăn uống khai trương tên Phật Quang. Lúc ấy có người bảo tôi rằng:

- Sư phụ! Vì sao tên Phật Quang Sơn của chúng ta lại để họ dùng làm bảng hiệu. Chúng ta nên ngăn họ lại, không thì người ngoài lại lầm Phật Quang Sơn làm ăn.

Tôi cũng cảm thấy rất khó chịu, nhưng rồi nghĩ: Phật Quang có thể chiếu soi khắp mặt đất, không phải để biểu thị pháp lực vô biên của Phật giáo sao?

Không lâu Phật Quang Tam Thôn, Phật Quang Sa Thạch Trường, Phật Quang Lữ Hành Xã, Phật Quang Đại Lữ Xã, trạm xăng Phật Quang... đều lần lượt xuất hiện, thậm chí ở các nơi như Đài Bắc, Gia Nghĩa lại có cả khách sạn lấy tên Tinh Vân của tôi mà đặt nữa. Đồ chúng càng kêu rên hơn. Trong ngày khai hội, họ nhao nhao biểu thị kháng nghị. Tôi bảo họ:

- Chư Bồ-tát còn đem cả thân thể, não tủy bỏ thí hết. Một cái tên mà tính làm chi? Tên của chúng ta cứ cho người “lợi dụng” một phen, cũng nói lên chính mình rất có “giá trị”.

Cho người Lợi Dụng hoài mà không mong đáp

Nhiều người thấy Phật Quang Sơn bán nước ga, tiêu thụ vật kỷ niệm liền mắng nhiếc Phật Quang Sơn thương nghiệp hóa. Kỳ thực, người ngoài chỉ thấy Phật Quang Sơn cần tiền, lại không thấy chỗ không cần tiền của Phật Quang Sơn.

Tất cả thu nhập của Phật Quang Sơn có thể nói không phải Phật thì không làm nổi. Không những dùng để hoàng dương Phật giáo, mà còn cần cung ứng cho việc ăn ở, sinh hoạt của ba ngàn tăng tục tử chúng, cho đến tiêu phí về giáo dục, phúc lợi... càng cần dùng để lo các loại sự nghiệp Phật giáo khác nữa. Trong đó có khoảng sáu trăm học sinh Phật Học Viện “lợi dụng” thu nhập này để học Phật tu đạo, gần một trăm nhi đồng Dục Ấu Viện “lợi dụng” thu nhập này để nuôi lớn thân tâm, tịnh xá Phật Quang, nhà Nhân Ái khoảng hai trăm người già không nơi nương tựa “lợi dụng” thu nhập này an hưởng tuổi già. Lại có các đơn vị hành chánh khác “lợi dụng” thu nhập này để hoạt động tịnh hóa lòng người. Chúng tôi không có hàng sản, lại phải tự cấp, tự túc, ứng phó với sự chi tiêu quá lớn này, có thể nói là đem tiền tài của mười phương “lợi dụng” cao độ, để phát huy “giá trị” của tín thí mười phương.

Xây dựng Phật Quang Sơn đến nay, đã trải qua không ít khó khăn. Thiên tai hồng thủy có nhiên là đáng sợ, dân hung hãn dưới núi lại càng khó đối phó. Họ lấy máy cày vây núi, dùng gậy gộc đánh người xuất gia. Hạng này không cách gì nói lý lẽ với họ, khiến người khó đặt niềm tin, nhưng chính là khiến người lạ lòng. Gặp Tết, dân làng dắt già bé trẻ lên núi thăm hỏi. Lúc cứu tế mùa Đông, họ cũng dắt diu gia quyến đến lãnh phần chẩn tế. Một số nhân viên làm việc thấy như thế bỏ qua chẳng được, thường kháng nghị với tôi:

- Hạng người này không có lương tâm, họ chỉ biết đến lấy bao đồ (tiền lì xì), lấy quà tặng, lợi dụng xong rồi qua sông chặt cầu. Đã không nói được câu nào tử tế, lại còn đòi hỏi vô độ.

Tôi khuyên:

- Chúng ta không nên vơ đũa cả nắm. Trong số người ấy cũng có người tốt. Huống nữa, hành Bồ-tát đạo phải nên không nhớ cái xấu cũ, bố thí đừng mong đền đáp. Thấy họ hi hi hã hã về núi, kết duyên lành cùng Phật Bồ-tát, chúng ta nên chúc phúc cho họ mới đúng.

Chúng ta nên mang công đức pháp tài có “giá trị” phi phạm của chính mình, để cho người ta “lợi dụng” nhiều nhiều. Đó là điều tôi tự hứa hẹn với chính mình.

Dù cho bị Lợi Dụng cũng không kể vinh nhục

Có vài nhân sĩ thuộc giới xuất bản gồm: Đài Loan, Hương Cảng, Mã Lai, Tây Á, thậm chí cả Đại lục, đã tự động in bài vở của tôi dù chưa có sự đồng ý. Phần trên để nguyên văn, phần dưới bỏ tên tôi ra. Có người còn quá hơn nữa, thêm luôn tên họ vào. Một vài người thì đổi đề bài, đổi văn tự cho kêu để hấp dẫn độc giả. Những đồ chúng theo sự nghiệp văn hóa của tôi thường vì thế bất bình, bực bội nói:

- Những người này ăn trộm tài sản trí tuệ, rõ ràng cũng mạo phạm đến giới tôn giáo thần thánh.

Tôi thì vì thấy người hiện đại không tôn trọng người khác, không xem trọng quá khứ mà cảm khái vụn vặt. Nhân vì lịch sử là quá trình diễn tiến của nhân loại, chúng ta mặt sát những ghi chép của quá khứ, thì kế hoạch tương lai sẽ thế nào? Nhưng tôi chỉ đứng về phương diện tốt mà nghĩ: Trước thuật của tôi hay được nhiều người yêu thích coi trọng, đại khái còn có chỗ chấp nhận được. Công dụng của văn tự Bát-nhã là ở chỗ nó không phải nơi xa nào mà không tới, thâm nhập

vào lòng người. Chỉ mong mọi người có thể chọn lấy phương pháp chính xác, “lợi dụng” “giá trị” này để khiến Phật pháp lưu thông rộng rãi hơn.

Vì để xúc tiến tiêu thụ Tân Văn náo nhiệt, một vài tạp chí đem việc công kích hủy báng Phật Quang Sơn và tên tuổi tôi làm đề tài nóng hổi. Tín đồ thấy ngôn luận đưa ra bất thực, đã đi quá đà, họ thường lợi dụng các đường dây yêu cầu các báo này phải đăng lời xin lỗi.

Nhớ có lần cư sĩ Lưu Phương, một nhà danh tác, xem một bài chửi ngăm tôi. Ông nộ khí xung thiên, điện thoại từ Đài Loan qua tìm tôi, nói rằng ông muốn liên hệ nhiều người để vận động ủng hộ tôi. Tôi liền nói: “Không cần!”. Vinh nhục cá nhân không đủ để nhớ, nhờ đại chúng quá yêu, cá nhân tôi xin ghi sâu tạc dạ. Nhớ trong Tây Du Ký, mọi người đều muốn ăn một miếng thịt Đường Tăng, bất giác tôi tự khuấy khóa, có bị những người này “lợi dụng” để được một bát canh, cũng chưa hề không phải là giúp người được lợi nhiều!

Dù bị Lợi Dụng cũng hỷ xả không tiếc

Khi theo đuổi sự nghiệp văn hóa Phật giáo trong quá khứ, tôi cũng cảm được mùi cay đắng. Lúc ấy tôi có chiếu cố kết giao với vài văn nhân. Hễ có ai cần gì tôi đều giúp đỡ cả. Có lúc lại làm người bạn không mời thỉnh, tự động duỗi tay ra giúp. Thậm chí tình huống kinh tế của mình cũng đang không khá lắm, tôi vẫn thành tâm hiệp trợ cho những văn hữu mà trước đây không có ý tốt với mình. Chẳng phải tôi giả nhân giả nghĩa, giả từ bi, cũng chẳng phải là người no béo. Tôi chỉ biết rằng tôi có được phần năng lực này, làm “lợi” cho chỗ cần của người khác, khiến họ “dụng” xoay sở, thì biết rằng cảnh huống của tôi còn tốt hơn của họ một chút, có tiếc gì mà không hỷ xả?

Một nhà xuất bản Phật giáo nho nhỏ, cũng xin giúp đỡ, tôi cũng tận lực gỡ rối cho, mong họ “lợi dụng” một chút trợ duyên này mà Phật giáo tăng thêm sự công hiến đối với nhân tâm thế đạo.

Quá khứ, Học Viện Sa-Di ở Phật Quang Sơn từng thu hai mươi, ba mươi chú Sa-di. Chúng tôi không từ lao nhọc, săn sóc họ thành người. Rồi cha mẹ của một vài Sa-di lại làm ngang bắt họ về. Khá nhiều đồ chúng cần nhân, họ cho rằng: Các vị phụ huynh nợ chẳng qua là “lợi dụng” Phật Quang Sơn nuôi dùm con họ. Nhân đây yêu cầu tôi không nhận Sa-di lên núi nữa. Nhưng tôi cứ xét đơn thu hết, vì tôi nghĩ: Dù cho Sa-di có bị cha mẹ mang đi hết, bọn họ từ nhỏ đã được thấm nhuần nước pháp, ít nhất khi khôn lớn cũng có thể biết nhân quả, rõ thiện ác. Dù lăn vào bụi trần cũng không làm điều sai trái. Lối giáo dục này, bất kể cá nhân hay xã hội, đều rất có “giá trị”.

Tạo phương tiện cho tín đồ, tôi thiết lập hội quán Triều Sơn, cung ứng cơm ăn chỗ ở. Có vài trường đoàn công ty du lịch, dọn mấy mươi bàn ăn, đến lúc lên đường chỉ đưa năm, mười đồng. Nhân viên thu quỹ không để yên hành vi thất đức này, cứ kiểm họ trình bày, lại bị họ chê bai ngược lại:

- Chùa chiền không phải là tùy hỷ thêm nhang đèn sao?

Quán trưởng nhiều lần lỗ vốn không thể phụ giúp cho thường trụ nên đâm lo, tôi thường an ủi ông ta rằng:

- Không hề chi! Mình ăn thiếu một chút để người khác “lợi dụng” chiếm tiện nghi, chính là khả dĩ rộng kết duyên lành.

Sư diễn tọa, hành đường ở phân viện khác cũng thường đến than thở với tôi, mỗi lần pháp hội hoạt động, có nhiều người chỉ lo ăn uống. Họ đến chỗ trai đường kiếm chỗ ăn uống trước, khiến những người chân chính đến chùa nghe kinh, lễ Phật, bái sám, những tín đồ thuần thành không có chỗ ngồi, cơm rau không đủ. Họ hy vọng tôi có thể đưa ra một biện pháp để ngăn chặn. Tôi nói:

- Không những không cần ngăn chặn, mà các trụ trì về sau cần phải chuẩn bị nhiều bàn ghế, cơm rau. Bởi vì dựng lập chùa chiền là muốn Phổ Môn rộng mở, độ nhiều chúng sanh. Hà huống đây chúng tỏ cơm rau nhà chùa nấu ngon, do đó mới có người “lợi dụng”.

Xem nhẹ việc Lợi Dụng trong lòng có nhân quả

Tôi thường gặp những nhân sĩ xã hội chưa hề quen biết, hoặc chính khách đang tranh cử, chuyên đến thăm viếng, cho yêu cầu chụp hình chung. Đồ chúng ở bên cảnh báo tôi:

- Sư phụ! Thầy phải cẩn thận! Họ lợi dụng Thầy để cho mọi người biết danh!

Một vài công ty mới thành lập muốn dựng bảng hiệu, hay xây nhà làm đất cũng thường quảng cáo láo khoét trên Ti-vi rằng tôi đến cắt băng khánh thành. Vì vậy có tín đồ gọi điện thoại tỏ ý bất bình:

- Mấy người này “lợi dụng” tên tuổi Thầy để câu khách. Người khác không biết nói Thầy là “Hòa thượng xí nghiệp”!

Thậm chí tôi cũng từng nhận lời đến chủ trì khai mạc tháp Linh Cốt. Đệ tử đau lòng nói tôi quá khờ, đi xe đi thuyền từ Nam ra Bắc mệt nhọc, chưa hề thu được một đồng, lại không biết người ta “lợi dụng” mình kiếm tiền to.

Gần đây, có người vì muốn bán chạy các pháp khí, tượng Phật, mà rêu rao là hàng của họ đã được tôi gia trì. Thật là dối trá vô kể! Nhưng mà chẳng hề chi! Như quả kiêu này có thể khiến họ thu được cả danh lẫn lợi, trừ việc nghiệp lực nhân quả đáng tiếc của họ ra, cũng là một loại Bồ-tát đạo lợi tha của tôi.

Mười năm trước, tình huống kinh tế rất quẫn bách. Một hôm đệ tử phát ngân viên nắm một xấp hóa đơn đến thưa:

- Sư phụ! Gần đây chúng trong chùa bị đau răng rất nhiều. Thường trụ đã hết lòng cấp cho họ phương tiện, nhưng tiền chữa răng rất cao. Bọn họ nhận ân huệ của thường trụ, lại thường hỗn ẩu với người, không nói được lời tử tế. Theo con, chẳng nên xuất tiền cho họ rất uống.

Nhưng tôi kiên trì cho họ đổi răng tốt. Vì tôi thà để cho họ nói lời không tử tế, chứ chẳng thể không cho họ một bộ răng tốt, để họ tiện đem “lợi dụng” lúc mở miệng thuyết pháp, có thể khiến tín đồ vui vẻ, được pháp bảo có “giá trị” vô thượng.

Thường đến thời kỳ tuyển cử, ứng cử viên luôn đến thăm viếng thưa hỏi, đệ tử tôi thường nói:

- Máy người này bình thường không đến hộ trì, đợi tuyển cử mới đến “lợi dụng” tăng đoàn của chúng ta có thể đông người.

Vì muốn làm tròn trách nhiệm quốc dân, mọi người ở Phật Quang Sơn bao xe đến địa điểm tuyển cử bỏ phiếu. Ngày thứ hai liền có hình ảnh, chữ nghĩa trên báo, đề tài là: “Phật Quang Sơn Hâm Mộ Chính Trị”. Đồ chúng đưa báo cho tôi xem, giận dữ nói:

- Máy ký giả này lợi dụng chúng ta để viết báo!

Tôi nghĩ: Nếu quả việc này có nói lên sự thành công của hiến pháp chính phủ dân chủ và lực lượng của Tăng đoàn Phật giáo, cũng chưa hề không chứng minh “giá trị” của chúng ta.

Thường có người hỏi tôi vì sao mà biết giảng kinh như thế? Kỳ thực nói ra xấu hổ. Lúc mới bắt đầu hoằng pháp, tôi chẳng những không thể giảng được vừa lòng người, lên đài lần nào cũng phát run, nhờ tín đồ thương giúp đỡ, đủ cho tôi thực tập không ngừng, mới được thành tựu chút ít như ngày nay. Bây giờ, tuy tôi đã là Hòa thượng thối cư, nhưng vẫn không từ lao khổ, nhận lời mời đi khắp nơi khai thị. Đồ chúng trong lòng bất nhẫn, thường khuyên tôi nghỉ ngơi. Bọn họ đâu biết tôi chính đang “lợi dụng” cơ hội này để báo đáp ân đức của đại chúng!

Người bị người Lợi Dụng thành tựu đại lợi ích

Phật Quang Sơn một mặt đề xướng phước huệ song tu, giải và hạnh cùng coi trọng. Do đó Phật Học Viện có đặt ra khóa trình làm việc ngoài trời, mượn đây để rèn luyện thân tâm học sinh. Một vài vị khách không biết sự tình, lên núi trông thấy, thường nói:

- Các học sinh này thật đáng thương quá! Bị chùa chiếm lợi dụng làm công không!

Một hôm, một học sinh lạnh lợi vui vẻ đáp:

- Chúng tôi đang “lợi dụng” công tác này để tu đó!

Đồng một sự tình lại có hai cách nói, thuyết minh “giá trị” trong tâm mọi người không đồng. Tự nhiên khổ vui cũng có chỗ sai khác.

Tôi giảng kinh hoằng pháp trong xã hội đã lâu, thường tiếp xúc với nhân sĩ các giới, trong đó không thiếu những nhân vật chính trị đến xin chỉ dạy Phật pháp. Nhân đó khiến người liếc mắt chê bai là “Hòa thượng chính trị”. Ban đầu tôi không cho là đúng, lâu dần trong lòng thư thái ra, ngầm nghĩ: Đức Phật luôn luôn ra vào vương cung, thuyết pháp cho đại thần quý tộc, há cũng chẳng thành “Phật-đà chính trị” sao? Còn đại sư Huyền Trang vì hoàng đế mà bàn về quốc sự, cho đến những vị quốc sư nhiều đời phò tá triều chính thì lại nói sao?

Phật pháp Trung Quốc trải qua nhiều phen giáo nạn, mà có thể như phụng hoàng tắm lửa tái sanh, các bậc trên ủng hộ Phật giáo toàn tâm toàn lực, thật là công không thể mất. Ngoài ra, quốc gia xã hội cũng nhân sự phục hưng mạnh mẽ của Phật giáo mà “chính thân nhân hòa”. Lịch sử

thực sự của những đời này cũng đều thấy rõ rằng “lợi dụng” không nhất định chỉ có đủ ý nghĩa theo mặt trái mà lại có thể tạo thành lợi ích mọi người.

Do đó, chúng ta chẳng cần so đo tính toán ai “lợi dụng” ai. Nhân vì tất cả sự tương thế gian đều là hỗ trợ duyên khởi, nguyện cho mọi người nhất tề được hưởng thành quả của hỗ trợ “lợi dụng” để có thể phát huy “giá trị” tối cao của “lợi dụng” vậy.

Phải “Không” Mới Có Thể “Có”

Phật pháp giảng “Không” là phải “không” các chấp trước, “không” các hai bên, “không” các giả tướng, “không” các đối đãi, để lại cấp cho chúng ta một thế giới chân thật.

Lúc tôi mới xuất gia, vâng lệnh thầy là Thượng nhân Chí Khai đến Luật Học Viện Thê Hà học. Có một hôm, pháp sư Giác Dân là Giáo thọ Quốc văn viết lên bảng mười chữ: “Đĩ Bô-đề vô pháp trực hiển Bát-nhã Luận”, bắt chúng tôi lấy đó làm đề bài viết văn. Lúc ấy tôi mới mười hai tuổi, từ khi đi học chưa hề nghe hiểu qua một câu kinh, mà mười chữ này lại giống như Thiên thư, khiến tôi mò chẳng nhằm bờ mé, chỉ đành đờng sáo tây chếp, mơ mơ hồ hồ mà nộp bài. Cho đến về sau, tôi trải qua bao thế sự tang thương, lại nhiều lần giảng Tâm kinh và kinh Kim Cang, ngay khi nhớ lại đề mục năm xưa, mới bỗng dung đại ngộ: “Bô-đề vô pháp” là “không”, “trực hiển Bát-nhã” là “hữu”, đúng ý nghĩa của câu nói chính là “phải không, mới có thể có”.

Người trên thế gian thường thường đem “không” và “có” chia thành hai vật chẳng đồng, cho rằng cái “không” chẳng phải là “có”, cái “có” chẳng phải là “không”. Nhưng khi Phật giáo giải thích chân lý vũ trụ nhân sinh, nhận là “không” rồi, mới có thể “có”; chẳng không thì chẳng có. Ví như tách trà *không* mới có thể đựng nước, ví da *không* mới có thể bỏ tiền, nhà cửa *không* mới có thể có người ở, đất đai *không* mới có thể xây lầu, thậm chí lỗ mũi *không* mới có thể hô hấp, lỗ tai *không* mới có thể nghe tiếng, cái miệng *không* mới có thể nhai nuốt, bao tử, ruột *không* mới có thể chứa thức ăn, chẳng “không” làm sao “có” được chứ?

Không, sự thực là chân lý có tánh kiến thiết rất giàu có, chỉ vì rất nhiều người hiểu lầm ý nghĩa của “không”, thậm chí cho rằng trời cũng không, đất cũng không, thế gian cũng không, là một sự việc đáng sợ biết bao! Kỳ thực, “không”, nghe dường như là chẳng có gì cả, nhưng hư không chẳng phải là bao la vạn tượng, ung có đều có đó sao? “Không”, nhìn dường như là không hình không tướng, nhưng hư không vào vuông thì vuông, vào tròn thì tròn, chẳng phải là có đủ công dụng đối đãi siêu việt, không chỗ nào chẳng có tướng đó sao?

“Không” của Phật giáo, là dùng để thuyết minh: Sum la vạn tượng đều là do nhiều thứ điều kiện họp lại mà thành, do đó chẳng những trong vũ trụ không có sự vật nào tồn tại độc lập, mà giữa đây kia đều có đủ quan hệ hỗ tương dựa vào nhau mà sống còn. Quan hệ, điều kiện nói ở đây, trong Phật giáo gọi là “nhân duyên”. “Trung Luận” của ngài Long Thọ nói:

Các pháp nhân duyên sanh

Tôi nói tức là không.

Lại nói: “Vì có nghĩa không, nên tất cả pháp được thành. Vì không có nghĩa không, nên tất cả pháp chẳng thành”. Do đây có thể thấy, Phật giáo giảng “không”, là muốn “không” các chấp trước, “không” các hai bên, “không” các giả tướng, “không” các đối đãi, để đem lại cho chúng ta một thế giới chân thật. Nhân đây, “không” chẳng những không có tánh phá hoại, mà lại là bản thể xây dựng vũ trụ nhân sinh. Kinh nói: “Nếu muốn biết được cảnh giới Phật, nên tịnh ý mình như hư không”. Chúng ta nếu như có thể triệt ngộ lý “không”, khiến tâm lượng của chính mình rộng lớn được như hư không, bèn có thể lý sự viên dung, sự sự vô ngại.

Đức Phật sau khi lên cung trời Đao Lợi thuyết pháp cho mẹ suốt ba tháng, trở về nhân gian, đệ tử nghe tin này, tranh nhau nghênh đón, Tỳ-kheo ni Liên Hoa Sắc vận dụng thần thông, đến trước mặt đức Phật đầu tiên, cung kính lạy dưới chân Phật và nói:

- Đệ tử Liên Hoa Sắc là người đầu tiên tiếp đón Phật-đà.

Đức Phật lại nói:

- Người đầu tiên đến tiếp đón ta không phải người, mà là Tu-bồ-đề đang ở trong hang núi tại thành Vương-xá ngồi yên quán *không*. Có thể thấy được chân lý “không” mới là người chân chính thấy Phật-đà.

Lại có lần, đức Phật trên hội Linh Sơn, cầm một hạt châu như ý đổi màu, hỏi Thiên vương bốn phương:

- Các ông nhìn xem hạt châu như ý này màu gì?

Thiên vương bốn phương xem xong, có người nói là màu xanh, có người nói là màu vàng, có người nói là màu đỏ, người thì nói là màu trắng, Phật-đà bèn thâu châu như ý lại, rồi xòe tay ra, hỏi bọn họ:

- Hạt châu ma-ni hiện ở trong tay ta đây màu gì?

Các Thiên vương không hiểu chỗ chỉ trong tâm Phật, không hẹn mà cùng trả lời:

- Bạch Thế Tôn! Trong tay Ngài hiện tại căn bản không có gì, có bảo châu như ý nào đâu?

Đức Phật bảo bốn Đại Thiên vương:

- Ta đem châu thể gian tầm thường cho các ông xem, các ông đều biết phân biệt màu của nó. Nhưng lúc bảo châu đích thực ở trước mắt các ông, các ông lại nhìn mà chẳng thấy, thật là điên đảo biết bao!

Đích xác, người đời điên đảo, chấp trước cái có huyễn ảo, mê mình theo vật, nhân đây, lúc có thu hoạch thì vui mừng hơn hở, lúc có mất mát thì buồn rầu khổ não, lúc mọi việc thuận lợi thì hưng phấn vô cùng, lúc gặp khó khăn thì thất vọng gục đầu, tâm tính của chính mình hoàn toàn bị ngoại cảnh dẫn dắt mà chẳng biết. Nếu như chúng ta có thể nhận biết tất cả sự vật thể gian đều là vô thường chẳng thật, dùng chân lý “không” để điều hòa và thống nhiếp quan niệm đối đãi này, như thể bất kể có cũng tốt, không cũng tốt; khổ cũng tốt, vui cũng tốt; khó cũng tốt, dễ cũng tốt; vinh cũng tốt, nhục cũng tốt, chôn chôn nơi nơi đều có thể làm đến “nên không chỗ trụ mà sanh tâm kia” như trong kinh Kim Cang nói, thì bèn có thể không đâu chẳng trụ, cuộc đời như thế không phải là rất giải thoát tự tại sao?

Nhớ lúc tôi vừa đến Đài Loan, trong mình không có một vật, nhưng tôi không thấy nghèo, cũng không thấy khổ. Vì được giáo dục trí tuệ “không” của mười năm ở rừng lâm khiến tôi cảm nhận một cá nhân không cần lấy vật chất dồi dào làm đầy đủ, thử nghĩ trong bầu trời, trăng sao

nhấp nháy khả dĩ cho tôi tự do thương thức; trong công viên, cây cối bông hoa chen chúc khả dĩ cho tôi mặc tình ngắm nghía; ở phố chợ, đường sá khả dĩ mặc tôi bước đi; thiên nhiên, chim, thú, trùng, cá khả dĩ tùy ý tôi kết duyên. Tôi cảm nhận sâu xa sự giàu có của ba ngàn đại thiên thế giới, lại từ đáy lòng cảm tạ đức Phật vĩ đại, Ngài ngàn cay muôn đắng thể nghiệm ra lý “không”, để tôi có thể tuân theo, học tập, bắt chước, hưởng dụng. Do tôi có một trái tim “không” rộng tiếp nạp tất cả, giờ giờ khắc khắc đều đem thái độ cảm ân, biết đủ ra phục vụ, dâng hiến. Kết quả vì chính mình mang đến rất nhiều cơ duyên. Do tôi dùng một trái tim “không” linh động tiếp đãi sự vật, nơi nơi chôn chôn đều đem pháp hỉ vô hạn đầy lòng ra hoàng pháp độ chúng, kết quả vì Phật giáo khai thác trời đất mới toanh. Tôi thể hội được chân đế “phải không mới có thể có”, thực tại là kho báu cuộc đời lấy hoài chẳng hết, dùng hoài không cạn.

Tôi đã hiểu ra chính mình đến thế gian, là “không không” mà đến. Sinh sống trên thế gian, là “không không” mà sống; nhân đây tôi đối với sở hữu trên thế gian, cũng hiểu là “không không” mà có. Năm 1947, tin đồ cúng dường tôi một biệt thự hoa viên tinh tế để dùng tiến tu. Tôi lấy tên là tinh xá Phổ Môn, đẹp thì đẹp, nhưng tôi không nhận làm sở hữu của mình. Nhân đây, tôi vào năm 1957, “không” bỏ cái phòng này rồi, ở phố Tam Trọng huyện Đài Bắc thành lập nơi phục vụ văn hóa Phật giáo, vì văn hóa Phật giáo mà nỗ lực, về sau nhân vì việc Phật sự hưng thịnh, không đủ sử dụng, dời đến bên cạnh Viên Hoàn đường Trung Chính phố Cao Hùng và phụ xây thêm một nhà Ấu Trĩ Viện. Ba năm sau, có xét việc bồi dưỡng Tăng tài mới là cơ sở căn bản của Phật giáo, tôi lại “không” bỏ phòng xá yên tĩnh và ấm cúng trên mảnh đất hoàng kim này đến Phật Quang Sơn hoang vu vắng vẻ. Theo lối này, đem “không” gian nhỏ đổi lấy “không” gian lớn. Như nay sự nghiệp Phật giáo được làm càng lúc càng lớn, đạo tràng Phật giáo xây dựng càng lúc càng nhiều, nhưng tôi chẳng thấy lớn, cũng chẳng thấy nhiều, thậm chí tôi chẳng thấy tự mình “có”, nhân vì tôi nhận ra rằng tất cả những cái này đều là sở “hữu” của đại chúng, tôi chẳng qua chỉ là một nhân duyên trong đó mà thôi.

Thường có người hỏi tôi:

- Phật Quang Sơn có nhiều kiến trúc to lớn như thế, thậm chí có viện chia ra hơn một trăm gian. Kinh phí to tát như thế từ đâu ra?

Tôi đều bảo họ:

- Là từ “không” mà ra.

Lấy ngay Phật Quang Sơn mà nói, nó vốn là một núi đất tre gai mọc đầy cỏ hoang lấp chân, không có người nào chịu khai khẩn, huống là nói chuyện ở, nhưng trải qua sự chai tay, chai chân của đại chúng, một phen nỗ lực rồi, chẳng phải là “trong không sanh diệu hữu” sao?

Phật Quang Sơn sở dĩ có thể từ núi hoang trở thành thánh địa, đúng như lý niệm mà lúc vừa mới khai sơn tôi đã đề xuất: “Lấy không làm có, lấy lui làm tiến, lấy không làm vui, lấy chúng làm mình”. Cũng như lúc khai quang ở Đại Phật Thành, tôi nói pháp: “Lấy nước suối Tây Lai, chọn đá cát Cao Bình, gộp sức người toàn cầu, xây dựng Đại Phật tối cao”. Chính nhân vì là các duyên hòa hợp, do đó là nghĩa “không” tạo thành; chính nhân vì tôi “không” không nghèo thiếu, do đó đồng tay nên việc, góp gió thành bão. Như nay tại Phật Quang Sơn, có ba ngàn người sinh hoạt, ăn uống, tôi đã không có điền sản ông bà để lại, lại không kinh doanh buôn bán như thế tục, thậm chí cố

phiếu, bán trả góp tôi đều đốt đặc cán mai, tôi chỉ là có lòng cất chùa, an Tăng, lo cho người. Nhưng mà thật lạ lùng, bất kể tôi đến đâu, đồ chúng đều rất sợ tôi nói một câu:

- Tôi không muốn ở đây, tôi muốn đi!

Có thể thấy nhân sinh thế sự đúng như Tâm kinh nói, không chỗ được mà được mới là thật được. Từ sự vật có hình có tướng mà tìm lấy, dù cho chiếm hữu cũng chẳng phải thật có.

Trên xã hội, nhân vì người không hiểu rõ Phật pháp mà hiểu lầm nghĩa không, cố nhiên khó tránh khỏi, người đối với Phật pháp hiểu biết nửa vời mà chỉ lầm nghĩa không, cũng vẫn có nhiều người. Ví như có số người cho là tất cả đều không, vô thường huyền hóa, chẳng nên chấp trước, do đó cái gì cũng chẳng còn; có số người hiểu được tất cả đều không, phải kịp xa lìa sớm, chẳng nên tham giữ, do đó chủ trương tự tu tự độ; thậm chí có số người khoe khoang thế trí biện thông, đem nghĩa “không” làm hoa tai mắt người. Kỳ thực, nếu như chấp trước vào cái không chấp trước, chẳng phải cũng là một loại chấp trước sao? Tham giữ sự thanh tịnh vô vi, cũng chẳng phải là một loại tham giữ sao? Không biết vờ ra vẻ biết, lại không phải là cách làm dối mình, dối người sao? Số người này đã không cách gì tương ứng với chân lý “không”, lại làm sao có thể “có” Phật pháp chân thật thọ dụng chứ?

Như đức Phật, xuân hạ thu đông đều mặc một y phấn tảo, cố nhiên thấy tự tại nhân nhã, dù cho có khoác y đính vàng của vua ban, cũng không mảy may kiêu ngạo. Đã có thể trà thô cơm lạt qua ngày, cũng có thể dùng miếng ngon vật lạ; đã có thể ăn dưới gốc cây, gội sương dầm gió, cũng có thể an trụ lâu quỳnh điện ngọc; đã có thể chính mình ở riêng rừng núi, cũng có thể cùng ở chung với bốn chúng đệ tử; lúc được tôn sùng cúng dường trước sau như như chẳng động, lúc bị người hủy báng dèm pha cũng không hàm hàm nổi giận. Đức Phật đối với phú quý bần tiện, cùng thông được mất, thiện ác sạch nhơ, tốt xấu cao thấp, đã chẳng bận tâm cũng không trôi xuôi theo đời. Tùy cảnh ngộ mà an như thế này, đem tinh thần lý “không” vào sinh hoạt thực tế chính là “sự giàu có” lớn nhất của Phật giáo, cũng là di sản lớn nhất mà đức Phật để lại cho người sau.

Bồ-tát Đề-bà và những Cao tăng đại đức như đại sư Huệ Tư..., tuy nhiều lần bị người ác độc hại, thậm chí bị đặt vào chỗ chết, nhưng vẫn không giảm bi nguyện phá tà hiển chánh, hoằng pháp độ sanh, từ những trước tác của các ngài, chúng ta có thể biết được. Cái tinh thần “vô duyên đại từ, đồng thể đại bi”, “nhẫn nhục vác nặng, sanh tử nhất như” này, cũng đều là bắt nguồn từ sự tu hành lâu dài đạt được trí tuệ “không” của Bát-nhã.

Tôi từng đã bị đồng đạo chèn ép, cũng từng bị giáo đồ đạo khác phá hoại; tôi từng trải qua vô số lần gặp cản trở, cũng từng qua nhiều lần bị người vu cáo mà trở thành đối tượng của đơn vị điều tra an ninh, thậm chí nhân vì bị hiềm nghi làm gián điệp mà nếm mùi lao ngục. Tôi sở dĩ có thể không oán thù, không hối hận, không khuất phục, không nhiều loạn, nhiều lần ngã xuống đứng lên, vượt hiểm như chơi, là nhân vì tinh thần vô ngã phụng hiến của cổ Thánh tiên Hiền, trước sau như ngọn đèn sáng trong bóng tối chiếu soi lên tôi, để tôi khởi lòng tin và dũng khí vượt bực. Tâm kinh nói: Nếu có thể “chiếu kiến ngũ uẩn giai không”, là có thể “độ nhất thiết khổ ách”, thật chẳng phải lời hư dối.

Có một học Tăng hỏi thiền sư Duy Khoan:

- Đạo ở đâu?

Thiền sư Duy Khoan đáp:

- Chỉ ở trước mắt.

- Sao con không thấy?

- Vì ông có “ngã” do đó không thấy.

- Con còn “ngã” nên không thấy; như thế, Thiền sư thì sao? Ngài thấy rồi chăng?

Thiền sư đáp:

- Có “ngã”, có “nhân”, càng thấy chẳng được.

- Nếu như không “ngã”, không “nhân”, thấy được chăng?

- Không “ngã”, không “nhân” ai có thể thấy đạo chứ!

Chỗ nói: “mượn giả tu chân”, trên thế gian, tất cả mọi sự vật cố nhiên là huyền hóa đều không, đôi đôi nhau mà có. Nhưng chúng ta cũng phải ở trong nhân sự mình người duyên khởi tạm có này mà tu trì. Bằng không, làm sao thể chúng chân để “chân không chẳng ngại diệu hữu, diệu hữu chẳng ngại chân không” được? Nhân đây, khi tham học ở tùng lâm trong mười năm, tôi tuy lấy tham thiền đá tọa, lễ Phật, niệm Phật làm công khóa của mình, cũng từng có cảnh giới hồn nhiên vong ngã, mất cả thân tâm, nhưng tôi chỉ đem tôn giáo quý báu này thể nghiệm sự chân tu thực học vào trong sinh hoạt thực tế; hoàn toàn không vọng tưởng vào núi đóng cửa thất. Tôi từng đã chích máu chép kinh, cấm túc tịnh khẩu, quá ngộ không ăn, khổ hạnh làm việc, nhưng tôi đều xem chúng là quá trình rèn luyện thân tâm, hoàn toàn không chấp trước bất cứ việc gì trong đó. Tôi từng thăm viếng, học hỏi ở các danh lam cổ sát, trải qua luật, giáo, thiền, đối với việc tu trì chuyên môn của từng tông tôi nhận rằng có chỗ hay để thâm nhập một môn. Nhưng tôi vẫn chủ trương Phật giáo nhân gian, tám tông cùng hoằng dương; cho dù tôi chịu sự giáo dục vô tình vô lý, nhưng tôi về sau đối với đồ chúng của mình lại chọn lấy phương thức “tự – nghiêm cùng trọng”.

Tùng có một vị cư sĩ tại gia hỏi thiền sư Trí Tạng:

- Có thiên đường, địa ngục hay không?

Thiền sư trả lời rằng:

- Có.

- Có Phật Bồ-tát hay không?

Thiền sư vẫn đáp: - Có.

Tóm lại, bất kể anh hỏi cái gì, thiền sư Trí Tạng đều đáp: “Có”.

Vị cư sĩ này nghe xong, nói:

- Lạ thật! Con đem vấn đề này hỏi thiền sư Kính Sơn, Ngài đều nói: “Không”.

Thiền sư Trí Tạng hỏi ông ta:

- Ông có vợ không?

Cư sĩ đáp:

- Có.

- Ông có con cái không?

Cư sĩ vẫn đáp: - Có.

- Thiền sư Kính Sơn có vợ không?

Cư sĩ lại đáp:

- Không có.

- Thiền sư Kính Sơn có con cái không?

Cư sĩ vẫn đáp: - Không có.

Thiền sư Trí Tạng nghiêm trang nói:

- Thiền sư Kính Sơn không có vợ con, do đó nói với ông “không”. Ta nói với ông “có”, vì cư sĩ có vợ con mà!

Công án giống như thế cũng phát sinh ngay với thiền sư Triệu châu, người ta hỏi Ngài: - Con chó có Phật tánh không? Ngài cũng lúc thì trả lời “không”, lúc thì đáp “có”. Đây là vì chân lý chỉ có một, có – không chỉ là hai mặt của chân lý, nhưng chân lý là do người mà khác, thiền sư nói có hoặc nói không, chỉ là theo từng mặt bất đồng mà thuyết minh chân lý có ở khắp nơi. Do đó, người thọ giáo cố nhiên phải nên như “hư không”, tiếp nhận tất cả, mới có thể tiếp thu học tập sự vật đã có. Người chỉ dạy, cũng cần phải giống như “hư không”, có đủ mọi hình tướng mới có thể đạt được hiệu quả của đồng sự nhiếp thọ.

Trong 50 năm hoằng pháp sinh nhai, tôi đã lợi khắp các sự nghiệp Phật giáo: Giáo dục, văn hóa, từ thiện, cộng tu... tuy biết rõ chuyên làm một loại có thể giảm thiểu nhân lực, vật tư, nhưng tôi vẫn là nhiều hạng cùng làm. Tôi từng nhiều lần vùng thôn quê dân dã bỏ giáo, cũng thường đến thành thị đô hội hoằng pháp. Tôi chú trọng giáo dục thanh niên, thiếu niên, cũng vì phụ nữ, người già mở lớp dạy học. Tôi xếp đặt các loại hoạt động hiện đại, nhưng cũng chẳng bỏ lơ pháp hội

truyền thống. Mặc dù đề trừ tính các thứ, ắt phải không từ rắc rối, động não không ngừng. Nhưng thật như kinh Lăng Nghiêm nói: “Quy nguyên vô nhị lộ, phương tiện hữu đa môn” – Về nguồn không hai đường phương tiện có nhiều cửa. Chúng sanh chẳng phải ở trong phương tiện nhiều cửa này mà được khai phát sao? Phật giáo cũng chẳng ở phương tiện nhiều cửa này mà phát triển sôi nổi sao?

Đến nay tôi vì tuổi đã cao, mang theo thân già bệnh mới giải phẫu, mỗi ngày đối mặt với hành trình đã sắp đặt đầy ắp, nhưng tôi chẳng thấy bên thân có người, có việc, do đó tôi có thể đồng thời giải quyết rất nhiều việc, cũng có thể đồng thời tụ tập người bất đồng, thuyết giảng đề tài bất đồng. Tôi chẳng thấy đến nơi này, đến nơi kia, do đó tôi có thể nằm gối mà ngủ, cũng có thể ngồi xe mà ngủ. Tôi có thể ở trên máy bay thuyết pháp, cũng có thể ở trong tàu lặn khai thị. Có người hỏi tôi:

- Có bí quyết nào mà có thể mặc tình tiêu dao như thế?

Tôi thường đem chuyện thiền sư Đạo Thọ kể cho mọi người, thuyết minh chỗ hay của lý “không” thuận theo tự nhiên, thực tiễn:

Chùa do thiền sư Đạo Thọ xây cất ở gần đạo quán của đạo sĩ. Các đạo sĩ vì thấy chùa ở bên cạnh chịu không nổi, do đó mỗi ngày đều tìm cách nhiễu loạn Tăng chúng. Lúc thì hô phong hoán vũ, sỏi đậu thành binh; lúc thì gió thổi điện xẹt, bóng ma chàng rành. Quả nhiên không ít các Sa-di nhỏ tuổi sợ quá bỏ đi. Thiền sư Đạo Thọ chẳng hề sợ hãi, một mình ở đấy hơn mười năm. Cuối cùng pháp thuật của đạo sĩ đã dùng hết sạch, chỉ đành bỏ đạo quán, dời đi nơi khác.

Có người hỏi thiền sư Đạo Thọ:

- Bọn đạo sĩ pháp thuật cao cường, Ngài làm thế nào thắng được họ?

Thiền sư Đạo Thọ đáp:

- Tôi chẳng có pháp thuật gì, chỉ dùng một chữ “không” thắng họ thôi.

- “Không”, làm sao có thể thắng họ được chứ?

- Bọn họ có pháp thuật, “có” là có hạn, có cùng, có tận, có lượng, có bờ mé; còn tôi không pháp thuật, “không” là không giới hạn, không cùng, không tận, vô lượng, vô biên. Do đó cái “không” của tôi biến hóa, phải hơn cái “có” của bọn họ biến hóa.

Tại đây xin khuyên người đời: “Có” thì có được, có mất, “có” là cái có hạn, có ngại. Nhân đây tìm cái “có” chân thật, chẳng thể tìm trong cái “có” hư ảo. Nếu như anh có thể có tư tưởng “không”, dù cho gặp nguy nan bách hại, cũng chẳng có mất mát, ngược lại càng có thể hiển xuất chí khí lỗi lạc của anh. Đây có thể so với việc rút dao chém nước, không cách gì ngăn trở dòng sông trôi chảy. Nếu như anh có thể ôm giữ thái độ “không”, dù cho sinh hoạt ngay trong ngũ dục lục trần, cũng không bị ảnh hưởng, ngược lại càng có thể thể hội ra sự hàm chứa phong phú bên trong. Đây bèn như mặt gương không bụi, có thể rõ ràng ánh hiện vạn vật. Nhân vì chỉ có “không”, mới có thể “có” đấy!

Dùng Trí Tuệ Thay Thế Tiền Bạc

Nguyên tắc làm việc của tôi là: Dùng tâm để thành tựu tất cả, dùng trí tuệ để thành tựu tất cả, mà không cần dùng tiền bạc xây đắp tất cả. Bởi vì trí tuệ mới là nguồn vốn quý báu nhất của nhân loại.

Có một lần Phật Quang Sơn cử hành hội giảng tập về tài vụ cho đồ chúng. Tôi hỏi mọi người dự hội:

- Các ông biết Phật Quang Sơn xử lý tài vụ có nguyên tắc gì không? Mời mọi người giơ tay phát biểu.

Trong nhóm người đồng đạo, pháp sư Y Đê quản lý tài vật giơ tay đầu tiên, ông từ chỗ mình đứng lên nói:

- Con nhớ rất rõ ràng là, Sư phụ thường nói “Phải dùng trí tuệ thay thế tiền bạc”.

Đúng vậy, tôi một đời ngay trong nguyên tắc xử lý tài vụ, việc trọng yếu nhất chính là “Dùng trí tuệ thay thế tiền bạc”. Phạm vi không nhất định phải dùng tiền bạc để trang nghiêm tất cả, nhưng cần dùng trí tuệ để trang nghiêm thế gian.

Quá khứ có một câu tục ngữ: “Có tiền có thể sai quỷ xay bột”, nói rõ cách nhìn của một loại người. Kỳ thực một cá nhân bất kể giàu có đến đâu, có lúc tiền tài chẳng phải là thứ vạn năng. Kinh Phật nói: “Tài vật là sở hữu chung của năm nhà”. Năm nhà tức là lửa lớn, nước lớn, trộm cắp, quan lại tham ô và con cháu hư đốn. Năm nhà này đủ khiến tiền tài của chúng ta bị tiêu hủy mất hết. Lại, hà huống tiền bạc cũng không phải là thứ vạn năng. Nhiều tiền có thể mua được tôi tớ, nhưng không mua được duyên với người; nhiều tiền có thể mua được quần chúng, nhưng mua chẳng được lòng người; nhiều tiền có thể mua được cá thịt, nhưng không mua được sự ngon miệng; nhiều tiền có thể mua được lầu cao nhà lớn, nhưng không mua được tự tại; nhiều tiền có thể mua được y phục hoa mỹ, nhưng không mua được khí chất; nhiều tiền có thể mua được cỗ phiếu, nhưng không mua được tâm ý đầy đủ; nhiều tiền có thể mua được giường nệm, nhưng không mua được giấc ngủ. Điều trọng yếu nhất chính là – nhiều tiền mua được vật chất thế gian, thậm chí sách vở, nhưng không mua được trí tuệ, nhân đây “trí tuệ” mới là nguồn vốn quý báu nhất của nhân loại.

Như thời đại Xuân Thu Chiến Quốc những nhà thuyết khách đi dạo qua các nước Yên, Tề, Hàn, Ngụy, Tần, Sở, Triệu dập tắt khá nhiều trận binh lính tàn sát, chính vì họ có trí tuệ biện tài. Mưu sĩ sau một buổi nói chuyện với quân vương, thường thường lên địa vị cực phẩm, cũng là vì họ có đầu óc trí tuệ. Gia Cát Khổng Minh tuy bắt đầu từ áo vải, nhân lực, vật lực và địa lợi đều không bằng Tào Tháo, Tôn Quyền nhưng vì ông ta có sách lược trí tuệ, do đó có thể đọ sức với cường quyền mà vẫn an ổn trong đất Thục. Cuối cùng trọn có thể cùng với Ngụy, Ngô tạo thành thế chân vạc. Do đó các triều đại về sau, để vương thường đối với việc truyền ngôi, không những chọn lựa vị thầy trí tuệ siêu quần cho thái tử mà còn đưa địa vị của họ lên tới chức Thừa tướng. Ở trong các loại binh pháp, các nhà quân sự đều vận dụng trí tuệ, bày mưu lập kế trong gian nhà nhỏ mà quyết thắng ở ngoài ngàn dặm; đời nay chế độ “nội các” trong nền dân chủ lập hiến cũng là nhân vì ban đầu quyết định phương châm chính sách của quốc gia ở trong một phòng nhỏ, do đó

có danh xưng này. “Nội các” xem ra không lớn, nhưng trí tuệ vô biên, thậm chí kéo một sợi tóc động cả toàn thân, có thể ảnh hưởng đến tình thế thật sự của quốc gia. Ngoài ra, văn minh nhân loại sở dĩ ngày đi ngàn dặm, không phải do tiền bạc tạo được mà là kết tinh “trí tuệ” của đông người như Tất-thăng phát minh ấn loát bằng bảng kẽm khiến cho sự truyền bá tri thức tiến thêm một bước nữa. Ngõa-đặc phát minh máy chạy hơi nước mang lại cách mạng công nghiệp, anh em Lai-đặc phát minh phi cơ rút ngắn khoảng cách của thế giới. Amstrong bước lên mặt trăng lại viết một trang đánh dấu về việc khám phá vũ trụ của thời đại.

Hai ngàn sáu trăm năm trước, Phật giáo rất coi trọng việc tu hành bằng trí tuệ và gọi trí tuệ tối thượng thừa là Bát-nhã. Trí tuệ thông thường có thiện có ác, nhưng “trí tuệ Bát-nhã” thì thuần thiện vô nhiễm. Trong kinh điển nói “trí tuệ Bát-nhã” như mắt có thể dẫn đạo năm độ còn lại đến bờ kia viên mãn, lại nói “trí tuệ Bát-nhã” là mẹ của chư Phật, vì chư Phật mười phương đều từ trí tuệ Bát-nhã mà đản sanh. Như sở dĩ Bồ-tát Văn-thù đứng đầu các Bồ-tát, và là thầy của bảy đức Phật, chính là vì Ngài sở trường về “trí tuệ Bát-nhã”. Sở dĩ Xá-lợi-phất làm đệ tử thủ tọa của đức Phật, và được làm Sư phụ thế độ cho Sa-di đầu tiên là La-hầu-la, cũng vì Ngài có “trí tuệ Bát-nhã”. Đồng nữ Diệu Huệ có thể được chư đại Bồ-tát lễ kính là vì trí tuệ siêu phàm, có thể nói điều người chưa thể nói, bàn những điều người ta chưa thể bàn. Sở dĩ Long Thọ được tôn làm chủ chung cả tám tông Phật giáo cũng là vì Ngài trí tuệ hơn người, viết sách lập thuyết, phá tà hiển chánh.

Tôi từ bé sinh trưởng trong gia đình nông thôn nghèo khổ, thường thường áo cơm chẳng đủ, dứt khoát nghĩ đến phải dùng “Trí tuệ thay thế tiền bạc”. Ví như lúc trời hè, cháo để cách ngày đã có mùi thiu, người làng phần nhiều đều dùng lá hẹ bỏ vào trong, nấu lại một lần, là có thể tiêu trừ mùi khó chịu. Cơm rau còn thừa, cũng biết để chỗ mát mẻ, có thể duy trì không hư, ngày thứ hai lại có thể ăn nữa. Dù cho chụm một cây củi, tôi cũng nghĩ làm sao để lửa cháy lâu hơn một chút. Viết một phong thư cũng là đem phong bì cũ đã xài lật ngược ra dùng thêm một lần nữa. Cho đến xuất gia học Phật, do ở chỗ chính đang trong thời đại khói lửa mịt mù, dân sinh khôn khổ, kinh tế chùa chiền càng thêm túng thiếu. Tăng lữ phần đông đều trải qua cuộc sống thanh bần, vợ, để giấy rách bèn lấy miếng bìa dầy vá lại, áo quần rách một lỗ, lấy giấy báo hồ thành giấy cứng thay vá vá mạng lại. Tôi ở trong các hoàn cảnh đó học được trí tuệ “lợi dụng vật phế bỏ”. Lúc tôi học ở Phật Học Viện, đã từng tự tay dùng cành cây, bản gỗ đóng một giá bóng râm rất khó làm, cũng thường lấy cơm thừa, rau thừa nấu thành một nồi cơm xào ngon lành, cùng hưởng với bạn đồng học. Nhân đây, tôi thường rất tự hào nói: “ngay cho là binh tàn tốt bại, tôi cũng muốn như Hàn Tín, có thể điều hòa chế ngự thành một ông thầy thắng lợi”.

Như nay tôi thấy người hiện đại, cũng cho là kinh tế phát đạt, đủ phương tiện mua sắm, muốn vật gì, đều là vừa nghĩ đến cần bèn mua ngay. Tôi thường nghĩ nếu như có vật “thay thế” vì sao lại sai lầm để phí tiền chứ! Như đồng soạn viết văn chương trọng ở chỗ trôi chảy thông suốt, biểu đạt được tình ý, tôi không quá tính đến sự đối chỉnh, nắn nót văn tự. Do đó khi tôi phê sửa bản thảo, nếu như chữ có ý nghĩa tương đồng, có thể thay thế, thì dù cho văn từ đẹp hơn, tôi cũng không tùy tiện sửa đổi của người. Vật phẩm cũng như thế, trọng ở chỗ thực dụng rộng rãi. Tôi không nhất định đòi dùng đồ nghệ thuật chạm trổ tinh vi – Như tượng Phật ở Phật Quang Sơn đều không phải loại điêu khắc bằng vàng, bạc, cây, đá mà là bằng xi-măng. Nhưng bên ngoài trang nghiêm đạo mạo, hoàn toàn có thể phát khởi tín tâm, đạo niệm của tín đồ, nhân đây mỗi năm thiện nam tín nữ đến đây triều bái vượt quá mấy ngàn vạn người trở lên.

Tôi nhớ nhiều năm về trước, lúc đi Ấn Độ, từng thấy một cặp lồng đèn bằng đá Đại Lý điêu khắc tinh xảo đẹp đẽ, trị giá hơn 10 vạn Đài-tệ, Từ Huệ đảm nhiệm chức Viện trưởng Đô Giám Viện ở Phật Quang Sơn rất vừa ý, xin tôi mua về trang trí điện Phật. Tôi hỏi cô ta:

- Con sợ Phật Quang Sơn không có vật gì cho mấy tên trộm nhỏ ham muốn chẳng? Con làm việc lâu như thế, chẳng lẽ không biết toàn Phật Quang Sơn tuy nhiều điện đường như thế, nhưng Thầy xưa nay đều không lo lắng có người khởi tâm ăn trộm. Con có bao giờ nghĩ đến nguyên nhân tại sao không?

Từ Huệ bỗng nhiên đại ngộ. Nhiều năm sau cô bàn đến việc này, thường bảo với mọi người: Cô theo đây học được “trí tuệ” khéo dùng nhân duyên. Một người khéo biết nhân quả, không những chính mình không gieo nhân ác, mà còn biết suy nghĩ chu đáo, không để người khác gieo nhân ác, do đó chẳng sanh ra quả báo ác.

Tôi chẳng những không tiêu món tiền đắt đỏ để mua đồ dùng, khí cụ; thậm chí Phật Quang Sơn rất nhiều bàn ghế làm việc đều là từ những đồ vật cũ ở những cửa hàng công ty của người khác đóng cửa khuân về, có một số đồ dùng trong nhà thì là tín đồ đào thải đổi mới mà bỏ đi không dùng, chúng tôi chọn về sử dụng đến nay. Đồ dùng của chúng tôi cố nhiên như thế, đồ dùng tư nhân cũng vậy, dù cho một chiếc đĩa, một cái chén, nó cũng có mạng sống, tôi cũng dùng đi dùng lại cho đến cùng, để sinh mạng của nó kéo dài. Thậm chí Phật Quang Sơn có trên trăm ức kinh phí kiến thiết, tôi cũng chưa hề mua cho chính mình một cái bàn làm việc, không phải tôi không biết xài tiền, nhưng tôi không tiêu tiền cho chính mình. Lúc Phật Quang Sơn kiến thiết thời kỳ đầu, không có kiến trúc sư, không có văn phòng làm việc, đương nhiên càng không có bàn làm việc, tôi và thầy khoán Tiêu Đình Thuận đều đứng trên đường so tay vẽ chân một phen, từng tòa, từng tòa kiến trúc bèn hoàn thành. Nguyên tắc làm việc của tôi là: Dùng “tâm” để thành tựu tất cả, mà không cần dùng tiền bạc sắp xếp tất cả.

Nhớ lúc mới khai sơn, tôi cũng mời một vị kiến trúc sư họ Lưu giúp tôi thiết kế một bản sơ đồ chùa lâu to lớn, ngay khi ông ta đưa mô hình thiết kế cho tôi xem, tươi cười hơn hờ nói: “Kiến trúc của đại lâu này, cho dù một trăm năm sau, vẫn là rất hợp với trào lưu thời đại”. Tôi lập tức bảo ông ta: “Một trăm năm sau chúng ta đều không còn trên thế gian nữa, huống là kiến trúc chùa chiền trọng yếu nhất là trang nghiêm, thực dụng, chứ không ở dạng thức tân trào”. Từ đó về sau Phật Quang Sơn không còn mời kiến trúc sư thiết kế nào nữa.

Tuy không có kiến trúc sư thiết kế, nhưng bên ngoài của Đại Hùng Bảo Điện Phật Quang Sơn phủ lệ đường hoàng, bao nhiêu năm qua, không biết được bao nhiêu người khen đẹp, ngay cả Viên Sơn Đại Phạn Điểm, sau này lúc muốn sửa sang tu bổ, bà Tường Tổng Mỹ Linh đều từng phái người đến đòi lấy bản đồ thiết kế của chúng tôi về tham khảo, kỳ thực ngoài kiến trúc Đại Hùng Bảo Điện kiên cố ra, chẳng có bản đồ thiết kế nào hết. Như sắc thái của cột kèo chạm vẽ là tác phẩm nghiên cứu của một thợ sơn dầu của nước tôi, mà mọi người đều khen đồ án tuyệt đẹp của trần nhà, chẳng qua là ba tấm ván ép vẽ sơn dầu lên mà thôi. Do đó, chúng ta không nhất định cần dùng tiền bạc để làm việc, phát huy “trí tuệ” của chúng ta, hoàn toàn có thể đạt được hiệu quả làm chơi ăn thật.

Có hôm tôi đứng ở cổng Phật Quang Sơn vào giữa trưa, quan sát đồ chúng từng chiếc xe, từng chiếc xe liên tiếp hai ba cái mở máy vào thành làm việc. Lúc đó tôi rất ngạc nhiên: Vì sao mọi

người không ngồi cùng một xe xuống núi, như thế một lần đi, không phải đã có thể làm việc, lại có thể tiết giảm nguồn năng lượng ư? Tuy “Phật Phật đạo đồng, quang quang vô ngại” nhưng “nhà tối ngàn năm, một đèn tự sáng”, nếu như một đèn có thể bằng vô tận đấng, cũng đâu hề xấu?

Tôi nhớ hơn ba mươi năm trước, lúc giới Phật giáo chưa có người nào dùng xe hơi, tôi vì phương tiện hoàng pháp, mua một chiếc xe tải-tạp-đa (vận tải) chín chỗ ngồi. Vì không đủ chuyên môn, mời công xưởng sửa thành xe chở hai mươi sáu người. Mỗi lần ra cửa, tôi đều kêu gọi học sinh đồ chúng cùng lên xe, tình cảnh “đều rất hoan hỉ” đó, đến nay nghĩ lại, vẫn thấy thú vị vô cùng. Do đó tôi thường bảo đồ chúng: Tiết kiệm là “trí tuệ”, nhẫn nại là “trí tuệ”, khéo xử lý là “trí tuệ”, có thể nắm lấy cương lĩnh của muôn vật trên thế gian, hóa rối rắm thành đơn giản, vận dụng tự tại, có thể đề đại chúng dùng, chính là một loại “trí tuệ”.

Người hiện đại, những vật phẩm nào không dùng, dù có tâm thái yêu tiếc, đem cất vào trong kho, tôi cũng thấy là lãng phí, vì một khi cho vào kho rồi, chẳng còn nghe hỏi đến, vật còn tốt cũng như phế vật. Do đó tôi chủ trương không sắp đặt kho lẫm, vì chỉ cần anh biết vận dụng, đồng nát sắt vụn cũng đều có thể dùng vào việc lớn. Do đó trên cơ bản, ở thế gian không có vật đáng bỏ. Nếu như chính mình không xài, thì có thể để người khác sử dụng, đó là một loại khảo nghiệm “trí tuệ”.

Nhớ ba, bốn chục năm trước, tôi hy vọng đánh động được thái độ tĩnh lặng của Phật giáo, thường thường tổ chức một số hoạt động xã hội. Có người phê bình tôi: “Không có tiền còn bày hoạt động gì?”. Kỳ thực tôi bày hoạt động, tất cả đơn giản, không những không tốn tiền gì, mà lại còn dư, vì bày ra hoạt động có thể rèn đức tu dưỡng, ngưng tụ lực lượng, cái giá trị này không phải là cái mà tiền bạc có thể so sánh được. Do đó tôi ra sức dẹp các lời bàn tán, từng lần từng lần sắp đặt, chẳng những thu hút khá nhiều thanh niên học Phật, mà còn đào tạo một số đồng cán bộ trung thành rất mực. Chúng tôi đồng tâm hiệp lực, đem Phật giáo từ Nghi Lan phát triển đến từng ngõ ngách ở Đài Loan, từ trong nước phát triển đến mỗi thành thị trên thế giới. Gần mười năm qua, chúng tôi đã tổ chức được một mô hình hoạt động lớn, như “Trở về thời đại đức Phật”, “Pháp hội Thiên – Tịnh – Mật tam tu”, “Chuyến tàu hoạt động Từ bi ái tâm”, “Pháp hội cung nghinh răng Phật cầu phước”, “Hội liên hoan quyên góp quỹ Đại Học Phật Quang” cho đến hằng năm tại Quốc Phụ Kỷ Niệm Quán cử hành mô hình tòa giảng Phật học to lớn... khiến cả hàng vạn người đến tham gia, mọi người trông thấy trên đài dưới đài bay bổng nhảy múa, trang nghiêm đường hoàng, trên thực tế trừ rất nhiều người làm việc nghĩa đến trước phụ giúp ra, khá nhiều đạo cụ đều là tự chúng tôi chế ra, dùng vải vụn chắp vá mà thành, thậm chí tự mình mặc áo tràng đắp y, trang nghiêm bề mặt của hội trường, vô hình trung phát huy được lực lượng tịnh hóa lòng người, lại khẳng định tiền bạc không phải là cái vạn năng, chỉ có ban rải “trí tuệ” của Phật pháp, dùng từ bi dung hòa đại chúng, mới có thể khiến xã hội chúng ta càng thêm an hòa lợi lạc.

Trong kinh Phật có ghi: Một vị trưởng giả tên Thiện Sanh được một hộp mạ vàng làm bằng gỗ Chiên Đàn Hương rất hiếm có trên thế gian, ông ta lập tức tuyên bố với mọi người:

- Tôi muốn đem bảo bối hiếm có này dâng tặng cho người bạn cùng nhất trên thế gian.

Rất nhiều người bạn cùng đến trưởng giả Thiện Sanh để đòi cái hộp mạ vàng này nhưng trưởng giả Thiện Sanh lại nói:

- Anh không phải là người bần cùng nhất trên thế gian.

Mọi người nghĩ là ông ta thật tình không có ý muốn cho cái hộp vàng này. Nhân đây yêu cầu ông ta nói ra xem người bần cùng nhất trên thế gian là ai? Trưởng giả Thiện Sanh liền bảo mọi người:

- Ông ta chẳng phải ai khác, chính là quốc vương của chúng ta.

Nhà vua nghe nói việc này, trong lòng rất giận dữ, phái người bắt trưởng giả Thiện Sanh đến, rồi đưa ông ta xem phòng kho thu chứa trân bảo, trong đó vàng bạc tiền của nhiều không thể kể. Nhưng trưởng giả Thiện Sanh vẫn cho nhà vua là người bần cùng nhất trên thế gian, vì nhà vua tuy có tiền, lại không biết làm việc phước lợi cho nhân quần.

Kỳ thực “người giàu mà rất nghèo hèn” như nhà vua, trên thế gian nhiều không kể xiết, tôi may mắn được huân tập rèn luyện trong Phật pháp, biết được “trí tuệ” mới là kho báu chân chính của đời người. Tuy tôi không có tiền, nhưng tôi rất biết dùng tiền, như chùa miếu ngày trước có được tiền liền xây thêm Phật điện, nhưng tôi lại dùng để xây dựng giảng đường và nhà hội, vì tôi biết thân là người xuất gia phải vận dụng “trí tuệ” của mình hướng ra xã hội, hoằng pháp lợi sanh, không nhất định đem trách nhiệm hưng long Phật pháp giao cho Phật Tổ trong Đại Hùng Bảo Điện. Chùa chiền ngày trước có được tiền, bèn đặt thêm khí cụ trang nghiêm, nhưng tôi lại dùng để xây dựng nhà hội nghị và nhà đàm thoại, vì tôi muốn để cho đạo tràng tự viện thành điện đường trí tuệ. Chùa chiền ngày trước có tiền rồi bèn mua sắm nhà đất ruộng vườn, nhưng tôi lại dùng để mở trường học, làm tạp chí, vì tôi muốn đem trí tuệ của đức Phật truyền bá mười phương. Thậm chí chùa chiền ngày trước một khi có tiền dư bèn cất chứa, nhưng tôi lại đem tiền dùng vào những sự nghiệp văn hóa, giáo dục, hoằng pháp, từ thiện..., đến nỗi đem tiền dự tính cho sang năm, năm sau nữa đều xài sạch trong năm nay. Nhưng tôi xưa nay chưa có nhân đó mà phiền não, vì lối nhìn của tôi đối với tiền là “mười phương đến, mười phương đi, cộng thành việc mười phương”. Huống nữa không có tiền thì không có phân tranh lại không có vì con cháu để lại mối họa. Hơn bảy mươi năm, tôi xưa nay chưa từng vì mình mà giữ một chút tiền, tôi biết rằng đây là một lối làm rất có “trí tuệ”.

Tôi chẳng những ở trên việc chi xuất nắm giữ tác phong “dùng trí tuệ thay thế tiền bạc” mà ở trên việc thu nhập tôi cũng theo “trí tuệ” đại chúng mà đề mắt, không phải dùng tiền bạc để kế toán đủ thiếu. Như một bộ Phật Quang Đại Từ Điển giá thành cần 7000 đồng Đài-tệ mới, nhưng tôi chỉ bán ra mỗi bộ 4000 đồng, kết quả người mua chen nhau. Một bộ Trung Quốc Phật Giáo Bạch Thoại Kinh Điện Bảo Tạng giá thành cần 11000 đồng Đài-tệ mới, tôi bán giá một nửa, lập tức tăng thêm mức tiêu thụ năm ngàn bộ, đã giảm bớt tiền kho chứa, cũng khiến thêm nhiều người cùng hưởng “trí tuệ” của Phật giáo. Tôi chỉ là muốn hoằng đạo, há là người mưu lợi? Nhưng ban đầu lúc tôi đề xuất kiến nghị này, bao nhiêu đồ chúng đều không cho là đúng!

Nhớ bốn mươi năm trước, tôi lập “Hội in kinh mỗi tháng”, giúp thêm tiền in mỗi bản một đồng, ngay cả giá thành ấn loát đều không đủ, nhưng tôi có thể duy trì không thiếu, mỗi tháng lại có dư dả in thêm nhiều bản kinh, vì người tham gia ấn hành, hoàn toàn không kể số mục nhiều ít; về sau tôi lập “Hội trợ in Phật Quang Tiểu Tùng Thư”, mỗi bản tiền trợ in chỉ thu mười đồng, mỗi năm Tiểu Tùng Thư đưa ra trăm vạn bản trở lên. Chẳng cần xem chỉ một cuốn sách mỏng mỏng

nhỏ, nó chẳng biết khiến bao nhiêu người thất ý cùng đường gặp được lối thoát, khiến bao nhiêu vợ chồng bất hòa gương vỡ lại lành. Lực lượng của trí tuệ này, đâu là chỗ tiền bạc có thể so sánh?

Hơn ba mươi năm trước lúc Học Viện Phật Giáo Đông Phương bắt đầu xây dựng, một phòng học giá thành là 18 vạn đồng, nhưng mà tiền công đức quyên hiến một phòng học chỉ đòi năm vạn đồng, đồ chúng đảm nhận tính toán lúc đó không ngớt đến nói với tôi:

- Sư phụ, một phòng học giá thành 18 vạn đồng, Thầy chỉ thu năm vạn, thế này không được đâu. Chúng ta sẽ thiếu tiền, dựng không nổi.

Tôi cũng biết năm vạn đồng, không đủ giá thành, nhưng tôi dùng phương thức này, ở trên toàn thế giới xây dựng mười sáu học viện Phật giáo, dùng “trí tuệ” của Phật pháp không biết vì giới Phật giáo tặng gia bao nhiêu sự nghiệp, bồi dưỡng bao nhiêu nhân tài.

Lúc mới khai sơn Phật Quang Sơn, mỗi năm cử hành pháp hội Vạn Duyên, phàm người tham gia, chúng tôi vì họ tiêu tai cầu phúc, mỗi người chỉ thu một trăm đồng, ngay cả tiền cơm cũng không đủ. Đoàn xe triệu sơn từ Đài Bắc đến Phật Quang Sơn ở Cao Hùng, tiền ăn ở ba ngày hai đêm năm bữa cơm, chúng tôi cũng chỉ thu hai trăm đồng, ngay cả tiền xăng dầu đi về cũng không đủ. Nhóm đệ tử đối với việc này đều không ôm thái độ lạc quan, cho rằng tôi thế nào cũng lỗ vốn. Nhưng như thế nhiều năm qua, Phật Quang Sơn chẳng những không nhân đây mà đóng cửa, trái lại người đến thăm viếng càng ngày càng đông. Tôi thường nghĩ: Nếu như một trăm người đến, trong đó có thể có một người biết được cái hay đẹp của Phật pháp, và đem diệu pháp trở về gia đình, mang đến xã hội, quốc gia, chẳng những là phước của Phật giáo, cũng là phước của đại chúng. Do đó, chúng tôi không cần dùng tiền bạc cân nhắc tất cả sự việc, nhất là Phật pháp là cái vô giá, chúng ta nên lưu thông rộng rãi, để mọi người đều hiểu được cách dùng trí tuệ đến trang nghiêm thế giới này.

Xã hội hiện tại, mọi người mở miệng ngậm miệng đều là tiền, thậm chí báo chí truyền bá cũng thường suy đoán xem ai có tiền, ai không có tiền? Phật Quang Sơn cũng nhân đây thường mắc nạn cá ao, như mấy năm trước có người tính xem nhà cửa đất đai của Phật Quang Sơn có bao nhiêu, về sau lại có người đem tài sản của đoàn thể tôn giáo xếp tên, kết quả Phật Quang Sơn trở mất ra nhìn. Kỳ thực, chẳng kể Phật Quang Sơn có tiền hay không tiền, kiến thiết của Phật Quang Sơn đều không phải là dùng tiền bạc mà xây cất, cũng không phải là của cá nhân, mà là của vạn vạn ngàn ngàn người Phật Quang cùng có, là cái dùng sự thành tâm, trí tuệ, lao lực của họ xây dựng nên. Do đó tôi biết rằng: Từ Phật Quang Sơn cho đến nhìn tất cả sự nghiệp đoàn thể, chẳng cần nhìn tiền có nhiều ít, nên nhìn phần tử hợp thành dùng trí tuệ của họ làm được bao nhiêu việc, thành tựu bao nhiêu công đức. Thử hỏi sự phát tâm của họ có thể tính đến cùng tận không?

Trước mắt, giới ngoại giao có nói “tiền bạc ngoại giao”, giới công thương có nói “tiền để ra tiền”, trên xã hội có câu: “Chủ nghĩa thờ tiền”, trên quốc phòng cũng chủ trương tiêu bao nhiêu tiền để mua vũ khí. Kỳ thực ngoài “tiền bạc ngoại giao” ra, chúng ta lại có thể vận dụng “trí tuệ” để tiến hành văn hóa ngoại giao, tôn giáo ngoại giao. Ngoài “tiền để ra tiền”, chúng ta phải nghĩ đến sự trưởng thành của kinh tế chỉ là một chỉ tiêu của sự giàu có. Nâng cao phẩm chất của đại chúng, đề cao trình độ trí tuệ của nhân dân mới là cái trọng yếu nhất. “Chủ nghĩa thờ tiền” đã mang đến tai hại vô cùng cho xã hội; truyền bá quan niệm giá trị chính xác cho đời sau, để bọn họ đều đầy đủ trí tuệ xử thế làm người, mới là việc làm gấp. Mua sắm vũ khí tự vệ thật là trọng yếu, nhưng

cái trọng yếu hơn là tư tưởng quan niệm bảo vệ quốc gia, cho đến toàn thể quốc dân đều phải có đủ trí tuệ lâm nguy bất loạn, bền bỉ bất khuất. Bởi vì cái có thể đánh ngã chúng ta không phải là người khác, mà là sự ngu xuẩn tự lợi của mình. Như nay, ở trong hiệu ứng cốt-bài (mũi nhọn) của kinh tế suy thoái, ở hiện tiền thế cuộc chiến tranh loạn lạc khắp nơi, hy vọng mọi người có thể truyền bá quan niệm “dùng trí tuệ thay thế tiền bạc”. Tiền bạc cố nhiên khẩn yếu, trí tuệ càng trọng yếu hơn, để dân chúng của chúng ta không vì sự có – không của tiền bạc mà lay động chí tiết, để xã hội của chúng ta có trí tuệ cao hơn để khảo nghiệm khi đối diện với nguy nan.

“Trí tuệ! Trí tuệ!” Chúng ta phải hô to: “Trí tuệ Bát-nhã mới là thế gian chí bảo!”.